BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngữ văn

TẬP MỘT

7

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN KHẮC PHI (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN ĐÌNH CHÚ (Chủ biên phần Văn)
NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên phần Tiếng Việt) – TRẦN ĐÌNH SỬ (Chủ biên phần Tập làm văn) – ĐỖ KIM HỒI – NGUYỄN VĂN LONG – BÙI MẠNH NHỊ
LÊ XUÂN THẠI – ĐỖ NGỌC THỐNG

Ngữ văn 7

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ mười bảy)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng cho các em học sinh lớp sau !

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

01–2020/CXBIPH/294–869/GD

Mã số : 2H708T0

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo khoa *Ngữ văn 7* tiếp tục được biên soạn theo Chương trình Trung học cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số 03/2002/QĐ – BGD & ĐT, ngày 24 tháng 1 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lời nói đầu của sách giáo khoa *Ngữ văn 6*, tập một đã trình bày những hướng cải tiến chung của Chương trình và nét cải tiến nổi bật nhất của Chương trình và sách giáo khoa môn Ngữ văn Trung học cơ sở. Ở đây, chỉ nhắc lại vài điểm cốt yếu và nêu thêm một số điểm riêng của sách giáo khoa *Ngữ văn 7*.

Làm quen với việc học môn Ngữ văn theo hướng tích hợp đòi hỏi phải có thời gian. Qua một năm học, các em đã tích luỹ được những kinh nghiệm ban đầu. Trước mắt, điều mà các em cần lưu ý nhất trong phương pháp học tập vẫn là kết hợp việc học tập, rèn luyện các tri thức, kĩ năng ở cả ba phần Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn với nhau cho thật tốt.

Phương châm biên soạn, nội dung cụ thể cũng như cấu trúc của sách giáo khoa đã tạo điều kiện để thầy, cô giáo tổ chức hoạt động học tập cho các em trên lớp cũng như ở nhà. Tuy nhiên, yếu tố cơ bản quyết định kết quả học tập vẫn là quyết tâm tự học của mỗi người.

Chương trình Ngữ văn lớp 7 có một số điểm mới so với chương trình Văn – Tiếng Việt – Tập làm văn lớp 7 trước đây. Về phần Tập làm văn, các em chủ yếu sẽ học hai kiểu văn bản *biểu cảm* và *nghị luận*. Về phần Văn, các em sẽ được tiếp xúc nhiều với *thơ văn trữ tình*, trong đó có không ít tác phẩm viết bằng chữ Hán ở thời trung đại, và một số *tác phẩm văn chương nghị luận*. Đọc – hiểu được thơ văn trữ tình và tác phẩm văn chương nghị luận không phải là dễ, viết văn biểu cảm và nghị luận cũng có mặt khó hơn văn tự sự và miêu tả – hai kiểu văn bản các em đã được học ở môn Tiếng Việt Tiểu học và *Ngữ văn 6*. Tuy nhiên, sự bố trí phù hợp giữa thể loại văn học và kiểu văn bản như trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi

cho việc học tập và rèn luyện ở cả hai phần Văn và Tập làm văn. Về phần Tiếng Việt, các em sẽ học một số kiến thức và rèn luyện một số kĩ năng về cấu tạo từ (từ ghép, từ láy), về từ vựng (từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm, thành ngữ), về từ loại (đại từ, quan hệ từ), về cú pháp (trạng ngữ, rút gọn câu, câu bị động,...), về tu từ (điệp ngữ, chơi chữ) và về chuẩn mực sử dụng từ. Các em cần thường xuyên liên hệ với những kiến thức về Tiếng Việt đã được học ở bậc Tiểu học, đặc biệt cần chú ý vận dụng những kiến thức về Tiếng Việt vào việc đọc – hiểu các tác phẩm văn học và viết các bài tập làm văn. Sách giáo khoa *Ngữ văn 7* tiếp tục cung cấp 50 yếu tố Hán Việt, trong đó có một số yếu tố vốn là từ Hán được dùng trong nguyên văn các văn bản chữ Hán ở những tác phẩm được học. Hai giờ lí thuyết về từ Hán Việt ở học kì I cung cấp cho các em một số kiến thức cơ bản về từ Hán Việt, tạo điều kiện cho các em hiểu được sắc thái biểu cảm của từ Hán Việt và bước đầu biết sử dụng đúng từ Hán Việt.

Hi vọng rằng sách giáo khoa *Ngữ văn 7* sẽ xứng đáng là người bạn đường đáng tin cậy của các em trên con đường chiếm lĩnh những kiến thức cơ bản và rèn luyện những kĩ năng cần thiết của bộ môn.

TM. Nhóm biên soạn

Tổng Chủ biên

NGUYỄN KHẮC PHI

BÀI 1

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận và thấm thía những tình cảm thiêng liêng, sâu nặng của cha mẹ đối với con cái ; thấy được ý nghĩa lớn lao của nhà trường đối với cuộc đời mỗi con người.*
- *Nắm được cấu tạo và ý nghĩa của các loại* ***từ ghép****.*
- *Hiểu rõ về* ***liên kết văn bản****, một trong những tính chất quan trọng nhất của văn bản.*

VĂN BẢN

CỔNG TRƯỜNG MỞ RA

Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được. Một ngày kia, còn xa lắm, ngày đó con sẽ biết thế nào là không ngủ được. Còn bây giờ giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống một li sữa, ăn một cái kẹo. Gương mặt thanh thoát của con tựa nghiêng trên gối mềm, đôi môi hé mở và thỉnh thoảng chúm lại như đang mút kẹo.

Con là một đứa trẻ nhạy cảm(1). Cứ mỗi lần, vào đêm trước ngày sắp đi chơi xa, con lại háo hức(2) đến nỗi lên giường mà không sao nằm yên được. Nhưng mẹ chỉ dỗ một lát là con đã ngủ. Đêm nay con cũng có niềm háo hức như vậy : Ngày mai con vào lớp Một. Việc chuẩn bị quần áo mới, giày nón(3) mới, cặp sách mới, tập vở mới, mọi thứ đâu đó đã sẵn sàng, khiến con cảm nhận được sự quan trọng của ngày khai trường. Nhưng cũng như trước một chuyến đi xa, trong lòng con không có mối bận tâm(4) nào khác ngoài chuyện ngày mai thức dậy cho kịp giờ.

Mẹ đắp mền(5) cho con, buông mùng, ém góc(6) cẩn thận, rồi bỗng không biết làm gì nữa. Mọi ngày, khi con đã ngủ, mẹ dọn dẹp nhà cửa. Mẹ lượm những chiếc xe thiết giáp(7) dưới gầm ghế, cạnh chân bàn, những chú rô-bốt(8) bằng

nhựa đứng ngồi khắp nơi, và giữa nhà là đoàn quân thú dàn trận trong một cuộc chiến tranh Sư Tử – Khủng Long mà ngày nào con cũng bày ra. Căn nhà mình chỉ tạm ngăn nắp, gọn gàng từ khi con ngủ cho đến sáng hôm sau.

Nhưng hôm nay tất cả những việc đó con đã giúp mẹ làm từ chiều. Mẹ nói : "Ngày mai đi học, con là cậu học sinh lớp Một rồi". Nghe vậy con hăng hái tranh với mẹ dọn dẹp đồ chơi.

Mẹ thường nhân lúc con ngủ mà làm vài việc của riêng mình. Nhưng hôm nay mẹ không tập trung được vào việc gì cả. Mẹ cũng không định làm những việc ấy tối nay. Nhìn con ngủ một lát, rồi mẹ đi xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con. Mẹ tự bảo mình cũng nên đi ngủ sớm.

Mẹ lên giường và trằn trọc. Con đã đi học từ ba năm trước, hồi mới ba tuổi vào lớp Mẫu giáo, đã biết thế nào là trường, lớp, thầy, bạn. Ngay cả ngôi trường mới, con cũng đã tập làm quen từ những ngày hè. Tuần lễ trước ngày khai giảng, con đã làm quen với bạn bè và cô giáo mới, đã tập xếp hàng, tập đi, tập đứng, để

chuẩn bị cho buổi lễ khai trường long trọng này. Mẹ tin là con sẽ không bỡ ngỡ trong ngày đầu năm học.

Thực sự mẹ không lo lắng đến nỗi không ngủ được. Mẹ tin đứa con của mẹ lớn rồi. Mẹ tin vào sự chuẩn bị rất chu đáo cho con trước ngày khai trường. Còn điều gì để lo lắng nữa đâu ! Mẹ không lo, nhưng vẫn không ngủ được. Cứ nhắm mắt lại là dường như vang bên tai tiếng đọc bài trầm bổng : "Hằng năm cứ vào cuối thu... Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp".

Cái ấn tượng khắc sâu mãi mãi trong lòng một con người về cái ngày "hôm nay tôi đi học" ấy, mẹ muốn nhẹ nhàng, cẩn thận và tự nhiên ghi vào lòng con. Để rồi bất cứ một ngày nào đó trong đời, khi nhớ lại, lòng con lại rạo rực những cảm xúc bâng khuâng, xao xuyến. Ngày mẹ còn nhỏ, mùa hè nhà trường đóng cửa hoàn toàn, và ngày khai trường đúng là ngày đầu tiên học trò lớp Một đến trường gặp thầy mới, bạn mới. Cho nên ấn tượng của mẹ về buổi khai trường đầu tiên ấy rất sâu đậm. Mẹ còn nhớ sự nôn nao, hồi hộp khi cùng bà ngoại đi tới gần ngôi trường và nỗi chơi vơi hốt hoảng khi cổng trường đóng lại, bà ngoại đứng ngoài cánh cổng như đứng bên ngoài cái thế giới mà mẹ vừa bước vào.

Mẹ nghe nói ở Nhật, ngày khai trường là ngày lễ của toàn xã hội. Người lớn nghỉ việc để đưa trẻ con đến trường, đường phố được dọn quang đãng và trang trí tươi vui. Tất cả quan chức nhà nước vào buổi sáng ngày khai trường đều chia nhau đến dự lễ khai giảng ở khắp các trường học lớn nhỏ. Bằng hành động đó, họ muốn cam kết rằng, không có ưu tiên nào lớn hơn ưu tiên giáo dục thế hệ trẻ cho tương lai. Các quan chức không chỉ ngồi trên hàng ghế danh dự mà nhân dịp này còn xem xét ngôi trường, gặp gỡ với Ban Giám hiệu, thầy, cô giáo và phụ huynh học sinh, để điều chỉnh kịp thời những chính sách về giáo dục. Ai cũng biết rằng mỗi sai lầm trong giáo dục sẽ ảnh hưởng đến cả một thế hệ mai sau, và sai lầm một li có thể đưa thế hệ ấy đi chệch cả hàng dặm[9] sau này.

Đêm nay mẹ không ngủ được. Ngày mai là ngày khai trường lớp Một của con. Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói : "Đi đi con, hãy can đảm[10] lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra".

(*Theo* Lý Lan, báo *Yêu trẻ*, số 166, ngày 1 – 9 – 2000)

Chú thích

(1) *Nhạy cảm* : cảm nhận rất nhanh và tinh bằng các giác quan, bằng cảm tính.

(2) *Háo hức* : ở trạng thái tình cảm vui, phấn khởi khi nghĩ đến một điều hay và nóng lòng muốn làm ngay điều đó.

(3) *Nón* (từ địa phương) : ở đây chỉ mũ.

(4) *Bận tâm* : đang có điều phải suy nghĩ, lo lắng, không yên lòng.

(5) *Mền* (từ địa phương) : chăn đắp.

(6) *Mùng* (từ địa phương) : màn ; *ém góc* (từ địa phương) : giắt màn xuống dưới các góc chiếu.

(7) *Xe thiết giáp* : xe bọc thép (*thiết* : sắt ; *giáp* : vỏ cứng bọc ngoài một số loài động vật ; áo có vật lót cứng bằng da hoặc sắt,... của người xưa mặc ra trận).

(8) *Rô-bốt* : người máy.

(9) *Dặm* (đơn vị cũ đo độ dài của Việt Nam) : bằng 444,44 mét. Ở đây tượng trưng cho quãng đường dài.

(10) *Can đảm* : có tinh thần mạnh mẽ, không sợ gian khổ hay nguy hiểm, khó khăn.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Sau khi đọc, hãy tóm tắt nội dung của văn bản *Cổng trường mở ra* bằng một vài câu ngắn gọn. (Trả lời câu hỏi : Tác giả viết về cái gì, việc gì ?)

2. Đêm trước ngày khai trường, tâm trạng của người mẹ và đứa con có gì khác nhau ? Điều đó biểu hiện ở những chi tiết nào trong bài ?

3. Theo em, tại sao người mẹ lại không ngủ được ? Chi tiết nào chứng tỏ ngày khai trường đã để lại dấu ấn thật sâu đậm trong tâm hồn người mẹ ?

4.* Có phải người mẹ đang nói trực tiếp với con không ? Theo em, người mẹ đang tâm sự với ai ? Cách viết này có tác dụng gì ?

5. Câu văn nào trong bài nói lên tầm quan trọng của nhà trường đối với thế hệ trẻ ?

6. Người mẹ nói : "... bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra". Đã bảy năm bước qua cánh cổng trường, bây giờ em hiểu *thế giới kì diệu* đó là gì ?

Ghi nhớ

Như những dòng nhật kí tâm tình, nhỏ nhẹ và sâu lắng, bài văn giúp ta hiểu thêm tấm lòng thương yêu, tình cảm sâu nặng của người mẹ đối với con và vai trò to lớn của nhà trường đối với cuộc sống mỗi con người.

LUYỆN TẬP

1. Một bạn cho rằng, có rất nhiều ngày khai trường, nhưng ngày khai trường để vào học lớp Một là ngày có dấu ấn sâu đậm nhất trong tâm hồn mỗi con người. Em có tán thành ý kiến đó không ? Vì sao ?

2. Hãy nhớ lại và viết thành đoạn văn về một kỉ niệm đáng nhớ nhất trong ngày khai trường đầu tiên của mình.

ĐỌC THÊM

TRƯỜNG HỌC

En-ri-cô yêu dấu của bố ! Việc học quả là khó nhọc đối với con. Như mẹ đã nói, con vẫn chưa đến trường với thái độ hăm hở và vẻ mặt tươi cười. Nhưng con hãy nghĩ xem, một ngày sẽ trống trải biết bao nếu con không đến trường. Và chắc chắn chỉ một tuần lễ thôi, thế nào con cũng xin trở lại lớp học. Hiện nay tất cả thiếu niên đều đi học, En-ri-cô yêu dấu ạ. Con hãy nghĩ đến những người thợ tối tối vẫn đến trường sau khi đã lao động vất vả suốt ngày ; hãy nghĩ đến những cô gái đã đi học ngày chủ nhật vì cả tuần lễ phải bận rộn trong các xưởng thợ, đến những người lính ở thao trường trở về là đã viết viết, đọc đọc. Con hãy nghĩ đến những cậu bé câm và mù mà vẫn phải học [...]. Con hãy nghĩ đến tất cả trẻ em trên thế giới gần như cùng một lúc cũng đang đi học [...]. Con hãy tưởng tượng số học sinh đông như kiến của hàng trăm dân tộc khác nhau ấy, cái phong trào cực kì rộng lớn mà họ tham gia và hãy tự nhủ rằng : "Nếu phong trào ấy mà ngừng thì nhân loại sẽ chìm đắm trở lại trong cảnh dã man. Phong trào ấy là sự tiến bộ, là niềm hi vọng, là vinh quang của thế giới". Hãy can đảm lên con, người lính nhỏ của đạo quân mênh mông ấy. Sách vở là vũ khí của con, lớp học là đơn vị của con, trận địa là cả hoàn cầu và chiến thắng là nền văn minh nhân loại. Ôi, không bao giờ con lại là một người lính nhát gan, phải không En-ri-cô của bố.

(*Theo* Ét-môn-đô đơ A-mi-xi, *Những tấm lòng cao cả*,
Hoàng Thiếu Sơn *dịch*, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 1999)

VĂN BẢN

MẸ TÔI

Thứ năm, ngày 10 tháng 11

Bố để ý là sáng nay, lúc cô giáo đến thăm, khi nói với mẹ, tôi có nhỡ thốt ra một lời thiếu lễ độ[1]. Để cảnh cáo[2] tôi, bố đã viết thư này. Đọc thư tôi xúc động vô cùng.

"Trước mặt cô giáo, con đã thiếu lễ độ với mẹ. Việc như thế không bao giờ con được tái phạm nữa. En-ri-cô của bố ạ ! Sự hỗn láo của con như một nhát dao đâm vào tim bố vậy ! Bố nhớ, cách đây mấy năm, mẹ đã phải thức suốt đêm, cúi mình trên chiếc nôi trông chừng hơi thở hổn hển[3] của con, quằn quại[4] vì nỗi lo sợ, khóc nức nở khi nghĩ rằng có thể mất con !... Nhớ lại điều ấy, bố không thể nén được cơn tức giận đối với con. Hãy nghĩ xem, En-ri-cô à ! Con mà lại xúc phạm đến mẹ con ư ? Người mẹ sẵn sàng bỏ hết một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn, người mẹ có thể đi ăn xin để nuôi con, có thể hi sinh tính mạng để cứu sống con !

Hãy nghĩ kĩ điều này, En-ri-cô ạ : Trong đời, con có thể trải qua những ngày buồn thảm, nhưng ngày buồn thảm nhất tất sẽ là ngày mà con mất mẹ.

Khi đã khôn lớn, trưởng thành[5], khi các cuộc đấu tranh đã tôi luyện con thành người dũng cảm, có thể có lúc con sẽ mong ước thiết tha được nghe lại tiếng nói của mẹ, được mẹ dang tay ra đón vào lòng. Dù có lớn khôn, khoẻ mạnh thế nào đi chăng nữa, con sẽ vẫn tự thấy mình chỉ là một đứa trẻ tội nghiệp, yếu đuối và không được chở che. Con sẽ cay đắng khi nhớ lại những lúc đã làm cho mẹ đau lòng... Con sẽ không thể sống thanh thản, nếu đã làm cho mẹ buồn phiền. Dù có hối hận[6], có cầu xin linh hồn mẹ tha thứ... tất cả cũng chỉ vô ích mà thôi. Lương tâm[7] con sẽ không một phút nào yên tĩnh. Hình ảnh dịu dàng và hiền hậu của mẹ sẽ làm tâm hồn con như bị khổ hình[8]. En-ri-cô này ! Con hãy nhớ rằng, tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình thương yêu đó.

Từ nay, không bao giờ con được thốt ra một lời nói nặng với mẹ. Con phải xin lỗi mẹ, không phải vì sợ bố, mà do sự thành khẩn trong lòng. Con hãy cầu xin mẹ hôn con, để cho chiếc hôn ấy xoá đi cái dấu vết vong ân bội nghĩa[9] trên trán

con. Bố rất yêu con, En-ri-cô ạ, con là niềm hi vọng tha thiết nhất của đời bố, nhưng thà rằng bố không có con, còn hơn là thấy con bội bạc[10] với mẹ. Thôi, trong một thời gian con đừng hôn bố : bố sẽ không thể vui lòng đáp lại cái hôn của con được.

Bố của con"

(Ét-môn-đô đơ A-mi-xi[★], *Những tấm lòng cao cả*, Sđd)

Chú thích

(★) Ét-môn-đô đơ A-mi-xi (1846 – 1908), nhà văn I-ta-li-a (Ý), tác giả của các cuốn sách : *Cuộc đời của các chiến binh* (tập truyện ngắn, 1868), *Những tấm lòng cao cả* (truyện thiếu nhi, 1886), *Cuốn truyện của người thầy* (1890), *Giữa trường và nhà* (tập truyện ngắn, 1892),...

(1) *Lễ độ* : thái độ được coi là đúng mực, biết coi trọng người khác khi giao tiếp.

(2) *Cảnh cáo* : phê phán một cách nghiêm khắc đối với những việc làm sai trái.

(3) *Hơi thở hổn hển* : hơi thở mạnh, ngắt quãng khó khăn, mệt nhọc.

(4) *Quằn quại* : chỉ tình trạng đau đớn, vật vã của cơ thể. Ở đây chỉ trạng thái tình cảm đau đớn tột độ khi trong lòng có nỗi lo âu, buồn bã.

(5) *Trưởng thành* : đã trở thành người lớn.

(6) *Hối hận* : lấy làm tiếc và day dứt, đau đớn, tự trách mình khi nhận ra đã làm một điều gì đó sai lầm.

(7) *Lương tâm* : chỉ yếu tố tinh thần giúp bản thân nhận ra được cái đúng, cái sai về đạo đức để có thể tự điều chỉnh việc làm của mình (*lương* : tốt, lành ; *tâm* : trái tim, lòng người).

(8) *Khổ hình* : hình phạt nặng nề, khổ sở về thể xác.

(9) *Vong ân bội nghĩa* : quên ơn (*vong ân*), trái với đạo nghĩa (*bội nghĩa*).

(10) *Bội bạc* : phản lại người tốt, người đã từng giúp đỡ mình.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Văn bản là một bức thư của người bố gửi cho con, nhưng tại sao tác giả lại lấy nhan đề là "Mẹ tôi" ?

2. Thái độ của người bố đối với En-ri-cô qua bức thư là thái độ như thế nào ? Dựa vào đâu mà em biết được ? Lí do gì đã khiến ông có thái độ ấy ?

3. Trong truyện có những hình ảnh, chi tiết nào nói về người mẹ của En-ri-cô ? Qua đó em hiểu mẹ của En-ri-cô là người như thế nào ?

4. Theo em, điều gì đã khiến En-ri-cô "xúc động vô cùng" khi đọc thư của bố ? Hãy tìm hiểu và lựa chọn những lí do mà em cho là đúng trong các lí do sau :

a) Vì bố gợi lại những kỉ niệm giữa mẹ và En-ri-cô.

b) Vì En-ri-cô sợ bố.

c) Vì thái độ kiên quyết và nghiêm khắc của bố.

d) Vì những lời nói rất chân tình và sâu sắc của bố.

e) Vì En-ri-cô thấy xấu hổ.

Ngoài những lí do trên, có còn lí do nào khác không ?

5.* Theo em, tại sao người bố không nói trực tiếp với En-ri-cô mà lại viết thư ?

Ghi nhớ

"Con hãy nhớ rằng, tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình thương yêu đó." (A-mi-xi)

LUYỆN TẬP

1. Hãy chọn một đoạn trong thư của bố En-ri-cô có nội dung thể hiện vai trò vô cùng lớn lao của người mẹ đối với con và học thuộc đoạn đó.

2. Hãy kể lại một sự việc em lỡ gây ra khiến bố, mẹ buồn phiền.

ĐỌC THÊM

THƯ GỬI MẸ

Con thường sống ngẩng cao đầu mẹ ạ
Tính tình con hơi ngang bướng kiêu kì
Nếu có vị chúa nào nhìn con vào mắt
Con chẳng bao giờ cúi mặt trước uy nghi.

Nhưng mẹ ơi con xin thú thật
Trái tim con dù kiêu hãnh thế nào
Đứng trước mẹ dịu dàng, chân chất
Con thấy mình bé nhỏ làm sao.

(Hen-rích Hai-nơ, Tế Hanh *dịch*)

VÌ SAO HOA CÚC CÓ NHIỀU CÁNH NHỎ

Ngày xưa có một em bé gái đi tìm thuốc chữa bệnh cho mẹ. Em được Phật trao cho một bông cúc. Sau khi dặn em cách làm thuốc cho mẹ, Phật nói thêm : "Hoa cúc có bao nhiêu cánh, người mẹ sẽ sống thêm bấy nhiêu năm". Vì muốn mẹ sống thật lâu, cô bé dừng lại bên đường tước các cánh hoa ra thành nhiều cánh nhỏ. Từ đó hoa cúc có rất nhiều cánh... Ngày nay cúc vẫn được dùng chữa bệnh.

(Theo *Người mẹ và phái đẹp*,
NXB Văn hoá, Hà Nội, 1990)

TỪ GHÉP

I – CÁC LOẠI TỪ GHÉP

1. Trong các từ ghép *bà ngoại, thơm phức* ở những ví dụ sau, tiếng nào là tiếng chính, tiếng nào là tiếng phụ bổ sung ý nghĩa cho tiếng chính ? Em có nhận xét gì về trật tự của các tiếng trong những từ ấy ?

– *Mẹ còn nhớ sự nôn nao, hồi hộp khi cùng* ***bà ngoại*** *đi tới gần ngôi trường và nỗi chơi vơi hốt hoảng khi cổng trường đóng lại* [...].

(Lý Lan)

– *Cốm không phải thức quà của người vội ; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi* ***thơm phức*** *của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ* [...].

(Thạch Lam)

2. Các tiếng trong hai từ ghép *quần áo, trầm bổng* ở những ví dụ sau (trích từ văn bản *Cổng trường mở ra*) có phân ra tiếng chính, tiếng phụ không ?

*– Việc chuẩn bị **quần áo** mới, giày nón mới, cặp sách mới, tập vở mới, mọi thứ đâu đó đã sẵn sàng, khiến con cảm nhận được sự quan trọng của ngày khai trường.*

*– Mẹ không lo, nhưng vẫn không ngủ được. Cứ nhắm mắt lại là dường như vang bên tai tiếng đọc bài **trầm bổng** [...].*

Ghi nhớ

- ***Từ ghép** có hai loại : **từ ghép chính phụ** và **từ ghép đẳng lập**.*
- *Từ ghép chính phụ có tiếng chính và tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính. Tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau.*
- *Từ ghép đẳng lập có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp (không phân ra tiếng chính, tiếng phụ).*

II – NGHĨA CỦA TỪ GHÉP

1. So sánh nghĩa của từ *bà ngoại* với nghĩa của *bà*, nghĩa của từ *thơm phức* với nghĩa của *thơm*, em thấy có gì khác nhau ?

2. So sánh nghĩa của từ *quần áo* với nghĩa của mỗi tiếng *quần, áo* ; nghĩa của từ *trầm bổng* với nghĩa của mỗi tiếng *trầm, bổng*, em thấy có gì khác nhau ?

Ghi nhớ

- *Từ ghép chính phụ có tính chất phân nghĩa. Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa của tiếng chính.*
- *Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa. Nghĩa của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó.*

III – LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ ghép *suy nghĩ, lâu đời, xanh ngắt, nhà máy, nhà ăn, chài lưới, cây cỏ, ẩm ướt, đầu đuôi, cười nụ* theo bảng phân loại sau đây :

Từ ghép chính phụ	
Từ ghép đẳng lập	

2. Điền[(a)] thêm tiếng vào sau các tiếng dưới đây để tạo từ ghép chính phụ :

bút ... *ăn* ...

thước ... *trắng* ...

mưa ... *vui* ...

làm ... *nhát* ...

3. Điền thêm tiếng vào sau các tiếng dưới đây để tạo từ ghép đẳng lập :

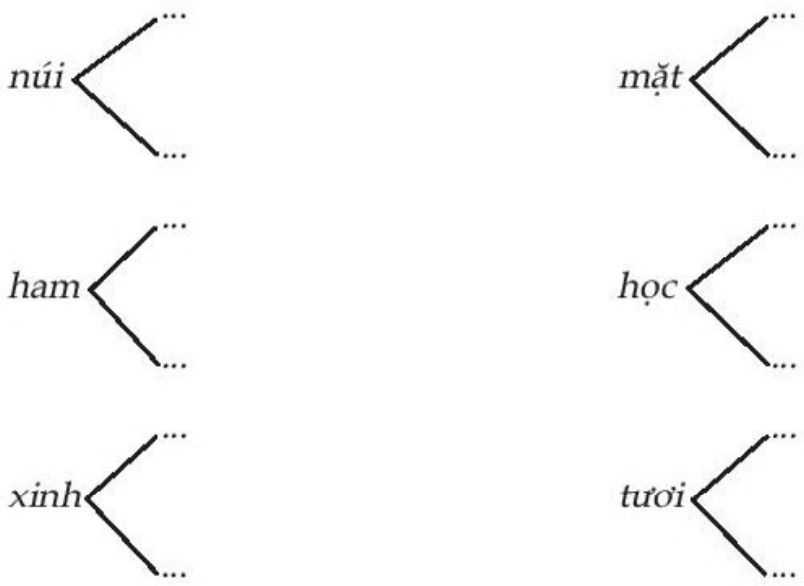

4. Tại sao có thể nói *một cuốn sách, một cuốn vở* mà không thể nói *một cuốn sách vở* ?

5. a) Có phải mọi thứ hoa có màu hồng đều gọi là *hoa hồng* không ?

(a) Các dạng bài tập điền chữ cái, dấu thanh, tiếng, từ, cụm từ,... vào chỗ trống, ở trong *Ngữ văn 7*, học sinh chép lại và làm vào vở bài tập.

b) Em Nam nói : *"Cái áo dài của chị em ngắn quá !"*. Nói như thế có đúng không ? Tại sao ?

c) Có phải mọi loại *cà chua* đều chua không ? Nói : *"Quả cà chua này ngọt quá !"* có được không ? Tại sao ?

d) Có phải mọi loại cá màu vàng đều là *cá vàng* không ? *Cá vàng* là loại cá như thế nào ?

6. So sánh nghĩa của các từ ghép *mát tay, nóng lòng, gang thép (Anh ấy là một chiến sĩ gang thép), tay chân (một tay chân thân tín)* với nghĩa của những tiếng tạo nên chúng.

7.* Thử phân tích cấu tạo của những từ ghép có ba tiếng *máy hơi nước, than tổ ong, bánh đa nem* theo mẫu sau :

Mẫu :

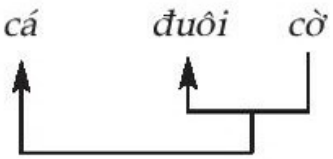

ĐỌC THÊM

Có những tiếng trong từ ghép ngày nay không còn rõ nghĩa nhưng có thể tìm thấy nghĩa của chúng trong tiếng địa phương, trong một số ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam, trong các văn bản cổ.

Trong tiếng địa phương : *rú* trong *rừng rú* (trong tiếng Nghệ – Tĩnh, *rú* là "một loại rừng già") ; *qué* trong *gà qué* (trong tiếng Thanh Hoá, *qué* có nghĩa là "gà") ; *cộ* trong *xe cộ* (trong tiếng địa phương Nam Bộ, *cộ* chỉ "loại xe trượt không có bánh dùng để kéo gỗ ở rừng hoặc kéo lúa trên ruộng").

Trong một số ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam (có thể có sự khác biệt chút ít về mặt ngữ âm) :

– *Nang* trong *cau nang* (trong tiếng Mường, *nang* nghĩa là "cau") ;

– *Ỏi* trong *ít ỏi* (trong tiếng Mường, *ỏi* nghĩa là "ít") ;

– *Phai* trong *mương phai* (trong tiếng Tày Nùng, *phai* là "con đập chắn ngang dòng suối").

Trong các văn bản cổ :

– *Lệ* trong *e lệ* có nghĩa là "e", "sợ".

***Lệ** khi hoa chẳng chiều ong.*

(Phan Trần)

– *Chác* trong *bán chác, đổi chác* có nghĩa là "mua", "đổi".

*Túi đã không tiền khôn **chác** rượu.*

(Nguyễn Trãi, *Quốc âm thi tập*)

LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

I – LIÊN KẾT VÀ PHƯƠNG TIỆN LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

1. Tính liên kết của văn bản

a) Theo em, nếu bố En-ri-cô chỉ viết mấy câu sau, thì En-ri-cô có thể hiểu điều bố muốn nói chưa ?

Trước mặt cô giáo, con đã thiếu lễ độ với mẹ. Bố nhớ, cách đây mấy năm, mẹ đã phải thức suốt đêm, cúi mình trên chiếc nôi trông chừng hơi thở hổn hển của con, quằn quại vì nỗi lo sợ, khóc nức nở khi nghĩ rằng có thể mất con ! Hãy nghĩ xem, En-ri-cô à ! Người mẹ sẵn sàng bỏ hết một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn, người mẹ có thể đi ăn xin để nuôi con, có thể hi sinh tính mạng để cứu sống con ! Thôi, trong một thời gian con đừng hôn bố.

b) Nếu En-ri-cô chưa hiểu ý bố thì hãy cho biết vì lí do nào trong các lí do kể dưới đây :

– Vì có câu văn viết chưa đúng ngữ pháp ;

– Vì có câu văn nội dung chưa thật rõ ràng ;

– Vì giữa các câu còn chưa có sự liên kết (*liên* : liền ; *kết* : nối, buộc ; *liên kết* : nối liền nhau, gắn bó với nhau).

c) Từ đó, hãy trả lời câu hỏi : Muốn cho đoạn văn có thể hiểu được thì nó phải có tính chất gì ?

2. Phương tiện liên kết trong văn bản

a) Đọc kĩ lại đoạn văn trên và cho biết do thiếu ý gì mà nó trở nên khó hiểu. Hãy sửa lại đoạn văn để En-ri-cô hiểu được ý của bố.

b) Đọc các câu văn sau và chỉ ra sự thiếu liên kết của chúng. Hãy sửa lại để thành một đoạn văn có nghĩa.

Một ngày kia, còn xa lắm, ngày đó con sẽ biết thế nào là không ngủ được. Giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống một li sữa, ăn một cái kẹo. Gương mặt thanh thoát của đứa trẻ tựa nghiêng trên gối mềm, đôi môi hé mở và thỉnh thoảng chúm lại như đang mút kẹo.

c) Từ hai ví dụ trên, em hãy cho biết : Một văn bản có tính liên kết trước hết phải có điều kiện gì ? Cùng với điều kiện ấy, các câu trong văn bản phải sử dụng các phương tiện gì ?

Ghi nhớ

- ***Liên kết*** *là một trong những tính chất quan trọng nhất của văn bản, làm cho văn bản trở nên có nghĩa, dễ hiểu.*
- *Để văn bản có tính liên kết, người viết (người nói) phải làm cho nội dung của các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau ; đồng thời, phải biết kết nối các câu, các đoạn đó bằng những phương tiện ngôn ngữ (từ, câu, ...) thích hợp.*

II – LUYỆN TẬP

1. Sắp xếp những câu văn dưới đây theo một thứ tự hợp lí để tạo thành một đoạn văn có tính liên kết chặt chẽ.

(1) *Một quan chức của thành phố đã kết thúc buổi lễ phát thưởng như sau :* (2) *Và ông đưa tay chỉ về phía các thầy giáo, cô giáo ngồi trên các hành lang.* (3) *Các thầy, các cô đều đứng dậy vẫy mũ, vẫy khăn đáp lại, tất cả đều xúc động về sự biểu lộ lòng mến yêu ấy của học sinh.* (4) *"Ra khỏi đây, các con ạ, các con không được quên gửi lời chào và lòng biết ơn đến những người đã vì các con mà không quản bao mệt nhọc, những người đã hiến cả trí thông minh và lòng dũng cảm cho các con, những người sống và chết vì các con, và họ đây này !".* (5) *Nghe lời kêu gọi cảm động, đáp ứng đúng những tình cảm của mình, tất cả học sinh đều đứng dậy, dang tay về phía các thầy, các cô.*

2. Các câu văn dưới đây đã có tính liên kết chưa ? Vì sao ?

Tôi nhớ đến mẹ tôi "lúc người còn sống, tôi lên mười". Mẹ tôi âu yếm dắt tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Sáng nay, lúc cô giáo đến thăm, tôi nói với mẹ có nhỡ thốt ra một lời thiếu lễ độ. Còn chiều nay, mẹ hiền từ của tôi cho tôi đi dạo chơi với anh con trai lớn của bác gác cổng.

(*Lưu ý* : Về hình thức, các câu văn này có vẻ rất "liên kết".)

3. Điền những từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn dưới đây để các câu liên kết chặt chẽ với nhau.

Bà ơi ! Cháu thường về đây, ra vườn, đứng dưới gốc na, gốc ổi mong tìm lại hình bóng của... và nhớ lại ngày nào... trồng cây, ... chạy lon ton bên bà. ... bảo khi nào cây có quả... sẽ dành quả to nhất, ngon nhất cho..., nhưng cháu lại bảo quả to nhất, ngon nhất phải để phần bà. ... bà ôm cháu vào lòng, hôn cháu một cái thật kêu.

(*Theo* Nguyễn Thu Thuỷ Tiên,
Những bức thư đoạt giải UPU [a])

4. *"Đêm nay mẹ không ngủ được. Ngày mai là ngày khai trường lớp Một của con."*

Có người nhận xét : Sự liên kết giữa hai câu trên hình như không chặt chẽ, vậy mà chúng vẫn được đặt cạnh nhau trong văn bản *Cổng trường mở ra*. Em hãy giải thích tại sao.

(*Gợi ý* : Hãy đọc những câu văn tiếp đó.)

5. Chắc em biết câu chuyện cổ tích kể về một anh trai cày đã dẫn đủ trăm đốt tre nhưng không nhờ đến phép màu của Bụt thì không sao có được cây tre trăm đốt. Câu chuyện ấy có giúp em hiểu được điều gì cụ thể hơn về vai trò của liên kết trong văn bản không ?

ĐỌC THÊM

Nhà văn Nguyễn Công Hoan kể lại : Hồi đầu thế kỉ XX, đã có người viết một lối văn "ngắn đến cộc lốc". Ví dụ như :

(a) *UPU* : Liên minh Bưu chính Quốc tế.

– *Anh đi đâu ngày mai, bạn tôi hỏi.*

– *Chơi.*

– *Hê-ra-clít* [a] *uống nước hai lần trong một dòng sông ?*

– *Sẽ có.*

– *Cho mà xem.*

Nguyễn Công Hoan nhận xét : Trong đoạn văn dẫn trên, có "nhiều ý cóc nhảy như loại *chơi*, rồi *Hê-ra-clít*, rồi *sẽ có*, rồi *cho mà xem*, khiến người đọc không hiểu có cái dây tư tưởng nào nó nối từ ý *chơi* đến ý *cho mà xem*". Nhà văn còn cho biết, nhiều người ngày ấy đùa rằng, đến người viết những câu này cũng không hiểu mình nói gì nữa là người đọc !

(Theo *Tuyển tập Nguyễn Công Hoan*, tập III,
NXB Văn học, Hà Nội, 1986)

BÀI 2

Kết quả cần đạt

- *Thấy được những tình cảm chân thành và sâu nặng của hai em bé trong câu chuyện. Cảm nhận được nỗi đau đớn, xót xa của những bạn nhỏ chẳng may rơi vào hoàn cảnh gia đình bất hạnh và biết thông cảm, chia sẻ với những bạn ấy.*
- *Nhận ra được cách kể chuyện rất chân thật và cảm động của tác giả.*
- *Thấy được tầm quan trọng của* ***bố cục*** *trong văn bản. Có ý thức xây dựng bố cục khi tạo lập văn bản và bước đầu xây dựng được văn bản có bố cục rành mạch, hợp lí.*
- *Hiểu rõ khái niệm* ***mạch lạc*** *trong văn bản, từ đó biết tạo lập những văn bản có tính mạch lạc.*

(a) *Hê-ra-clít* (khoảng 544 – 483 tr. CN) : nhà triết học Hi Lạp thời cổ đại, tác giả câu nói nổi tiếng : "Người ta không thể tắm hai lần trong cùng một dòng sông".

VĂN BẢN

CUỘC CHIA TAY CỦA NHỮNG CON BÚP BÊ[1]

Mẹ tôi, giọng khản đặc, từ trong màn nói vọng ra :

– Thôi, hai đứa liệu mà đem chia đồ chơi ra đi.

Vừa nghe thấy thế, em tôi bất giác run lên bần bật, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi. Cặp mắt đen của em lúc này buồn thăm thẳm, hai bờ mi đã sưng mọng lên vì khóc nhiều.

Đêm qua, lúc nào chợt tỉnh, tôi cũng nghe tiếng nức nở, tức tưởi của em. Tôi cứ phải cắn chặt môi để khỏi bật lên tiếng khóc to, nhưng nước mắt cứ tuôn ra như suối, ướt đầm cả gối và hai cánh tay áo.

Sáng nay dậy sớm, tôi khẽ mở cửa rón rén đi ra vườn, ngồi xuống gốc cây hồng xiêm. Chợt thấy động phía sau, tôi quay lại : em tôi đã theo ra từ lúc nào. Em lặng lẽ đặt tay lên vai tôi. Tôi kéo em ngồi xuống và khẽ vuốt lên mái tóc.

Chúng tôi cứ ngồi im như vậy. Đằng đông, trời hửng dần. Những bông hoa thược dược trong vườn đã thoáng hiện trong màn sương sớm và bắt đầu khoe bộ cánh rực rỡ của mình. Lũ chim sâu[2] nhảy nhót trên cành và chiêm chiếp kêu. Ngoài đường, tiếng xe máy, tiếng ô tô và tiếng nói chuyện của những người đi chợ mỗi lúc một ríu ran. Cảnh vật vẫn cứ như hôm qua, hôm kia thôi mà sao tai hoạ giáng xuống đầu anh em tôi nặng nề thế này.

Gia đình tôi khá giả. Anh em tôi rất thương nhau. Phải nói em tôi rất ngoan. Nó lại khéo tay nữa. Hồi còn học lớp Năm, có lần tôi đi đá bóng, bị xoạc một miếng áo rất to. Sợ mẹ đánh, tôi cứ ngồi lì ngoài bãi không dám về. Nghe lũ bạn tôi mách, em đã đem kim chỉ ra tận sân vận động. Nó bảo :

– Anh cởi áo ra, em vá lại cho. Em vá khéo, mẹ không biết được đâu.

Nhìn bàn tay mảnh mai của em dịu dàng đưa mũi kim thoăn thoắt, không hiểu sao tôi thấy ân hận quá. Lâu nay, mải vui chơi bè bạn, chẳng lúc nào tôi chú ý đến em... Từ đấy, chiều nào tôi cũng đi đón em. Chúng tôi nắm tay nhau vừa đi vừa trò chuyện.

Vậy mà giờ đây, anh em tôi sắp phải xa nhau. Có thể sẽ xa nhau mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ thôi.

Nhưng không, có tiếng dép lẹp kẹp trong nhà và tiếng mẹ tôi :

– Thằng Thành, con Thuỷ đâu ?

Chúng tôi giật mình, líu ríu dắt nhau đứng dậy.

– Đem chia đồ chơi ra đi ! – Mẹ tôi ra lệnh.

Thuỷ mở to đôi mắt như người mất hồn, loạng choạng bám vào cánh tay tôi. Dìu em vào trong nhà, tôi bảo :

– Không phải chia nữa. Anh cho em tất.

Tôi nhắc lại hai ba lần, Thuỷ mới giật mình nhìn xuống. Em buồn bã lắc đầu :

– Không, em không lấy. Em để hết lại cho anh.

– Lằng nhằng mãi. Chia ra ! – Mẹ tôi quát và giận dữ đi về phía cổng.

Em tôi sụt sịt bảo :

– Thôi thì anh cứ chia ra vậy.

Đồ chơi của chúng tôi cũng chẳng có nhiều. Tôi dành hầu hết cho em : bộ tú lơ khơ, bàn cá ngựa, những con ốc biển và bộ chì màu. Thuỷ chẳng quan tâm đến

chuyện đó, mắt nó cứ ráo hoảnh[3] nhìn vào khoảng không, thỉnh thoảng lại nấc lên khe khẽ. Nhưng khi tôi vừa lấy hai con búp bê từ trong tủ ra, đặt sang hai phía thì em bỗng tru tréo lên giận dữ :

– Anh lại chia rẽ con Vệ Sĩ với con Em Nhỏ ra à ? Sao anh ác thế !

Tôi nhìn em buồn bã :

– Thì anh đã nói với em rồi. Anh cho em tất cả.

Tôi đặt con Vệ Sĩ vào cạnh con Em Nhỏ giữa đống đồ chơi của Thuỷ. Cặp mắt em dịu lại, nhưng chợt nghĩ ra điều gì, em lại kêu lên :

– Nhưng như vậy lấy ai gác đêm cho anh ?

Tôi nhếch mép cười cay đắng. Trước đây có thời kì tôi toàn mê ngủ thấy ma. Thuỷ bảo : "Để em bắt con Vệ Sĩ gác cho anh".

Em buộc con dao díp[4] vào lưng con búp bê lớn và đặt ở đầu giường tôi. Đêm ấy, tôi không chiêm bao thấy ma nữa. Từ đấy, tối tối, sau khi học xong bài, Thuỷ lại "võ trang"[5] cho con Vệ Sĩ và đem đặt trên đầu giường tôi. Buổi sáng, em tháo dao ra, đặt nó về chỗ cũ, cạnh con Em Nhỏ. Hai con quàng tay lên vai nhau, ghé đầu vào nhau thân thiết. Từ khi về nhà tôi, chúng chưa phải xa nhau ngày nào, nên bây giờ thấy tôi đem chia chúng ra, Thuỷ không chịu đựng nổi. Chúng tôi cứ ngồi thừ ra, chẳng muốn chia bôi cũng chẳng muốn thu lại nữa. Một lát sau, em tôi đem đặt hai con búp bê về chỗ cũ. Chúng lại thân thiết quàng tay lên vai nhau và âu yếm ngước nhìn chúng tôi. Thuỷ bỗng trở nên vui vẻ :

– Anh xem chúng đang cười kìa !

Tôi cố vui vẻ theo em, nhưng nước mắt đã ứa ra.

Bỗng Thuỷ lại xịu mặt xuống :

– Sao bố mãi không về nhỉ ? Như vậy là em không được chào bố trước khi đi.

Tôi nhìn sang cửa phòng bố. Mấy ngày rồi, bố vẫn biệt tăm. Tôi xót xa nhìn em. Bao giờ nó cũng chu đáo và hiếu thảo như vậy.

– Hay anh dẫn em đến trường một lát.

Tôi đứng dậy, lấy chiếc khăn mặt ướt đưa cho em. Thuỷ lau nước mắt rồi soi gương, chải lại tóc. Anh em tôi dẫn nhau ra đường. Em nắm chặt tay tôi và nép sát vào như những ngày còn nhỏ. Chúng tôi đi chậm chậm trên con đường đất đỏ quen thuộc của thị xã quê hương. Đôi lúc, đột nhiên em dừng lại, mắt cứ nhìn đau

đáu vào một gốc cây hay một mái nhà nào đó, toàn những cảnh quen thuộc trên con đường chúng tôi đã đi lại hàng nghìn lần từ thuở ấu thơ.

Gần trưa, chúng tôi mới ra đến trường học. Tôi dẫn em đến lớp 4B. Cô giáo Tâm đang giảng bài. Chúng tôi đứng nép vào một gốc cây trước lớp. Em cắn chặt môi im lặng, mắt lại đăm đăm nhìn khắp sân trường, từ cột cờ đến tấm bảng tin và những vạch than vẽ ô ăn quan[6] trên hè gạch. Rồi em bật lên khóc thút thít.

– Ôi, em Thuỷ ! – Tiếng kêu sửng sốt của cô giáo làm tôi giật mình.

Em tôi bước vào lớp :

– Thưa cô, em đến chào cô... – Thuỷ nức nở.

Cô Tâm ôm chặt lấy em :

– Cô biết chuyện rồi. Cô thương em lắm !

Và cô quay xuống lớp :

– Bố mẹ bạn Thuỷ bỏ nhau. Thuỷ phải xa lớp ta, theo mẹ về quê ngoại.

Một tiếng "ồ" nổi lên kinh ngạc. Cả lớp sững sờ. Đã có tiếng khóc thút thít của mấy đứa bạn thân. Vài đứa mạnh dạn bỏ chỗ ngồi, đi lên nắm chặt lấy tay em tôi như chẳng muốn rời. Toàn những bạn đánh chuyền, đánh chắt, có cái kẹo, quả táo cũng để dành phần nhau trong suốt mấy năm qua...

Cô giáo Tâm gỡ tay Thuỷ, đi lại phía bục, mở cặp lấy một quyển sổ cùng với chiếc bút máy nắp vàng đưa cho em tôi và nói :

– Cô tặng em. Về trường mới, em cố gắng học tập nhé !

Em đặt vội quyển sổ và cây bút lên bàn :

– Thưa cô, em không dám nhận... em không được đi học nữa.

– Sao vậy ? – Cô Tâm sửng sốt.

– Nhà bà ngoại em ở xa trường học lắm. Mẹ em bảo sẽ sắm cho em một thúng hoa quả để ra chợ ngồi bán.

"Trời ơi !", cô giáo tái mặt và nước mắt giàn giụa. Lũ nhỏ cũng khóc mỗi lúc một to hơn. Cuối cùng, sợ làm ảnh hưởng đến giờ học, em tôi ngửng đầu lên, nức nở :

– Thôi, em chào cô ở lại. Chào tất cả các bạn, tôi đi.

Tôi dắt em ra khỏi lớp. Nhiều thầy cô ngừng giảng bài, ái ngại nhìn theo chúng tôi. Ra khỏi trường, tôi kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật.

Vừa tới nhà, tôi đã nhìn thấy một chiếc xe tải đỗ trước cổng. Mấy người hàng xóm đang giúp mẹ tôi khuân đồ đạc lên xe.

Cuộc chia tay đột ngột quá. Thuỷ như người mất hồn, mặt tái xanh như tàu lá. Em chạy vội vào trong nhà mở hòm đồ chơi của nó ra. Hai con búp bê tôi đã đặt gọn vào trong đó. Thuỷ lấy con Vệ Sĩ ra đặt lên giường tôi, rồi bỗng ôm ghì lấy con búp bê, hôn gấp gáp lên mặt nó và thì thào :

– Vệ Sĩ thân yêu ở lại nhé ! Ở lại gác cho anh tao ngủ nhé ! Xa mày, con Em Nhỏ sẽ buồn lắm đấy, nhưng biết làm thế nào...

Em khóc nức lên và chạy lại nắm tay tôi dặn dò :

– Anh ơi ! Bao giờ áo anh có rách, anh tìm về chỗ em, em vá cho, anh nhé...

Tôi khóc nấc lên. Mẹ tôi từ ngoài đi vào. Mẹ vuốt tóc tôi và nhẹ nhàng dắt tay em Thuỷ :

– Đi thôi con.

Qua màng nước mắt, tôi nhìn theo mẹ và em trèo lên xe. Bống em lại tụt xuống chạy về phía tôi, tay ôm con búp bê. Em đi nhanh về chiếc giường, đặt con Em Nhỏ quàng tay vào con Vệ Sĩ.

– Em để nó ở lại – Giọng em ráo hoảnh – Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng nó ngồi cách xa nhau. Anh nhớ chưa ? Anh hứa đi.

– Anh xin hứa.

Tôi mếu máo trả lời và đứng như chôn chân xuống đất, nhìn theo cái bóng bé nhỏ liêu xiêu của em tôi trèo lên xe. Chiếc xe tải rồ máy, lao ra đường và phóng đi mất hút.

(*Theo* Khánh Hoài, *Tuyển tập thơ – văn được giải thưởng trong cuộc thi viết về quyền trẻ em*, năm 1992)

Chú thích

(1) Truyện ngắn *Cuộc chia tay của những con búp bê* của tác giả Khánh Hoài được trao giải Nhì trong cuộc thi thơ – văn viết về quyền trẻ em do Viện Khoa học Giáo dục và Tổ chức cứu trợ trẻ em Rát-đa Bác-nen – Thuỵ Điển tổ chức năm 1992.

(2) *Chim sâu* : loài chim nhỏ, lông xanh xám, thường sống ở các bụi cây, ăn sâu bọ nhỏ.

(3) *Ráo hoảnh* : khô, không có một chút nước nào. Ở đây hiểu là không có chút nước mắt nào.

(4) *Dao díp* (còn gọi là *dao nhíp*) : một loại dao nhỏ, bỏ túi, lưỡi gập được vào cán.

(5) *Võ trang* (còn gọi là *vũ trang*) : trang bị để chiến đấu. Ở đây chỉ việc đứa em buộc con dao díp vào lưng con búp bê Vệ Sĩ đặt ở đầu giường người anh.

(6) *Ô ăn quan* : một trò chơi dân gian của trẻ em, có hai người chơi, thường kẻ ô trên mặt đất, dùng các hòn sỏi hoặc đá nhỏ làm quân.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Đọc kĩ văn bản để nắm được : Truyện viết về ai, về việc gì ? Ai là nhân vật chính trong truyện ?

2. Hãy suy nghĩ và thảo luận với bạn trong nhóm về mấy điểm sau :

a) Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy ? Việc lựa chọn ngôi kể này có tác dụng gì ?

b) Tên truyện có liên quan đến ý nghĩa của truyện không ? (Búp bê có chia tay không, vì sao chúng phải chia tay, búp bê có lỗi gì mà phải chia tay ?)

3. Hãy tìm các chi tiết trong truyện để thấy hai anh em Thành, Thuỷ rất mực gần gũi, thương yêu, chia sẻ và luôn quan tâm đến nhau.

4.* Lời nói và hành động của Thuỷ khi thấy anh chia hai con búp bê Vệ Sĩ và Em Nhỏ ra hai bên có gì mâu thuẫn ? Theo em, có cách nào để giải quyết được mâu thuẫn ấy không ? Kết thúc truyện, Thuỷ đã lựa chọn cách giải quyết như thế nào ? Chi tiết này gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm gì ?

5. Chi tiết nào trong cuộc chia tay của Thuỷ với lớp học làm cô giáo bàng hoàng và chi tiết nào khiến em cảm động nhất ? Vì sao ?

6. Em hãy giải thích vì sao khi dắt Thuỷ ra khỏi trường, tâm trạng của Thành lại "kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật".

7. Qua câu chuyện này, theo em, tác giả muốn nhắn gửi đến mọi người điều gì ?

Ghi nhớ

Cuộc chia tay đau đớn và đầy cảm động của hai em bé trong truyện khiến người đọc thấm thía rằng : Tổ ấm gia đình là vô cùng quý giá và quan trọng. Mọi người hãy cố gắng bảo vệ và gìn giữ, không nên vì bất kì lí do gì làm tổn hại đến những tình cảm tự nhiên, trong sáng ấy.

ĐỌC THÊM

TRÁCH NHIỆM CỦA BỐ MẸ

Bố mẹ có trách nhiệm hàng đầu trong việc nuôi dạy con cái và nhà nước phải giúp họ thực hiện trách nhiệm ấy. Nhà nước sẽ đem lại sự giúp đỡ thích đáng cho bố mẹ trong việc nuôi dạy con.

(*Trích* Điều 18, *Công ước về quyền trẻ em của Liên hợp quốc*, 1989)

THẾ GIỚI RỘNG VÔ CÙNG[a]

[...] Bên ngoài trời mưa tuôn
Nước mắt con đẫm buồn
Tại sao xảy ra thế ?
Tất cả cùng mất luôn ?

Con có vòng tay mẹ, tay cha
Hơi ấm nồng nàn như chẳng muốn xa
Nhưng, chao ôi, khi con tỉnh giấc
Mẹ đi rồi, cha cũng rời xa

Con gái mẹ đã thực sự lớn rồi
Trong thế giới này bao la hùng vĩ,
Nhưng điều ấy chẳng là gì, mẹ nhỉ
Nếu phải giã từ bởi cuộc chia li.

(Báo *Hoa học trò*, số 273)

BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN

I – BỐ CỤC VÀ NHỮNG YÊU CẦU VỀ BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN

1. Bố cục của văn bản

a) Em muốn viết một lá đơn để xin gia nhập Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Hãy cho biết : Những nội dung trong đơn ấy có cần được sắp xếp theo một trật tự không ? Có thể tuỳ thích muốn ghi nội dung nào trước cũng được hay không ? (Ví dụ, có nên viết lí do khiến em muốn xin vào Đội trước, rồi mới khai rõ họ tên em là gì, sống và học ở đâu không ? Hoặc có nên đưa ra lời hứa sẽ tiếp tục phấn đấu sau khi được kết nạp vào Đội trước, rồi mới nêu lí do xin vào Đội hay không ? Vì sao ?)

(a) Nguyên văn : *Big, big world* – một bài hát rất nổi tiếng của Ê-mi-la, miêu tả tâm trạng trống vắng, lạnh lẽo của một em bé khi bố mẹ li hôn. Đoạn trích trên lấy từ bản dịch của Phương Thuỳ – được giải Nhất báo *Hoa học trò*.

b) Sự sắp đặt nội dung các phần trong văn bản theo một trình tự hợp lí được gọi là *bố cục*. Em hãy cho biết : Vì sao khi xây dựng văn bản, cần phải quan tâm tới bố cục ?

2. Những yêu cầu về bố cục trong văn bản

Đọc hai câu chuyện sau và trả lời câu hỏi.

(1) *Có một con ếch quen thói coi trời bằng vung, nên cứ nghênh ngang đi lại khắp nơi, nhâng nháo nhìn trời và kêu ồm ộp. Trước kia, ếch sống ở trong giếng. Tại vì năm ấy trời mưa, nước trong giếng dềnh lên tràn bờ, đưa ếch ta ra ngoài.*

Trước đó, ếch ta đã từ đáy giếng nhìn lên và nó thấy trời bé tí, chỉ bằng cái vung thôi. Còn nó thì lại oai ghê lắm, vì nó mà đã cất tiếng kêu thì tất thảy bọn cua, ốc, nhái ở giếng đều phải hoảng sợ. Cuối cùng, nó bị một con trâu giẫm bẹp. Từ đấy, trâu trở thành bạn của nhà nông.

(2) *Ngày xưa, có một anh tính rất hay khoe. Một hôm, anh ta may được cái áo mới, liền đem ra mặc, rồi đứng hóng ở cửa, đợi có ai qua người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều chả thấy ai hỏi cả, anh ta tức lắm.*

Nhưng rồi anh ta cũng khoe được áo với một người rằng : "Từ lúc tôi mặc chiếc áo mới này, tôi chả thấy con lợn nào chạy qua cả". Đấy là do người kia, tính cũng hay khoe, bỗng không biết từ đâu tất tưởi chạy đến hỏi anh ta : "Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không ?".

Câu hỏi :

a) Hai câu chuyện trên đã có bố cục chưa ?

b) Cách kể chuyện như trên bất hợp lí ở chỗ nào ?

c) Theo em, nên sắp xếp bố cục hai câu chuyện trên như thế nào ?

3. Các phần của bố cục

a) Hãy nêu nhiệm vụ của ba phần Mở bài, Thân bài, Kết bài trong văn bản miêu tả và văn bản tự sự.

b) Có cần phân biệt rõ ràng nhiệm vụ của mỗi phần không ? Vì sao ?

c) Có bạn nói rằng phần Mở bài chỉ là sự tóm tắt, rút gọn của phần Thân bài, còn phần Kết bài chẳng qua chỉ là sự lặp lại một lần nữa của Mở bài. Nói như vậy có đúng không ? Vì sao ?

d) Một bạn khác lại cho rằng nội dung chính của việc miêu tả, tự sự (của đơn từ nữa) được dồn cả vào phần Thân bài nên Mở bài và Kết bài là những phần không cần thiết lắm. Em có đồng ý với ý kiến đó không ?

Ghi nhớ

• *Văn bản không thể được viết một cách tuỳ tiện mà phải có* ***bố cục*** *rõ ràng. Bố cục là sự bố trí, sắp xếp các phần, các đoạn theo một trình tự, một hệ thống rành mạch và hợp lí.*

• *Các điều kiện để bố cục được rành mạch và hợp lí :*

– Nội dung các phần, các đoạn trong văn bản phải thống nhất chặt chẽ với nhau ; đồng thời, giữa chúng lại phải có sự phân biệt rạch ròi.

– Trình tự xếp đặt các phần, các đoạn phải giúp cho người viết (người nói) dễ dàng đạt được mục đích giao tiếp đã đặt ra.

• *Văn bản thường được xây dựng theo một bố cục gồm có ba phần : Mở bài, Thân bài, Kết bài.*

II – LUYỆN TẬP

1. Tìm những ví dụ thực tế để chứng tỏ rằng : Nếu chúng ta biết chú ý đến việc sắp xếp các ý cho rành mạch thì bài viết (lời nói) của chúng ta sẽ có hiệu quả thuyết phục cao. Ngược lại, nếu không biết sắp xếp các ý cho hợp lí thì bài viết (lời nói) của chúng ta sẽ không hiểu được, không được tiếp nhận.

2. Hãy ghi lại bố cục của truyện *Cuộc chia tay của những con búp bê*. Bố cục ấy, theo em, đã rành mạch và hợp lí chưa ? Có thể kể lại câu chuyện ấy theo một bố cục khác được không ?

3. Có một bạn được phân công báo cáo kinh nghiệm học tập tại Hội nghị học tốt của trường. Bạn ấy dự định viết bản báo cáo theo một bố cục gồm ba phần như sau :

(I) *Mở bài* : Chào mừng các đại biểu, các thầy cô và các bạn tham dự Hội nghị.

(II) *Thân bài* :

(1) Nêu rõ bản thân đã học thế nào trên lớp.

(2) Nêu rõ bản thân đã học thế nào ở nhà.

(3) Nêu rõ bản thân đã học thế nào trong cuộc sống.

(4) Nêu thành tích hoạt động Đội và thành tích văn nghệ của bản thân.

(III) *Kết bài* : Chúc Hội nghị thành công.

Bố cục trên đây đã rành mạch và hợp lí chưa ? Vì sao ? Theo em, có thể bổ sung thêm điều gì ?

MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN

I – MẠCH LẠC VÀ NHỮNG YÊU CẦU VỀ MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN

1. Mạch lạc trong văn bản

a) Hai chữ *mạch lạc* trong Đông y vốn có nghĩa là mạch máu trong thân thể. Trong một văn bản cũng có cái gì giống như mạch máu làm cho các phần của văn bản thống nhất lại, gọi là *mạch lạc*. Dựa vào hiểu biết trên, em hãy xác định mạch lạc trong văn bản có những tính chất gì trong số các tính chất kể dưới đây :

– Trôi chảy thành dòng, thành mạch ;

– Tuần tự đi qua khắp các phần, các đoạn trong văn bản ;

– Thông suốt, liên tục, không đứt đoạn.

b) Có người cho rằng : Trong văn bản, mạch lạc là sự tiếp nối của các câu, các ý theo một trình tự hợp lí. Em có tán thành ý kiến đó không ? Vì sao ?

2. Các điều kiện để một văn bản có tính mạch lạc

a) Văn bản *Cuộc chia tay của những con búp bê* kể về nhiều sự việc khác nhau : mẹ bắt hai con phải chia đồ chơi ; hai anh em Thành, Thuỷ rất thương nhau ; chuyện về hai con búp bê ; Thành đưa em đến lớp chào cô giáo và các bạn ; hai anh em phải chia tay ; Thuỷ để cả hai con búp bê lại cho Thành.

Hãy cho biết toàn bộ sự việc trong văn bản xoay quanh sự việc chính nào. "Sự chia tay" và "những con búp bê" đóng vai trò gì trong truyện ? Hai anh em Thành và Thuỷ có vai trò gì trong truyện ?

b) Các từ ngữ : *chia tay, chia đồ chơi, chia ra, chia đi, chia rẽ, xa nhau, khóc, ...* cứ lặp đi lặp lại trong bài. Một loạt từ ngữ và chi tiết khác biểu thị ý không muốn phân chia cũng lặp đi lặp lại : *anh cho em tất, chẳng muốn chia bôi, chúng lại thân thiết quàng tay lên vai nhau, không bao giờ để chúng nó ngồi cách xa nhau, ...*

Theo em, đó có phải là *chủ đề* (vấn đề chủ yếu) liên kết các sự việc nêu trên thành một thể thống nhất không ? Đó có thể xem là mạch lạc của văn bản không ?

c) Trong văn bản *Cuộc chia tay của những con búp bê* có đoạn kể việc hiện tại, có đoạn kể việc quá khứ, có đoạn kể việc ở nhà, có đoạn kể việc ở trường, có đoạn kể chuyện hôm qua, có đoạn kể chuyện sáng nay, ...

Hãy cho biết các đoạn ấy được nối với nhau theo mối liên hệ nào trong các mối liên hệ dưới đây :

– Liên hệ thời gian ;

– Liên hệ không gian ;

– Liên hệ tâm lí (nhớ lại) ;

– Liên hệ ý nghĩa (tương đồng, tương phản).

Những mối liên hệ giữa các đoạn ấy có tự nhiên và hợp lí không ?

Ghi nhớ

- *Văn bản cần phải* ***mạch lạc****.*
- *Một văn bản có tính mạch lạc là văn bản :*

– Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản đều nói về một đề tài, biểu hiện một chủ đề chung xuyên suốt.

– Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản được tiếp nối theo một trình tự rõ ràng, hợp lí, trước sau hô ứng nhau nhằm làm cho chủ đề liền mạch và gợi được nhiều hứng thú cho người đọc (người nghe).

II – LUYỆN TẬP

1. Hãy tìm hiểu tính mạch lạc của :

a) Văn bản *Mẹ tôi* (Ét-môn-đô đơ A-mi-xi).

b) Một trong hai văn bản sau :

(1) LÃO NÔNG VÀ CÁC CON

Hãy lao động cần cù gắng sức,
Ấy chân lưng sung túc nhất đời.
Phú nông gần đất xa trời
Họp riêng con lại, nói lời thiết tha
Rằng : "Ruộng đất ông cha để lại
Các con đừng khờ dại bán đi.
Kho vàng chôn dưới đất kia,
Cha không biết chỗ. Kiên trì gắng công
Tìm khắc thấy : cuối cùng sẽ thắng.
Xốc ruộng lên tháng tám sau mùa,
Tay cày, tay cuốc, tay bừa,
Xới qua xới lại, chẳng chừa chỗ không".
Bố chết. Các con cùng gắng gổ
Lật tung đồng đây đó khắp nơi,
Kĩ càng công việc xong xuôi,
Cuối năm lúa tốt bời bời bội thu.
Vàng với bạc giấu mô chẳng thấy,
Rõ ràng ông bố ấy khôn ngoan,
Trước khi từ giã trần gian
Lấy câu "lao động là vàng" dạy con.

(La Phông-ten, *Ngụ ngôn chọn lọc*, Tú Mỡ *dịch*)

(2) *Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng – những màu vàng rất khác nhau. Có lẽ bắt đầu từ những đêm sương sa thì bóng tối đã hơi cứng và sáng ngày ra trông thấy màu trời có vàng hơn mọi khi. Lúa chín dưới đồng vàng xuộm lại. Nắng nhạt ngả màu vàng hoe. Trong vườn, lắc lư những chùm quả xoan vàng lịm, không trông thấy cuống, như những chuỗi tràng hạt bồ đề treo lơ lửng. Từng chiếc lá mít vàng sẫm. Tàu đu đủ, chiếc lá sắn héo lại mở năm cánh vàng tươi. Buồng chuối quả chín vàng đốm. Nắng vườn chuối đương có gió lẫn*

với lá vàng, như những vạt áo nắng, đuôi áo nắng, vẫy vẫy. Bụi mía vàng xọng, từng đốt ngần phấn trắng. Dưới sân, rơm và thóc vàng giòn. Quanh đó, con gà, con chó cũng vàng mượt. Mái nhà phủ một màu rơm vàng mới. Tất cả đượm một màu trù phú, đầm ấm lạ lùng. Không có cảm giác héo tàn, hanh hao lúc sắp bước vào mùa đông.

(Theo Tô Hoài, *Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả)*

(*Gợi ý* :

– Chủ đề chung xuyên suốt các phần, các đoạn và các câu của mỗi văn bản là gì ?

– Trình tự tiếp nối của các phần, các đoạn, các câu trong văn bản có giúp cho sự thể hiện chủ đề được liên tục, thông suốt và hấp dẫn không ?)

2. Trong truyện *Cuộc chia tay của những con búp bê*, tác giả đã không thuật lại tỉ mỉ nguyên nhân dẫn đến sự chia tay của hai người lớn. Theo em như vậy có làm cho tác phẩm thiếu mạch lạc không ?

BÀI 3

Kết quả cần đạt

- *Hiểu được khái niệm* ***ca dao, dân ca****. Nắm được nội dung, ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu của những bài ca có* ***chủ đề tình cảm gia đình*** *và* ***tình yêu quê hương, đất nước, con người*** *trong bài học. Thuộc những bài ca trong hai văn bản.*
- *Nắm được cấu tạo của các loại* ***từ láy****. Bước đầu hiểu được mối quan hệ âm – nghĩa của từ láy.*
- *Viết tốt bài tập làm văn số 1. Chú ý đến tính liên kết, bố cục và mạch lạc của văn bản.*
- *Nắm được* ***các bước tạo lập một văn bản****. Củng cố lại những kiến thức và kĩ năng về liên kết, bố cục và mạch lạc trong văn bản.*

VĂN BẢN

CA DAO, DÂN CA(★)

NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH

1. *Công cha như núi ngất trời,*
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.
Núi cao biển rộng mênh mông,
Cù lao chín chữ (1) *ghi lòng con ơi !*

2. *Chiều chiều ra đứng ngõ sau,*
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều(2).

3. *Ngó lên nuộc lạt* (3) *mái nhà,*
Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.

4. *Anh em nào phải người xa,*
Cùng chung bác mẹ (4)*, một nhà cùng thân*(5).
Yêu nhau như thể tay chân,
Anh em hoà thuận, hai thân(6) *vui vầy.*

Chú thích

(★) *Ca dao, dân ca* là những khái niệm tương đương, chỉ các thể loại trữ tình dân gian, kết hợp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người. Hiện nay người ta có phân biệt hai khái niệm *dân ca* và *ca dao*. *Dân ca* là những sáng tác kết hợp *lời* và *nhạc*, tức những câu hát dân gian trong diễn xướng. *Ca dao* là lời thơ của dân ca. Ca dao còn bao gồm cả những bài thơ dân gian mang phong cách nghệ thuật chung với lời thơ của dân ca. Khái niệm *ca dao* còn được dùng để chỉ một thể thơ dân gian – thể ca dao.

(1) *Cù lao chín chữ* : chín chữ nói về công lao cha mẹ nuôi con vất vả nhiều bề (*cù* : siêng năng, *lao* : khó nhọc ; *chín chữ cù lao* gồm *sinh* : đẻ, *cúc* : nâng đỡ, *phủ* : vuốt ve, *súc* : cho bú, cho ăn, *trưởng* : nuôi cho lớn, *dục* : dạy dỗ, *cố* : trông nom, đoái hoài, *phục* : theo dõi tính tình mà uốn nắn, *phúc (phú)* : che chở).

(2) *Chiều* (chìu) : bề ; *chín chiều* : chín bề. Ở đây có nghĩa là nhiều bề.

(3) *Nuộc lạt* : mối buộc của sợi lạt (*lạt* : dây buộc bằng mây, tre,... chẻ mỏng).

(4) *Bác mẹ* : ở đây chỉ cha mẹ.

(5) *Cùng thân* : cùng là ruột thịt.

(6) *Hai thân* : thân phụ và thân mẫu, chỉ cha mẹ.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Lời của từng bài ca dao là lời của ai, nói với ai ? Tại sao em khẳng định như vậy ?

2. Tình cảm mà bài 1 muốn diễn tả là tình cảm gì ? Hãy chỉ ra cái hay của ngôn ngữ, hình ảnh, âm điệu của bài ca này. Tìm những câu ca dao cũng nói đến *công cha, nghĩa mẹ* tương tự như bài 1.

3. Bài 2 là tâm trạng người phụ nữ lấy chồng xa quê. Hãy nói rõ tâm trạng đó qua việc phân tích các hình ảnh thời gian, không gian, hành động và nỗi niềm của nhân vật.

4. Bài 3 diễn tả nỗi nhớ và sự yêu kính đối với ông bà. Những tình cảm đó được diễn tả như thế nào ? Cái hay của cách diễn tả đó ?

5. Trong bài 4, tình cảm anh em thân thương được diễn tả như thế nào ? Bài ca này nhắc nhở chúng ta điều gì ?

6. Những biện pháp nghệ thuật nào được cả bốn bài ca dao sử dụng ?

Ghi nhớ

Tình cảm gia đình *là một trong những chủ đề tiêu biểu của ca dao, dân ca. Những câu thuộc chủ đề này thường là lời ru của mẹ, lời của cha mẹ, ông bà nói với con cháu, lời của con cháu nói về cha mẹ, ông bà và thường dùng các hình ảnh so sánh, ẩn dụ quen thuộc để bày tỏ tâm tình, nhắc nhở về công ơn sinh thành, về tình mẫu tử và tình anh em ruột thịt.*

LUYỆN TẬP

1. Tình cảm được diễn tả trong bốn bài ca là những tình cảm gì ? Em có nhận xét gì về những tình cảm đó ?

2.* Ngoài những bài ca được học và đọc thêm trong sách giáo khoa, em hãy tìm đọc và chép lại một số bài ca khác có nội dung tương tự.

– Ơn cha nặng lắm ai ơi,
Nghĩa mẹ [a] *bằng trời, chín tháng cưu mang*[b].

– Cây khô chưa dễ mọc chồi,
Bác mẹ chưa dễ ở đời với ta ;
Non xanh[c] *bao tuổi mà già*
Bởi vì sương tuyết [d] *hoá ra bạc đầu.*

– Con người có cố [e], *có ông,*
Như cây có cội, như sông có nguồn[g].

– Anh em như chân với tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

VĂN BẢN

NHỮNG CÂU HÁT
VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI

1. *– Ở đâu năm cửa*[1] *nàng ơi*
Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng ?
Sông nào bên đục, bên trong ?
Núi nào thắt cổ bồng[2] *mà có thánh sinh ?*
Đền nào thiêng nhất xứ Thanh
Ở đâu mà lại có thành tiên xây ?
...

(a) *Nghĩa mẹ* : chỉ công ơn sinh thành, nuôi dạy của mẹ, thường dùng với *ơn* (công) *cha* và thường được hiểu cùng nghĩa với *ơn cha*.

(b) *Cưu mang* : ở đây có nghĩa là mang thai.

(c) *Non xanh* : ở đây là cách nói ẩn dụ chỉ cha mẹ.

(d) *Sương tuyết* : ở đây là cách nói ẩn dụ chỉ sự gian nan, vất vả.

(e) *Cố* : người sinh ra ông hoặc bà.

(g) *Cội* : gốc ; *nguồn* : nơi bắt đầu của sông, suối.

– Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi
Sông Lục Đầu[3] *sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.*
Nước sông Thương [4] *bên đục bên trong,*
Núi Đức Thánh Tản[5] *thắt cổ bồng lại có thánh sinh.*
Đền Sòng[6] *thiêng nhất xứ Thanh*
Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây [7].
...

2. *Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ* [8],
Xem cầu Thê Húc [9], *xem chùa Ngọc Sơn*[10],
Đài Nghiên, Tháp Bút [11] *chưa mòn,*
Hỏi ai gây dựng nên non nước này[12] *?*

3. *Đường vô xứ Huế quanh quanh*[13],
Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ.
Ai vô xứ Huế thì vô...

4. *Đứng bên ni* [14] *đồng, ngó* [15] *bên tê* [16] *đồng, mênh mông bát ngát,*
Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông.
Thân em như chẽn lúa đòng đòng [17],
Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

Chú thích

(1) *Năm cửa* : năm cửa ô của Hà Nội (Ô Chợ Dừa, Ô Cầu Giấy, Ô Quan Chưởng, Ô Cầu Dền, Ô Đống Mác).

(2) *Thắt cổ bồng* : eo, thót ở giữa như hình cái bồng (*bồng* : một nhạc cụ, hai đầu bịt như mặt trống, chính giữa thắt eo). Ví dụ : mâm bồng thường dùng để xếp ngũ quả trên bàn thờ.

(3) *Sông Lục Đầu* : quãng sông do sông Thương, sông Cầu, sông Lục Nam, sông Đuống, sông Kinh Môn, sông Thái Bình gặp nhau tạo thành. Tên sông Lục Đầu gợi nghĩ đến chiến thắng Vạn Kiếp lẫy lừng của Trần Hưng Đạo chống quân Mông – Nguyên xưa kia.

(4) *Sông Thương* : con sông có đoạn chảy qua thị xã Bắc Giang, ở đây đặc điểm "nước chảy đôi dòng" (bên đục, bên trong) của sông Thương nổi rõ hơn cả.

(5) *Núi Đức Thánh Tản* : tức núi Tản Viên (Ba Vì). Theo truyền thuyết, Sơn Tinh (tức thần Tản Viên, sau được tôn là Đức Thánh Tản) hoá phép khiến núi thắt cổ bồng để ngăn không cho Thuỷ Tinh dâng nước lên.

(6) *Đền Sòng* : đền thờ Bà Chúa Liễu Hạnh, ở huyện Hà Trung (nay thuộc thị xã Bỉm Sơn), tỉnh Thanh Hoá. Lễ hội đền Sòng (mở vào tháng 3 âm lịch) là một trong những lễ hội lớn ở miền Bắc.

(7) Tương truyền, ở Lạng Sơn có thành tiên xây.

(8) *Kiếm Hồ* : tức Hồ Gươm.

(9) *Cầu Thê Húc* : cầu dẫn từ bờ Hồ Gươm vào "chùa Ngọc Sơn", sơn màu đỏ, dáng vồng cong, trông như đang đón nhận ánh sáng ban mai (*thê* : đậu lại, *húc* : ánh sáng mặt trời mới mọc).

(10) *Chùa Ngọc Sơn* : tên gọi cũ của đền Ngọc Sơn.

(11) *Đài Nghiên* : đài mang hình nghiên mực (mực để viết chữ Nho) trên cổng chùa Ngọc Sơn ; *Tháp Bút* : tháp trên đài xây hình cây bút (bút lông để viết chữ Nho). Từ xa nhìn, nhiều lúc thấy hình ngọn bút trên tháp "chấm" vào Đài Nghiên.

(12) Bài này của Á Nam Trần Tuấn Khải làm theo thể ca dao và được nhân dân coi như một bài ca dao (dân gian).

(13) Câu này có sách ghi : "Đường vô xứ Nghệ...". Thay địa danh trong các câu ca dao là hiện tượng thường thấy.

(14), (16) *Ni* : này ; *tê* : kia (tiếng địa phương miền Trung).

(15) *Ngó* : nhìn.

(17) *Lúa đòng đòng* : lúa sắp trổ bông.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Nhận xét về bài 1, em đồng ý với ý kiến nào dưới đây :

a) Bài ca là lời của một người và chỉ có một phần.

b) Bài ca có hai phần : phần đầu là câu hỏi của chàng trai, phần sau là lời đáp của cô gái.

c) Hình thức đối – đáp này có rất nhiều trong ca dao, dân ca.

d) Hình thức đối – đáp này không phổ biến trong ca dao, dân ca.

2. Trong bài 1, vì sao chàng trai, cô gái lại dùng những địa danh với những đặc điểm (của từng địa danh) như vậy để hỏi – đáp ?

3. Phân tích cụm từ "Rủ nhau" và nêu nhận xét của em về cách tả cảnh của bài 2. Địa danh và cảnh trí trong bài gợi lên điều gì ? Suy ngẫm của em về câu hỏi cuối bài ca : "Hỏi ai gây dựng nên non nước này ?".

4. Nhận xét của em về cảnh trí xứ Huế và cách tả cảnh trong bài 3. Em hãy phân tích đại từ "Ai" và chỉ ra những tình cảm ẩn chứa trong lời mời, lời nhắn gửi : "Ai vô xứ Huế thì vô...".

5. Hai dòng thơ đầu bài 4 có những gì đặc biệt về từ ngữ ? Những nét đặc biệt ấy có tác dụng, ý nghĩa gì ?

6. Phân tích hình ảnh cô gái trong hai dòng cuối bài 4.

7. Bài 4 là lời của ai ? Người ấy muốn biểu hiện tình cảm gì ? Em có biết cách hiểu nào khác về bài ca này và có đồng ý với cách hiểu ấy không ? Vì sao ?

Ghi nhớ

Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người *thường gợi nhiều hơn tả, hay nhắc đến tên núi, tên sông, tên vùng đất với những nét đặc sắc về hình thể, cảnh trí, lịch sử, văn hoá của từng địa danh. Đằng sau những câu hỏi, lời đáp, lời mời, lời nhắn gửi và các bức tranh phong cảnh là tình yêu chân chất, tinh tế và lòng tự hào đối với con người và quê hương, đất nước.*

LUYỆN TẬP

1. Em có nhận xét gì về thể thơ trong bốn bài ca ?

2. Tình cảm chung thể hiện trong bốn bài ca là gì ?

ĐỌC THÊM

– Anh đi anh nhớ non Côi [a]
Nhớ sông Vị Thuỷ [b]*, nhớ người tình chung*

(a) *Non Côi* : tức núi Gôi ở huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

(b) *Vị Thuỷ* : thường gọi là sông Vị, tức sông Vị Hoàng, một nhánh của sông Hồng chảy qua thành phố Nam Định (nay đã bị lấp). Bài này còn có hai câu tiếp : *Quản bao non nước ngại ngùng, Lấy ai san sẻ gánh gồng đường xa.*

– Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm,
Rượu Hồng Đào chưa nhấm đã say [a].

– Nam Kì sáu tỉnh[b] *em ơi*
Cửu Long [c] *chín ngọn cùng khơi một nguồn,*
Sông Hương [d] *nước chảy trong luôn,*
Núi Ngự [e] *danh tiếng cả muôn dặm ngoài.*

TỪ LÁY

I – CÁC LOẠI TỪ LÁY

1. Những từ láy (in đậm) trong các câu sau (trích từ văn bản *Cuộc chia tay của những con búp bê*) có đặc điểm âm thanh gì giống nhau, khác nhau ?

– Em cắn chặt môi im lặng, mắt lại ***đăm đăm*** *nhìn khắp sân trường, từ cột cờ đến tấm bảng tin và những vạch than vẽ ô ăn quan trên hè gạch.*

– Tôi ***mếu máo*** *trả lời và đứng như chôn chân xuống đất, nhìn theo cái bóng bé nhỏ* ***liêu xiêu*** *của em tôi trèo lên xe.*

2. Dựa vào kết quả phân tích trên, hãy phân loại các từ láy có ở mục 1.

3. Vì sao các từ láy (in đậm) dưới đây (trích từ văn bản *Cuộc chia tay của những con búp bê*) không nói được là *bật bật, thẳm thẳm* ?

(a) Bài này có nhiều lời ca khác nhau. Đây là hai câu đầu của các lời ca đó, nói về đặc điểm tự nhiên, sản vật, con người Quảng Nam. Đất Quảng Nam nhiều cát và có nhiều vùng khô cằn. Rượu Hồng Đào là loại rượu ngon.

(b) *Nam Kì sáu tỉnh* (lục tỉnh) : *Nam Kì* là tên do vua Minh Mạng đặt năm 1834 cho phần đất từ Biên Hoà đến Hà Tiên. *Sáu tỉnh* (Nam Kì) gồm Gia Định, Định Tường, Biên Hoà, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

(c) *Cửu Long* : tên chỉ phần sông Mê Công, sông lớn nhất ở Đông Nam Á, chảy trên địa phận nước Việt Nam. Từ Phnôm Pênh, sông Mê Công phân ra hai dòng chính là sông Tiền và sông Hậu và chảy vào Việt Nam. Sông đổ ra biển với chín cửa nên gọi là *Cửu Long* (*chín rồng*, tức *chín sông*).

(d), (e) *Sông Hương, núi Ngự* : những cảnh đẹp tiêu biểu của cố đô Huế.

*– Vừa nghe thấy thế, em tôi bất giác run lên **bần bật**, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi.*

*– Cặp mắt đen của em lúc này buồn **thăm thẳm**, hai bờ mi đã sưng mọng lên vì khóc nhiều.*

Ghi nhớ

- ***Từ láy** có hai loại : **từ láy toàn bộ** và **từ láy bộ phận**.*
- *Ở từ láy toàn bộ, các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn ; nhưng cũng có một số trường hợp tiếng đứng trước biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm cuối (để tạo ra một sự hài hoà về âm thanh).*
- *Ở từ láy bộ phận, giữa các tiếng có sự giống nhau về phụ âm đầu hoặc phần vần.*

II – NGHĨA CỦA TỪ LÁY

1. Nghĩa của các từ láy *ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu* được tạo thành do đặc điểm gì về âm thanh ?

2. Các từ láy trong mỗi nhóm sau đây có điểm gì chung về âm thanh và về nghĩa ?

a) *lí nhí, li ti, ti hí.*

b) *nhấp nhô, phập phồng, bập bềnh.*

3. So sánh nghĩa của các từ láy *mềm mại, đo đỏ* với nghĩa của các tiếng gốc làm cơ sở cho chúng : *mềm, đỏ.*

Ghi nhớ

Nghĩa của từ láy được tạo thành nhờ đặc điểm âm thanh của tiếng và sự hoà phối âm thanh giữa các tiếng. Trong trường hợp từ láy có tiếng có nghĩa làm gốc (tiếng gốc) thì nghĩa của từ láy có thể có những sắc thái riêng so với tiếng gốc như sắc thái biểu cảm, sắc thái giảm nhẹ hoặc nhấn mạnh, ...

III – LUYỆN TẬP

1. Đọc đoạn đầu văn bản *Cuộc chia tay của những con búp bê* (từ "Mẹ tôi, giọng khản đặc" đến "nặng nề thế này").

a) Tìm các từ láy trong đoạn văn đó.

b) Xếp các từ láy theo bảng phân loại sau đây :

Từ láy toàn bộ	
Từ láy bộ phận	

2. Điền các tiếng láy vào trước hoặc sau các tiếng gốc để tạo từ láy :

... ló, ... nhỏ, nhức ..., ... khác, ... thấp, ... chếch, ... ách.

3. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu.

– *nhẹ nhàng, nhẹ nhõm* :

a) Bà mẹ ... khuyên bảo con.

b) Làm xong công việc, nó thở phào ... như trút được gánh nặng.

– *xấu xí, xấu xa* :

a) Mọi người đều căm phẫn hành động ... của tên phản bội.

b) Bức tranh của nó vẽ nguệch ngoạc, ...

– *tan tành, tan tác* :

a) Chiếc lọ rơi xuống đất, vỡ ...

b) Giặc đến, dân làng ... mỗi người một ngả.

4. Đặt câu với mỗi từ : *nhỏ nhắn, nhỏ nhặt, nhỏ nhẻ, nhỏ nhen, nhỏ nhoi.*

5. Các từ *máu mủ, mặt mũi, tóc tai, râu ria, khuôn khổ, ngọn ngành, tươi tốt, nấu nướng, ngu ngốc, học hỏi, mệt mỏi, nảy nở* là từ láy hay từ ghép ?

6.* Các tiếng *chiền* (trong *chùa chiền*), *nê* (trong *no nê*), *rớt* (trong *rơi rớt*), *hành* (trong *học hành*) có nghĩa là gì ? Các từ *chùa chiền, no nê, rơi rớt, học hành* là từ láy hay từ ghép ?

ĐỌC THÊM

DÙNG DẤU HỎI, DẤU NGÃ ĐÚNG CHÍNH TẢ Ở TỪ LÁY

Do phát âm không phân biệt thanh hỏi và thanh ngã nên người một số vùng thường viết lẫn lộn dấu hỏi và dấu ngã ở từ láy.

Ví dụ : *đẹp đẽ* viết thành *đẹp đẻ*

mới mẻ viết thành *mới mẽ*

khẽ khàng viết thành *khẻ khàng*

thăm thẳm viết thành *thăm thẵm.*

Muốn viết đúng chính tả các dấu hỏi, dấu ngã trong từ láy, cần nắm vững quy tắc hoà phối thanh điệu trong cấu tạo từ láy tiếng Việt như sau :

Thanh ngang (không dấu)	Thanh hỏi (ʔ)	Thanh sắc (/)
Thanh huyền (\)	Thanh ngã (~)	Thanh nặng (.)

Các thanh điệu cùng hàng ngang hoà phối với nhau. Gặp một tiếng trong từ láy mà ta băn khoăn không biết là dùng dấu hỏi hay dấu ngã, ta nên xem tiếng kia có dấu gì. Nếu tiếng kia có thanh ngang hoặc thanh sắc thì tiếng mà ta đang băn khoăn phải dùng dấu hỏi. Nếu tiếng kia có thanh huyền hoặc thanh nặng thì tiếng mà ta đang băn khoăn phải dùng dấu ngã (trừ một vài trường hợp ngoại lệ như *tan tành, ngoan ngoãn*).

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1 – VĂN TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ (làm ở nhà)

Đề văn tham khảo :

Đề 1 : Kể cho bố mẹ nghe một chuyện lí thú (hoặc cảm động, hoặc buồn cười,...) mà em đã gặp ở trường.

Đề 2 : Kể lại nội dung câu chuyện được ghi trong một bài thơ có tính chất tự sự (như *Lượm* hoặc *Đêm nay Bác không ngủ*) theo những ngôi kể khác nhau (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất).

Đề 3 : Miêu tả một cảnh đẹp mà em đã gặp trong mấy tháng nghỉ hè (có thể là phong cảnh nơi em nghỉ mát, hoặc cánh đồng hay rừng núi quê em).

Đề 4 : Miêu tả chân dung một người bạn của em.

QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN

I – CÁC BƯỚC TẠO LẬP VĂN BẢN

1. Khi nào thì người ta có nhu cầu tạo lập (làm ra, viết, nói) văn bản ? Lấy việc viết thư cho một người nào đó làm ví dụ, hãy cho biết điều gì thôi thúc người ta phải viết thư.

2. Để tạo lập một văn bản, ví dụ như viết thư, trước tiên phải xác định rõ bốn vấn đề : *Viết cho ai ? Viết để làm gì ? Viết về cái gì ? Viết như thế nào ?* Bỏ qua vấn đề nào trong bốn vấn đề đó cũng không thể tạo ra được văn bản.

3. Sau khi đã xác định được bốn vấn đề đó, cần phải làm những việc gì để viết được văn bản ?

4. Chỉ có ý và dàn bài mà chưa viết thành văn thì đã tạo được một văn bản chưa ? Hãy cho biết việc *viết thành văn* ấy cần đạt được những yêu cầu gì trong các yêu cầu dưới đây :

– Đúng chính tả ;

– Đúng ngữ pháp ;

– Dùng từ chính xác ;

– Sát với bố cục ;

– Có tính liên kết ;

– Có mạch lạc ;

– Kể chuyện hấp dẫn ;

– Lời văn trong sáng.

5. Trong sản xuất, bao giờ cũng có bước (khâu, công đoạn) kiểm tra sản phẩm. Có thể coi văn bản cũng là một loại sản phẩm cần được *kiểm tra* sau khi hoàn thành không ? Nếu có thì sự kiểm tra ấy cần dựa theo những tiêu chuẩn cụ thể nào ?

Ghi nhớ

Để làm nên một văn bản, người tạo lập văn bản cần phải lần lượt thực hiện các bước :

– Định hướng chính xác : Văn bản viết (nói) cho ai, để làm gì, về cái gì và như thế nào ?

– Tìm ý và sắp xếp ý để có một bố cục rành mạch, hợp lí, thể hiện đúng định hướng trên.

– Diễn đạt các ý đã ghi trong bố cục thành những câu, đoạn văn chính xác, trong sáng, có mạch lạc và liên kết chặt chẽ với nhau.

– Kiểm tra xem văn bản vừa tạo lập có đạt các yêu cầu đã nêu ở trên chưa và có cần sửa chữa gì không.

II – LUYỆN TẬP

1. Em đã từng tạo lập văn bản trong các tiết Tập làm văn. Hãy trả lời các câu hỏi sau :

a) Khi tạo nên các văn bản ấy, điều mà em muốn nói có thật sự cần thiết không ?

b) Em thấy mình đã thực sự quan tâm đến việc viết cho ai chưa (kể chuyện cho ai nghe, miêu tả cho ai thấy, trình bày nguyện vọng với ai) ? Việc quan tâm (hay thiếu quan tâm) ấy có ảnh hưởng tới nội dung và hình thức bài viết như thế nào (xưng hô, dùng từ, ...) ?

c) Em có lập dàn bài khi làm văn không ? Từ kinh nghiệm của bản thân, em thấy việc xây dựng bố cục đã ảnh hưởng thế nào đến kết quả của bài làm ?

d) Sau khi hoàn thành bài văn, em có thường kiểm tra lại hay không ? Việc kiểm tra, sửa chữa bài viết có tác dụng như thế nào ?

2. Có một bạn khi báo cáo kinh nghiệm học tập trong Hội nghị học tốt của trường đã làm như sau :

a) Bạn chỉ toàn kể lại việc mình đã học thế nào và đã đạt được thành tích gì trong học tập.

b) Bạn luôn hướng về phía các thầy cô giáo, luôn nói : "Thưa các thầy cô" để mở đầu mỗi đoạn và lúc nào cũng xưng *em* (hoặc xưng *con*).

Theo em, như thế có phù hợp không, nên điều chỉnh như thế nào ?

3. Trong một buổi thảo luận tổ, nhiều bạn đã đồng ý rằng : Muốn tạo lập một văn bản thì phải soạn bố cục dưới dạng một dàn bài. Nhưng các bạn còn chưa rõ :

a) Dàn bài ấy có bắt buộc phải viết thành những câu trọn vẹn, đúng ngữ pháp không ? Những câu đó có nhất thiết phải liên kết chặt chẽ với nhau không ?

b) Một dàn bài thường chứa đựng nhiều mục lớn nhỏ khác nhau. Vậy phải làm thế nào để có thể :

– Phân biệt được mục lớn và mục nhỏ ?

– Biết được các mục ấy đã đầy đủ chưa và đã được sắp xếp rành mạch, hợp lí chưa ?

Em sẽ trả lời như thế nào cho những thắc mắc trên đây ?

4. Em hãy thay mặt En-ri-cô viết một bức thư cho bố nói lên nỗi ân hận vì đã trót nói lời thiếu lễ độ với mẹ kính yêu. Để viết bức thư đó, em phải thực hiện những việc gì ?

ĐỌC THÊM

Trong các báo, có những bài lằng nhằng dài mấy cột, như là rau muống kéo dây. Đọc đến khúc giữa thì không biết khúc đầu nói cái gì ; đọc đến khúc đuôi thì không biết khúc giữa nói cái gì. Thế là vô ích [...].

Phải đặt câu hỏi : *Viết cho ai ?* [...]
Viết để làm gì ? [...]
Thế thì viết cái gì ?

(Hồ Chí Minh, *Cách viết*)

BÀI 4

Kết quả cần đạt

• *Nắm được nội dung, ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu (hình ảnh, ngôn ngữ) của những bài ca dao thuộc* ***chủ đề than thân*** *và* ***chủ đề châm biếm*** *trong bài học.*

• *Nắm được khái niệm* ***đại từ****, ý nghĩa của đại từ ; có ý thức sử dụng đại từ hợp với tình huống giao tiếp.*

• *Nâng cao thêm một bước khả năng tạo lập một văn bản thông thường và đơn giản.*

VĂN BẢN

NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN

1. *Nước non lận đận*[1] *một mình,*
Thân cò lên thác xuống ghềnh[2] *bấy nay.*
Ai làm cho bể kia đầy [3],
Cho ao kia cạn[4], *cho gầy cò con ?*

2. *Thương thay thân phận con tằm,*
Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ.
Thương thay lũ kiến li ti,
Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi.
Thương thay hạc [5] *lánh đường mây,*
Chim bay mỏi cánh biết ngày nào thôi.
Thương thay con cuốc [6] *giữa trời,*
Dầu kêu ra máu có người nào nghe.

3. *Thân em như trái bần* [7] *trôi,*
Gió dập sóng dồi biết tấp[8] *vào đâu.*

Chú thích

(1) *Lận đận* : vất vả vì gặp quá nhiều khó khăn, trắc trở.

(2) *Thác* : chỗ dòng nước chảy xiết, vượt qua vách đá cao chắn ngang sông, suối, làm nước đổ mạnh xuống ; *ghềnh* : chỗ lòng sông bị thu hẹp và nông, có đá lởm chởm nhô cao và nằm chắn ngang làm cho dòng nước dồn lại và chảy xiết. *Thác ghềnh* : chỉ sự khó khăn, trắc trở.

(3), (4) *Bể đầy, ao cạn* : chỉ cảnh ngang trái (nghĩa bóng). Trong thực tế, khi "bể đầy", "ao cạn" thì cò rất khó kiếm ăn.

(5) *Hạc* (chim hạc) : chim lớn, cẳng cao, cổ và mỏ dài, thường được dùng tượng trưng cho sự sống lâu. Ở đây là hình ảnh ẩn dụ nói về cuộc đời phiêu bạt và những cố gắng vô vọng của người lao động trong xã hội cũ.

(6) *Con cuốc* : chim nhỏ, hơi giống gà, sống ở bờ bụi gần nước, có tiếng kêu "cuốc, cuốc" ; chim cuốc (có khi viết là *quốc*) còn được gọi là *đỗ quyên, đỗ vũ*. Theo truyền thuyết Trung Quốc, Thục Đế mất nước, hồn biến thành chim cuốc,

kêu nhớ nước (*quốc* : nước) đến nhỏ máu ra mà chết. Tiếng kêu chim cuốc trong bài biểu hiện cho nỗi khổ đau oan trái của người lao động.

(7) *Trái bần* : trái (quả) của cây bần – loại cây to mọc ở vùng nước lợ, trái tròn dẹt, ăn chua và chát, có rễ phụ nhọn và xốp, mọc ngược lên khỏi mặt bùn.

(8) *Gió dập sóng dồi* : ở đây ý nói gió to, sóng lớn dồn dập xô đẩy.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Trong ca dao, người nông dân thời xưa thường mượn hình ảnh con cò để diễn tả cuộc đời, thân phận của mình. Em hãy sưu tầm một số bài ca dao để chứng minh điều đó và giải thích vì sao.

2. Ở bài 1, cuộc đời lận đận, vất vả của con cò được diễn tả như thế nào ? Ngoài nội dung than thân, bài ca này còn có nội dung nào khác ?

3. Em hiểu cụm từ "Thương thay" như thế nào ? Hãy chỉ ra những ý nghĩa của sự lặp lại cụm từ này trong bài 2.

4. Hãy phân tích những nỗi thương thân của người lao động qua các hình ảnh ẩn dụ trong bài 2.

5.* Em hãy sưu tầm một số bài ca dao mở đầu bằng cụm từ "Thân em". Những bài ca ấy thường nói về ai, về điều gì và thường giống nhau như thế nào về nghệ thuật ?

6. Bài 3 nói về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Hình ảnh so sánh ở bài này có gì đặc biệt ? Qua đây, em thấy cuộc đời người phụ nữ trong xã hội phong kiến như thế nào ?

Ghi nhớ

Những câu hát than thân *có số lượng lớn và rất tiêu biểu trong kho tàng ca dao, dân ca Việt Nam. Những câu hát đó thường dùng các sự vật, con vật gần gũi, nhỏ bé, đáng thương làm hình ảnh biểu tượng, ẩn dụ, so sánh để diễn tả tâm trạng, thân phận con người. Ngoài ý nghĩa "than thân", đồng cảm với cuộc đời đau khổ, đắng cay của người lao động, những câu hát này còn có ý nghĩa phản kháng, tố cáo xã hội phong kiến.*

LUYỆN TẬP

1. Em hãy nêu những điểm chung về nội dung và nghệ thuật của ba bài ca dao.

2. Học thuộc các bài ca dao đã học.

ĐỌC THÊM

– Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào[a] ông hãy xáo măng[b].
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

– Gánh cực mà đổ lên non,
Cong lưng mà chạy, cực còn theo sau.

– Thân em như hạt mưa sa
Hạt vào đài các[c], hạt ra ruộng cày.

– Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dấu[d], vai mang súng dài.
Một tay thì cắp hoả mai[e],
Một tay cắp giáo, quan sai xuống thuyền.
Tùng tùng trống đánh ngũ liên[g],
Chân bước xuống thuyền nước mắt như mưa[h].

(a) *Có lòng* : có lòng tốt với ai đó. Ở đây nói *có lòng nào* lại là có ý gì đó không tốt.

(b) *Xáo* : nấu chín với ít nước và có các gia vị, không cho mỡ. *Xáo măng* : thịt cò vốn tanh, nấu với măng sẽ không tanh và mềm thịt.

(c) *Đài các* : nền cao và nhà gác, chỉ nơi ở của người giàu sang, quyền quý ngày xưa.

(d) *Nón dấu* : nón bằng tre, quét sơn, có chóp, của binh lính thời xưa.

(e) *Hoả mai* : súng dùng mồi lửa để châm ngòi.

(g) *Ngũ liên* : (trống đánh) dồn dập, liền năm tiếng một để thúc giục hay báo động khẩn cấp (*ngũ* : năm, *liên* : liền, liên tiếp).

(h) Đây là bài ca dao về người lính thú ngày xưa (*lính thú* : lính canh đồn biên giới thời phong kiến).

VĂN BẢN

NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIẾM

1. *Cái cò lặn lội bờ ao*
Hỡi cô yếm đào(1) *lấy chú tôi chăng ?*
Chú tôi hay tửu hay tăm (2),
Hay nước chè đặc, hay nằm ngủ trưa.
Ngày thì ước những ngày mưa (3),
Đêm thì ước những đêm thừa trống canh(4).

2. *Số cô chẳng giàu thì nghèo*
Ngày ba mươi Tết thịt treo trong nhà.
Số cô có mẹ có cha
Mẹ cô đàn bà, cha cô đàn ông.
Số cô có vợ có chồng,
Sinh con đầu lòng, chẳng gái thì trai.

3. *Con cò chết rũ trên cây,*
Cò con mở lịch xem ngày làm ma.
Cà cuống(5) *uống rượu la đà,*
Chim ri (6) *ríu rít bò ra lấy phần,*
Chào mào(7) *thì đánh trống quân*(8)
Chim chích(9) *cởi trần, vác mõ đi rao.*

4. *Cậu cai* (10) *nón dấu lông gà,*
Ngón tay đeo nhẫn gọi là cậu cai.
Ba năm được một chuyến sai,
Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê.

Chú thích

(1) *Cô yếm đào* : cô gái mặc yếm màu hoa đào (*yếm* : đồ mặc lót che ngực của phụ nữ thời xưa).

(2) *Tửu* : rượu ; *tăm* : bọt sủi lên ; đây là cách nói hoán dụ, dùng ghép với từ *tửu* để chỉ rượu.

(3) Ý nói để khỏi đi làm.

(4) Mỗi đêm có năm canh, sau mỗi canh có điểm trống ; ước đêm nhiều (*thừa*) trống canh để được ngủ thêm.

(5) *Cà cuống* : côn trùng sống ở hồ, vực và ruộng nước sâu, thân hình lá, dẹt, mỏng, đầu vàng nhạt, bụng màu nâu xỉn, phần ngực con đực có hai túi chứa tinh dầu mùi thơm, vị cay.

(6) *Chim ri* : chim hình giống như chim sẻ, mỏ đen và to.

(7) *Chào mào* : chim nhỏ, đầu có túm lông nhọn, dưới đuôi có túm lông đỏ.

(8) *Đánh trống quân* : đánh trống đệm nhịp cho điệu hát trống quân – một điệu dân ca phổ biến ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ.

(9) *Chim chích* : chim nhỏ, ăn sâu bọ, sống ở vùng đồng bằng, trung du.

(10) *Cai* : tức cai lệ, chức thấp nhất trong quân đội thời phong kiến.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài 1 "giới thiệu" về "chú tôi" như thế nào ? Hai dòng đầu có ý nghĩa gì ? Bài này châm biếm hạng người nào trong xã hội ?

2. Bài 2 nhại lời của ai nói với ai ? Em có nhận xét gì về lời của thầy bói ? Bài ca này phê phán hiện tượng nào trong xã hội ? Hãy tìm những bài ca dao khác có nội dung tương tự.

3. Mỗi con vật trong bài 3 tượng trưng cho ai, hạng người nào trong xã hội xưa ? Việc chọn các con vật để miêu tả, "đóng vai" như thế lí thú ở điểm nào ? Cảnh tượng trong bài có phù hợp với đám tang không ? Bài ca này phê phán, châm biếm cái gì ?

4. Trong bài 4, chân dung "cậu cai" được miêu tả như thế nào ? Em có nhận xét gì về nghệ thuật châm biếm của bài ca này ?

Ghi nhớ

Những câu hát châm biếm *đã thể hiện khá tập trung nét đặc sắc của nghệ thuật trào lộng dân gian Việt Nam. Qua các hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng, biện pháp nói ngược và phóng đại,... những câu hát châm biếm ấy đã phơi bày các sự việc mâu thuẫn, phê phán thói hư tật xấu của những hạng người và sự việc đáng cười trong xã hội.*

LUYỆN TẬP

1. Nhận xét về sự giống nhau của bốn bài ca dao trong văn bản, em đồng ý với ý kiến nào dưới đây :

a) Cả bốn bài đều có hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng.

b) Tất cả đều sử dụng biện pháp phóng đại.

c) Cả bốn bài đều có nội dung và nghệ thuật châm biếm.

d) Nghệ thuật tả thực có trong cả bốn bài.

2.* Những câu hát châm biếm nói trên có điểm gì giống truyện cười dân gian ?

ĐỌC THÊM

– Chập chập thôi lại cheng cheng[(a)],
Con gà trống thiến để riêng cho thầy.
Đơm xôi thì đơm cho đầy
Đơm vơi thì thánh nhà thầy mất thiêng !

– Con mèo mà trèo cây cau
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà.
Chú chuột đi chợ đàng xa
Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo !

(a) *Chập chập, cheng cheng* : từ mô phỏng âm thanh của các nhạc khí bằng kim loại mà khi làm lễ, thầy cúng dùng để điểm nhịp cho bài khấn của mình.

– Đồn rằng quan tướng[a] có danh[b],
Cưỡi ngựa một mình, chẳng phải vịn ai.
Ban khen rằng : "Ấy mới tài",
Ban cho cái áo với hai đồng tiền.
Đánh giặc thì chạy trước tiên
Xông vào trận tiền[c] cởi khố giặc ra[d] (!)
Giặc sợ, giặc chạy về nhà
Trở về gọi mẹ mổ gà khao quân !

ĐẠI TỪ

I – THẾ NÀO LÀ ĐẠI TỪ ?

Đọc những câu dưới đây, chú ý các từ in đậm và trả lời câu hỏi.

a) *Gia đình tôi khá giả. Anh em tôi rất thương nhau. Phải nói em tôi rất ngoan.* ***Nó*** *lại khéo tay nữa.*

(Khánh Hoài)

b) *Chợt con gà trống ở phía sau bếp nổi gáy. Tôi biết đó là con gà của anh Bốn Linh. Tiếng* ***nó*** *dõng dạc nhất xóm.*

(Võ Quảng)

c) *Mẹ tôi, giọng khản đặc, từ trong màn nói vọng ra :*

– Thôi, hai đứa liệu mà đem chia đồ chơi ra đi.

(a) *Quan tướng* : chức quan võ, đứng đầu một đạo binh.

(b) *Có danh* : có tiếng, nổi tiếng.

(c) *Trận tiền* : nơi đang diễn ra các cuộc chiến đấu (*tiền* : trước, *trận* : trận đánh trong chiến tranh).

(d) Có bản ghi : *cởi khố chạy ra*, tức tự cởi khố mà xông vào quân giặc (khiến giặc sợ mà bỏ chạy !).

*Vừa nghe thấy **thế**, em tôi bất giác run lên bần bật, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi.*

(Khánh Hoài)

d) *Nước non lận đận một mình,*
Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay.
__Ai__ làm cho bể kia đầy,
Cho ao kia cạn, cho gầy cò con ?

(Ca dao)

Câu hỏi :

1. Từ *nó* ở đoạn văn đầu trỏ ai ? Từ *nó* ở đoạn văn thứ hai trỏ con vật gì ? Nhờ đâu em biết được nghĩa của hai từ *nó* trong hai đoạn văn này ?

2. Từ *thế* ở đoạn văn thứ ba trỏ sự việc gì ? Nhờ đâu em hiểu được nghĩa của từ *thế* trong đoạn văn này ?

3. Từ *ai* trong bài ca dao dùng để làm gì ?

4. Các từ *nó, thế, ai* trong các đoạn văn trên giữ vai trò ngữ pháp gì trong câu ?

Ghi nhớ

• ***Đại từ*** *dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất,... được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi.*

• *Đại từ có thể đảm nhiệm các vai trò ngữ pháp như chủ ngữ, vị ngữ trong câu hay phụ ngữ của danh từ, của động từ, của tính từ,...*

II – CÁC LOẠI ĐẠI TỪ

1. Đại từ để trỏ

a) Các đại từ *tôi, tao, tớ, chúng tôi, chúng tao, chúng tớ, mày, chúng mày, nó, hắn, chúng nó, họ,...* trỏ gì ?

b) Các đại từ *bấy, bấy nhiêu* trỏ gì ?

c) Các đại từ *vậy, thế* trỏ gì ?

Ghi nhớ

Đại từ để trỏ dùng để :

– Trỏ người, sự vật (gọi là đại từ xưng hô) ;

– Trỏ số lượng ;

– Trỏ hoạt động, tính chất, sự việc.

2. Đại từ để hỏi

a) Các đại từ *ai, gì, ...* hỏi về gì ?

b) Các đại từ *bao nhiêu, mấy* hỏi về gì ?

c) Các đại từ *sao, thế nào* hỏi về gì ?

Ghi nhớ

Đại từ để hỏi dùng để :

– Hỏi về người, sự vật ;

– Hỏi về số lượng ;

– Hỏi về hoạt động, tính chất, sự việc.

III – LUYỆN TẬP

1. a) Hãy xếp các đại từ trỏ người, sự vật theo bảng dưới đây :

Số / Ngôi	Số ít	Số nhiều
1		
2		
3		

b) Nghĩa của đại từ *mình* trong câu *"Cậu giúp đỡ **mình** với nhé !"* có gì khác nghĩa của đại từ *mình* trong câu ca dao sau đây ?

__Mình__ về có nhớ ta chăng,
Ta về ta nhớ hàm răng __mình__ cười.

2. Khi xưng hô, một số danh từ chỉ người như *ông, bà, cha, mẹ, chú, bác, cô, dì, con, cháu, ...* cũng được sử dụng như đại từ xưng hô. Ví dụ :

Đã bấy lâu nay, __bác__ tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.

(Nguyễn Khuyến)

Hãy tìm thêm các ví dụ tương tự.

3. Các từ để hỏi trong nhiều trường hợp được dùng để trỏ chung. Ví dụ :

– *Hôm ấy ở nhà, __ai__ cũng vui.*

– *Qua đình ngả nón trông đình,*
Đình __bao nhiêu__ ngói, thương mình bấy nhiêu.

(Ca dao)

– *__Thế nào__ anh cũng đến nhé.*

Dựa theo những cách nói trên, hãy đặt câu với mỗi từ : *ai, sao, bao nhiêu* để trỏ chung.

4. Đối với các bạn cùng lớp, cùng lứa tuổi, em nên xưng hô thế nào cho lịch sự ? Ở trường, ở lớp em, có hiện tượng xưng hô thiếu lịch sự không ? Nên ứng xử thế nào đối với hiện tượng đó ?

5.* Em hãy so sánh sự khác nhau về số lượng và ý nghĩa biểu cảm giữa từ xưng hô tiếng Việt với đại từ xưng hô trong ngoại ngữ mà em học (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc).

ĐỌC THÊM

Từ niên khoá 1934 – 1935, tôi trúng tuyển vào Trường Cao đẳng Tiểu học (tương đương với cấp Trung học cơ sở bây giờ) ở thị xã Bắc Ninh.

Sang niên khoá 1935 – 1936, bỗng có một giáo sư, chừng gần 40 tuổi, đâu như từ trường Thành chung, Lạng Sơn đổi về đây. Lần đầu gặp, tôi bỗng thấy ở người thầy giáo mới này một vẻ gì đó rất nho nhã, rất đáng yêu và dĩ nhiên đáng kính [...]. Đó là thầy Hoàng Ngọc Phách(a), dạy về môn Văn. [...]

Đến khi tôi 18 tuổi, lập gia đình quá sớm do ý muốn quyết định của bố mẹ, một điều không ngờ lại đến với tôi. Hoá ra ông trời run rủi thế nào mà vợ tôi lại là chị con nhà bác của thầy Hoàng Ngọc Phách. Một ngày Tết, ở thị xã Bắc Ninh, tôi và vợ tôi đến chúc Tết họ hàng nội ngoại thì người thầy rất kính yêu của mình lại chạy ngay ra cửa đón chào, gọi tôi bằng "bác". Một điều "thưa bác", hai điều "thưa bác" khiến lúc đầu tôi rất lúng túng ngượng nghịu chưa biết xưng hô thế nào. Còn vợ tôi cứ thản nhiên gọi thầy giáo của tôi bằng "cậu" và tự xưng là "chị", mặc dù vợ tôi kém "cậu em" đến trên 20 tuổi. Thế mới biết, cách xưng hô ở ngôn ngữ của ta thật là khó vì nỗi quá chi li khe khắt, quá phức tạp trong quan hệ họ hàng và xã hội.

Tôi tự trấn tĩnh và nói với thầy :

– Năm mới, con đến chúc thầy và gia đình có nhiều sức khoẻ và thành đạt trong mọi việc của đời sống ạ !

Khi trở về nhà, vợ tôi cứ phàn nàn :

– Sao mình lại xưng "con" với cậu ấy ? Cậu ấy là em mình chứ !

Tôi cười rất vui, đáp :

– Anh phải tôn trọng cái điều *có trước*. Trước khi làm chồng em, anh đã là học trò của ông Phách từ lâu rồi. Người thầy giáo ấy đã có công lớn đào tạo được ra anh hôm nay đấy em ạ !

(Theo lời kể của Hoàng Cầm(b),
Nhớ thầy Song An Hoàng Ngọc Phách, tạp chí *Thế giới mới*)

(a) *Hoàng Ngọc Phách* (1896 – 1973) : nhà giáo, nhà văn, nhà nghiên cứu văn học nổi tiếng, tác giả của tiểu thuyết *Tố Tâm* – được coi là cuốn tiểu thuyết hiện đại đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ (1925).

(b) *Hoàng Cầm* (1922 – 2010) : nhà thơ nổi tiếng, kém Hoàng Ngọc Phách 26 tuổi.

LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

1. Cho tình huống

Em cần viết một bức thư để tham gia cuộc thi viết thư do Liên minh Bưu chính Quốc tế (UPU) tổ chức với đề tài : *Thư cho một người bạn để bạn hiểu về đất nước mình.*

Hãy chuẩn bị viết bài theo các bước : tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn bài, viết một số đoạn văn.

2. Gợi ý

a) Em sẽ viết về nội dung gì cho phù hợp với khuôn khổ 1000 chữ : truyền thống lịch sử ; cảnh đẹp thiên nhiên hay những đặc sắc về văn hoá và phong tục của đất nước Việt Nam ?

b) Em sẽ viết cho ai : một người bất kì hay phải có tên cụ thể ; người lớn hay trẻ em ; bạn Việt Nam hay bạn nước ngoài ?

c) Em viết bức thư ấy để làm gì : để nhắc lại các bài học về địa lí và lịch sử hay còn để gây thiện cảm của bạn đối với đất nước mình và góp phần xây dựng tình hữu nghị ?

d) Em sẽ mở đầu bức thư thế nào cho tự nhiên, gợi cảm chứ không gượng gạo, khô khan : do nhận được thư bạn hỏi về Tổ quốc mình nên em viết thư đáp lại ; do đọc sách báo, xem truyền hình về nước bạn mà em liên tưởng đến đất nước mình và muốn bạn cùng biết, cùng chia sẻ, hay vì lí do nào khác ?

e) Em sẽ viết những gì trong phần chính của bức thư ? Nếu định giới thiệu cảnh đẹp của đất nước Việt Nam thì nên chọn những cảnh nào cho tiêu biểu ?

g) Em sẽ kết thúc bức thư như thế nào : chỉ gửi lời chào, lời chúc và lời hứa hẹn sẽ luôn trao đổi thư từ với bạn hay còn tìm cách gợi ra một lí do nào đó để bạn nhớ đến đất nước mình ?

II – THỰC HÀNH TRÊN LỚP

1. Tham gia phát biểu, viết đoạn xây dựng bài viết ở lớp theo sự hướng dẫn của thầy, cô giáo.

2. Bổ sung, sửa lại dàn bài cho hoàn chỉnh.

Thư cho một người bạn để bạn hiểu về đất nước mình

Chào bạn Ma-ri-a !

Mình rất hạnh phúc và vui sướng khi đọc thư và nghe bạn kể về đất nước hằng yêu dấu của bạn.

Mình có thể tưởng tượng ra những đỉnh núi phủ đầy tuyết trắng, những cơn gió đem hơi lạnh từ biển Bắc vào. Thậm chí mình có thể cảm nhận được cả mùi vị trong lành của những cánh rừng thông trên mảnh đất bạn đang sống. Mình rất hiểu bạn yêu thương từng góc nhỏ, từng con người trên mảnh đất của Tổ quốc bạn đến nhường nào.

Sau khi đọc thư bạn, một ý muốn cứ thôi thúc mình viết thư đáp lại, để đến lượt mình được kể cho bạn nghe về Tổ quốc mà đối với mình thật đẹp đẽ, tuyệt vời, vô song, thật thân thương không gì sánh nổi. [...]

Tổ quốc mình – đó là miền đất Ka-dắc-xtan đầy ánh mặt trời ! Ở nơi này, mình cảm nhận được làn gió bỏng rát thổi từ sa mạc tới, chiêm ngưỡng những đỉnh núi tuyết phủ sáng lấp loá, lắng nghe được những âm thanh của dòng sông ào ạt đổ xuống từ triền núi cao và sững sờ đến ngây ngất trước vẻ đáng yêu của chú chim non lần đầu cất cánh.

Mình yêu đất nước mình có những thảo nguyên bao la đẹp biết bao trong những ngày xuân và ngày hạ. Mùa xuân, những làn gió nhẹ nhàng mơn trớn những đoá hoa kiều diễm, càng làm nổi bật ánh bạc nơi cuống bông và tôn lên sắc hoa đỏ trên cái nền xanh ngăn ngắt của đồng cỏ. Muôn hoa trên thảo nguyên đua nhau khoe sắc trên tấm thảm không gian mênh mông trải dài như vô tận, khiến cho mặt đất cũng trở nên sinh động hơn. Ngoài những rặng núi hùng vĩ thích khoác tấm áo choàng của nàng Bạch Tuyết, nơi đây, dưới chân những ngọn đồi xanh ngát, những đoá hoa tuy-líp đỏ tươi, hồng nhạt và vàng thắm vẫn vươn mình kiêu hãnh đung đưa trong làn gió xuân nhè nhẹ. Những con suối đầu tiên đổ từ núi xuống trong tiếng róc rách trong trẻo, lúc rì rầm, lúc ngân vang như muốn đánh thức cả mặt đất này dậy khỏi giấc ngủ mùa đông. Và trên thảo nguyên lại vọng về giọng chim ca líu lo vui mừng chào xuân tới. [...]

Vào những ngày hè nóng bỏng, khi cả những sắc màu rực rỡ cũng trở nên nhạt nhoà đi dưới cái nắng gay gắt như thiêu đốt của mặt trời, mà được nghỉ ngơi bên những bờ hồ mát mẻ ngắm nhìn những dãy núi vây quanh vẫn giữ tấm áo choàng màu xanh lá cây thì thật là vui thích. [...]

Bạn biết không, Ma-ri-a, một ý nghĩ thú vị vừa chợt nảy ra với mình. Nếu chúng ta sưu tầm, thu thập tất cả các bức thư của thiếu niên ở lứa tuổi mình trên khắp thế giới, xếp thành một tập, ta sẽ có một cuốn sách hay và độc đáo. Cuốn sách này sẽ có thể dùng làm sổ tay hướng dẫn về địa lí mỗi quốc gia [...]. Những trang sách sẽ chứa đầy tình yêu thương của chúng ta đối với Tổ quốc mình. Tình yêu ấy nằm trong một tình yêu lớn hơn – tình yêu với ngôi nhà chung của nhân loại – Trái Đất – một tinh cầu nhỏ bé trong vũ trụ bao la mà ta có được [...].

Ma-ri-a thân mến, mình sẽ nói tạm biệt bạn bây giờ, nhưng mình rất muốn bạn có thể tưởng tượng ra đất nước Ka-dắc-xtan của mình. Bạn hãy đọc lá thư này, nhắm mắt lại và bạn sẽ thấy những thảo nguyên bao la, sẽ nghe thấy những âm thanh trên thảo nguyên ấy. Nơi đó, chính là Tổ quốc hằng yêu dấu của mình.

(I-ri-na Ki-xlô-va, 14 tuổi,
Bài đoạt giải Nhất cuộc thi viết thư do UPU tổ chức)

BÀI 5

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được tinh thần độc lập, khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc trong hai bài thơ* ***Sông núi nước Nam*** *và* ***Phò giá về kinh****. Bước đầu hiểu hai thể thơ : thất ngôn tứ tuyệt và ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật.*
- *Nắm được thế nào là* ***yếu tố Hán Việt****, cách cấu tạo đặc biệt của một số loại* ***từ ghép Hán Việt****.*
- *Đánh giá được chất lượng bài đã làm để làm tốt hơn nữa những bài sau.*
- *Hiểu được nhu cầu biểu cảm và đặc điểm chung của* ***văn biểu cảm****.*

VĂN BẢN

SÔNG NÚI NƯỚC NAM

(Nam quốc sơn hà (★)*)*

Phiên âm

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Dịch nghĩa

Sông núi nước Nam, vua Nam ở
Giới phận đó đã được định rõ ràng ở sách trời
Cớ sao kẻ thù lại dám đến xâm phạm
Chúng mày nhất định sẽ nhìn thấy việc chuốc lấy bại vong.

(*Nam* : phương Nam, *quốc* : nước, *sơn* : núi, *hà* : sông, *Nam* : nước Nam, *đế* : vua, *cư* : ở. *Tiệt nhiên* : rõ ràng như thế, không thể khác, *định* : quyết định, *phận* : rút gọn của từ "giới phận", "địa phận" là phần đất đã được giới hạn (có bản chép : *phận định*), *tại* : ở, *thiên* : trời, *thư* : sách. *Như hà* : cớ sao, *nghịch* : trái ngược lại, *lỗ* : mọi rợ, quân địch, thường được dùng với thái độ khinh miệt, *lai* : đến, lại, *xâm phạm* : lấn chiếm quyền lợi của người khác (*xâm* : lấn chiếm, *phạm* : lấn đến). *Nhữ đẳng* : bọn chúng mày, *hành* : sẽ, trải qua, *khan* : xem, *thủ* : nhận lấy, *bại* : thua, *hư* : không.)

Dịch thơ

Sông núi nước Nam vua Nam(1) *ở*
Vằng vặc sách trời (2) *chia xứ sở*
Giặc dữ cớ sao phạm đến đây
Chúng mày nhất định phải tan vỡ.

(*Theo* Lê Thước – Nam Trân *dịch,*
trong *Thơ văn Lí – Trần,* tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977)

Nguyên văn và bản dịch bài thơ *Nam quốc sơn hà*
(Ảnh chụp bức sơn mài ở Viện Bảo tàng Lịch sử)

Chú thích

(★) Ở nước ta, thời trung đại đã có một nền thơ rất phong phú và hấp dẫn. Thơ trung đại Việt Nam được viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm và có nhiều thể, như : thất ngôn tứ tuyệt (bốn câu, mỗi câu 7 chữ), ngũ ngôn tứ tuyệt (bốn câu, mỗi câu 5 chữ), thất ngôn bát cú (tám câu, mỗi câu 7 chữ), lục bát (một câu 6 chữ và một câu 8 chữ), song thất lục bát (hai câu 7 chữ kèm theo hai câu 6, 8),... Chương trình Ngữ văn 7 học tám tác phẩm thơ trung đại, trong đó mở đầu là bài *Sông núi nước Nam* (nhan đề do người đời sau đặt). Nguyên văn bài thơ chữ Hán cũng có nhiều dị bản.

Chưa rõ tác giả bài thơ là ai. Sau này có nhiều sách (kể cả bức sơn mài ở Viện Bảo tàng Lịch sử được chụp in lại trên đây) ghi là Lí Thường Kiệt. Có nhiều lời kể về sự ra đời của bài thơ, trong đó có truyền thuyết : Năm 1077, quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy xâm lược nước ta. Vua Lí Nhân Tông sai Lí Thường Kiệt đem quân chặn giặc ở phòng tuyến sông Như Nguyệt (một khúc của sông Cầu, nay thuộc huyện Yên Phong, Bắc Ninh), bỗng một đêm, quân sĩ chợt nghe từ trong đền thờ hai anh em Trương Hống và Trương Hát – hai vị tướng đánh giặc giỏi

của Triệu Quang Phục, được tôn là thần sông Như Nguyệt – có tiếng ngâm bài thơ này. Bài thơ được viết theo thể thất ngôn tứ tuyệt, trong đó các câu 1, 2, 4 hoặc chỉ các câu 2, 4 hiệp vần với nhau ở chữ cuối.

(1) *Vua Nam* : nguyên văn là "Nam đế", tức là vua nước Nam. Trong chữ Hán còn có chữ "vương" cũng có nghĩa là vua. Nhưng "đế " thì cao hơn "vương". Ở đây dùng chữ "đế " là để tỏ thái độ ngang hàng với nước Trung Hoa, vì ở Trung Hoa gọi vua là "đế " thì ở nước ta cũng vậy. Cần hiểu : trong quan niệm đương thời, "đế " là đại diện cho nước cho dân.

(2) *Sách trời* : nguyên văn là "thiên thư ". Ý hai câu đầu : nước Nam nhất định phải của người nước Nam. Điều đó đã có sách trời (ý nói tạo hoá) phân định rõ ràng, dứt khoát.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Căn cứ vào lời giới thiệu sơ lược về thơ thất ngôn tứ tuyệt ở chú thích (★) để nhận dạng thể thơ của bài *Nam quốc sơn hà* (bản phiên âm chữ Hán) về số câu, số chữ trong câu, cách hiệp vần.

2. *Sông núi nước Nam* được coi như là bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên của nước ta viết bằng thơ. Vậy thế nào là một Tuyên ngôn Độc lập ? Nội dung Tuyên ngôn Độc lập trong bài thơ này là gì ?

3. *Sông núi nước Nam* là một bài thơ thiên về sự biểu ý (bày tỏ ý kiến). Vậy nội dung biểu ý đó được thể hiện theo một bố cục như thế nào ? Hãy nhận xét về bố cục và cách biểu ý đó.

4. Ngoài biểu ý, *Sông núi nước Nam* có biểu cảm (bày tỏ cảm xúc) không ? Nếu có thì thuộc trạng thái nào ? (lộ rõ, ẩn kín)

Hãy giải thích tại sao em chọn trạng thái đó.

5. Qua các cụm từ "tiệt nhiên" (rõ ràng, dứt khoát như thế, không thể khác), "định phận tại thiên thư " (định phận tại sách trời), "hành khan thủ bại hư " (chắc chắn sẽ nhận lấy thất bại), hãy nhận xét về giọng điệu của bài thơ.

Ghi nhớ

Bằng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, giọng thơ dõng dạc đanh thép, ***Sông núi nước Nam*** *là bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.*

LUYỆN TẬP

1. Nếu có bạn thắc mắc sao không nói là "Nam nhân cư" (người Nam ở) mà lại nói "Nam đế cư" (vua Nam ở) thì em sẽ giải thích thế nào ?

2. Học thuộc lòng bài thơ *Sông núi nước Nam* (phiên âm và bản dịch thơ).

ĐỌC THÊM

Bản dịch thơ bài *Nam quốc sơn hà* của Ngô Linh Ngọc :

Đất nước Đại Nam, Nam đế ngự
Sách trời định phận rõ non sông
Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm ?
Bay hãy chờ coi, chuốc bại vong.

(Trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập I,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980)

VĂN BẢN

PHÒ GIÁ VỀ KINH

(Tụng giá hoàn kinh sư)

Phiên âm

Đoạt sáo Chương Dương độ,
Cầm Hồ Hàm Tử quan.
Thái bình tu trí lực,
Vạn cổ thử giang san.

(Trần Quang Khải[★])

Dịch nghĩa

Cướp giáo giặc ở bến Chương Dương,
Bắt quân Hồ ở cửa Hàm Tử.
Thái bình rồi nên dốc hết sức lực,
Muôn đời vẫn có non sông này.

(*Tụng* : đi theo sau, *giá* : nghĩa gốc là buộc ngựa vào xe, nghĩa thường là xe vua đi, *tụng giá* : đi theo xe nhà vua, *hoàn* : trở về, *kinh* : kinh đô, thủ đô xưa, *kinh sư* : kinh đô một nước có vua. *Đoạt* : cướp lấy, *sáo* : giáo (một thứ vũ khí), *Chương Dương* : địa danh (xem chú thích (1)), *độ* : bến sông. *Cầm* : bắt, *Hồ* : từ do người Trung Quốc xưa dùng để chỉ các dân tộc thiểu số và ngoại tộc ở phía bắc với thái độ khinh miệt, ở đây dùng để chỉ giặc Mông – Nguyên, *Hàm Tử* : địa danh (xem chú thích (2)), *quan* : cửa ải. *Thái bình* : rất bình yên, *tu* : nên, *trí* : đem hết, dốc hết, *lực* : sức mạnh (có bản chép : *nghi nỗ lực*, có nghĩa là "nên cố sức"). *Vạn* : mười ngàn, *cổ* : xưa, *thử* : ấy, này, *giang* : sông, *san* (vốn đọc là *sơn*) : núi.)

Dịch thơ

Chương Dương(1) *cướp giáo giặc,*
Hàm Tử(2) *bắt quân thù.*
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu.

(Trần Trọng Kim *dịch*, trong *Việt Nam sử lược*,
NXB Tân Việt, Hà Nội, 1951)

Chú thích

(★) Trần Quang Khải (1241 – 1294), con trai thứ ba của vua Trần Thái Tông, được phong Thượng tướng, có công rất lớn trong hai cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên (1284 – 1285 ; 1287 – 1288), đặc biệt là trong hai trận chiến thắng ở Hàm Tử và Chương Dương. Ông không chỉ là một võ tướng kiệt xuất,

mà còn là người có những vần thơ "sâu xa lí thú" (Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*).

Bài thơ *Phò giá về kinh* được làm lúc ông đi đón Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông về Thăng Long (Hà Nội ngày nay) ngay sau chiến thắng Chương Dương, Hàm Tử và giải phóng kinh đô năm 1285. Bài thơ được viết theo thể ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật, có cách gieo vần tương tự như ở thất ngôn tứ tuyệt.

(1) *Chương Dương* : bến sông nằm ở hữu ngạn sông Hồng, thuộc huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Chiến thắng Chương Dương diễn ra vào tháng 6 năm Ất Dậu (1285) do Trần Quang Khải chỉ huy.

(2) *Hàm Tử* : một địa điểm ở tả ngạn sông Hồng, thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Trận Hàm Tử diễn ra vào tháng 4 năm Ất Dậu (1285) do Trần Nhật Duật chỉ huy với sự hỗ trợ đắc lực của Trần Quang Khải.

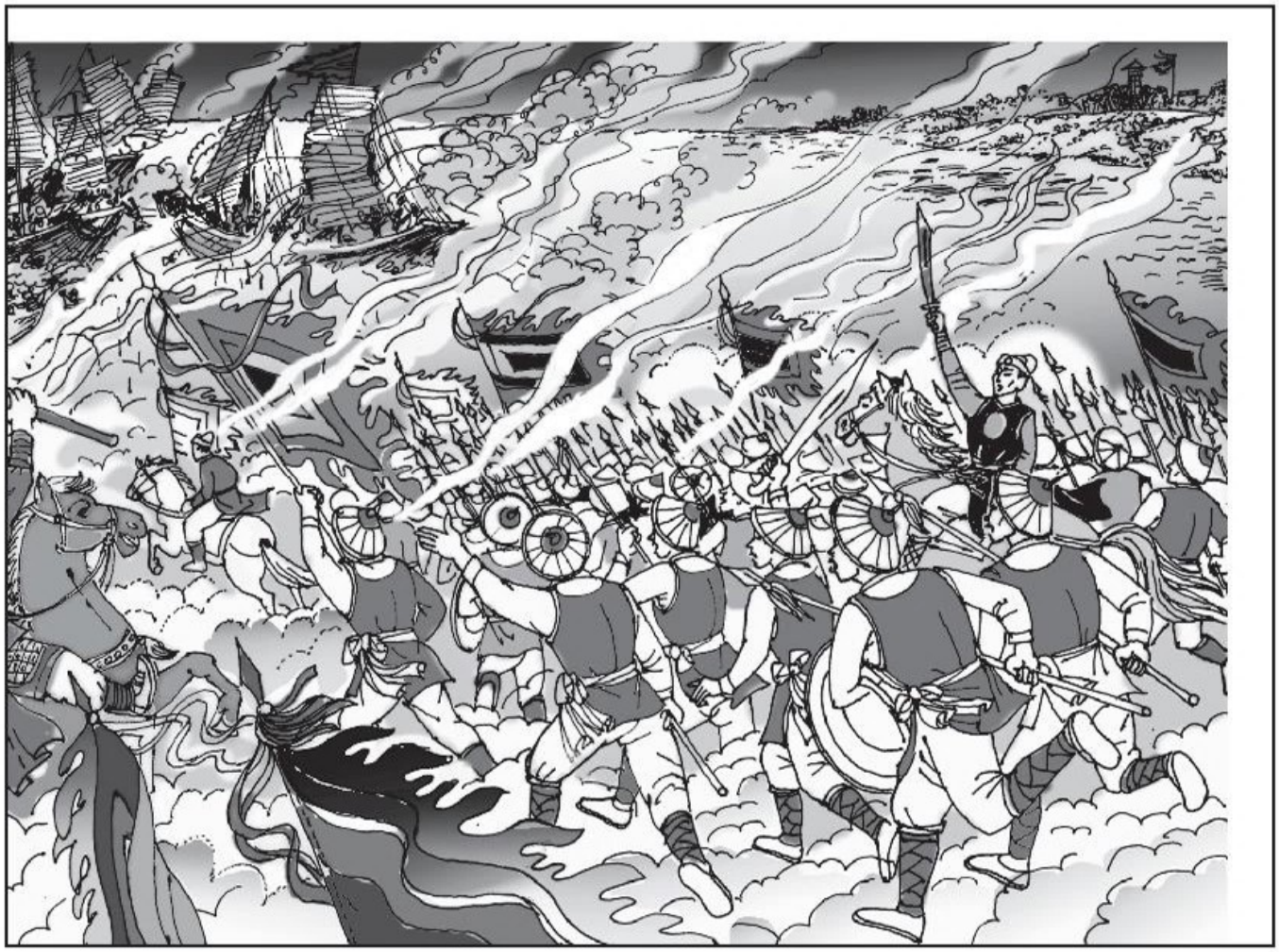

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Em hãy căn cứ vào lời giới thiệu sơ lược về thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt ở chú thích (★) để nhận dạng thể thơ của bài *Tụng giá hoàn kinh sư* (bản phiên âm chữ Hán) về số câu, số chữ trong câu, cách hiệp vần.

2. Nội dung được thể hiện trong hai câu đầu và hai câu sau của bài thơ khác nhau ở chỗ nào ? Hãy nhận xét về cách biểu ý và biểu cảm của bài thơ.

3. Cách biểu ý và biểu cảm của bài *Phò giá về kinh* và bài *Sông núi nước Nam* có gì giống nhau ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *Với hình thức diễn đạt cô đúc, dồn nén cảm xúc vào bên trong ý tưởng, bài thơ* ***Phò giá về kinh*** *đã thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần.*

LUYỆN TẬP

Theo em, cách nói giản dị, cô đúc của bài thơ này có tác dụng gì trong việc thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần ?

ĐỌC THÊM

TỨC SỰ [(a)]

Phiên âm

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.

Dịch nghĩa

Trên nền xã tắc hai lần ngựa đá phải mệt nhọc,
Nhưng núi sông ngàn đời vẫn được đặt vững như âu vàng.

(a) Ngày 17 – 3 năm Mậu Tí (18 – 4 – 1288), sau chiến thắng Bạch Đằng, triều đình đem các tướng giặc bị bắt làm lễ dâng thắng trận ở Chiêu Lăng (lăng vua Trần Thái Tông). Tại đây, vua Trần Nhân Tông trông thấy chân mấy con ngựa đá đều lấm bùn (vì trước đó giặc Nguyên đã phá Chiêu Lăng và định đập bỏ ngựa đi mà chưa kịp), tức cảnh ngâm hai câu thơ trên. Đầu đề là của những người làm sách về sau đặt.

(*Xã* : chỗ tế Thần Đất, *tắc* : chỗ tế Thần Nông, *lưỡng* : hai, *hồi* : xoay lại, *lao* : khó nhọc, *thạch* : đá, *mã* : ngựa. *Sơn* : núi, *hà* : sông, *thiên* : ngàn, *cổ* : xưa, cũ, *điện* : đặt, *kim* : vàng, *âu* : cái chậu nhỏ.)

Dịch thơ

Xã tắc [(a)] *hai phen chồn ngựa đá,*
Non sông nghìn thuở vững âu vàng [(b)].

TỪ HÁN VIỆT

I – ĐƠN VỊ CẤU TẠO TỪ HÁN VIỆT

Đọc bài thơ chữ Hán *Nam quốc sơn hà* và trả lời câu hỏi :

1. Các tiếng *Nam, quốc, sơn, hà* nghĩa là gì ? Tiếng nào có thể dùng như một từ đơn để đặt câu (dùng độc lập), tiếng nào không ?

2. Tiếng *thiên* trong từ *thiên thư* có nghĩa là "trời". Tiếng *thiên* trong các từ Hán Việt sau đây có nghĩa là gì ?

– ***thiên*** *niên kỉ,* ***thiên*** *lí mã*

– *(Lí Công Uẩn)* ***thiên*** *đô về Thăng Long.*

Ghi nhớ

- *Trong tiếng Việt có một khối lượng khá lớn từ Hán Việt. Tiếng để cấu tạo từ Hán Việt gọi là* ***yếu tố Hán Việt****.*
- *Phần lớn các yếu tố Hán Việt không được dùng độc lập như từ mà chỉ dùng để tạo từ ghép. Một số yếu tố Hán Việt như* ***hoa, quả, bút, bảng, học, tập,...*** *có lúc dùng để tạo từ ghép, có lúc được dùng độc lập như một từ.*
- *Có nhiều yếu tố Hán Việt đồng âm nhưng nghĩa khác xa nhau.*

(a) *Xã tắc* : quốc gia.

(b) *Âu vàng (kim âu)* : cái chậu vàng. Sách xưa từng ví quốc gia với cái chậu vàng.

II – TỪ GHÉP HÁN VIỆT

1. Các từ *sơn hà, xâm phạm* (trong bài *Nam quốc sơn hà*), *giang san* (trong bài *Tụng giá hoàn kinh sư*) thuộc loại từ ghép chính phụ hay đẳng lập ?

2. a) Các từ *ái quốc, thủ môn, chiến thắng* thuộc loại từ ghép gì ? Trật tự của các yếu tố trong các từ này có giống trật tự các tiếng trong từ ghép thuần Việt cùng loại không ?

b) Các từ *thiên thư* (trong bài *Nam quốc sơn hà*), *thạch mã* (trong bài *Tức sự*), *tái phạm* (trong bài *Mẹ tôi*) thuộc loại từ ghép gì ? Trong các từ ghép này, trật tự của các yếu tố có gì khác so với trật tự các tiếng trong từ ghép thuần Việt cùng loại ?

Ghi nhớ

• *Cũng như từ ghép thuần Việt,* ***từ ghép Hán Việt*** *có hai loại chính : từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ.*

• *Trật tự của các yếu tố trong từ ghép chính phụ Hán Việt :*

– Có trường hợp giống với trật tự từ ghép thuần Việt : yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau ;

– Có trường hợp khác với trật tự từ ghép thuần Việt : yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau.

III – LUYỆN TẬP

1. Phân biệt nghĩa của các yếu tố Hán Việt đồng âm trong các từ ngữ sau :

hoa$_1$: *hoa quả, hương hoa*

hoa$_2$: *hoa mĩ, hoa lệ*

phi$_1$: *phi công, phi đội*

phi$_2$: *phi pháp, phi nghĩa*

phi$_3$: *cung phi, vương phi*

tham$_1$: *tham vọng, tham lam*

tham$_2$: *tham gia, tham chiến*

gia$_1$: *gia chủ, gia súc*

gia$_2$: *gia vị, gia tăng*

2. Tìm những từ ghép Hán Việt có chứa các yếu tố Hán Việt *quốc, sơn, cư, bại* (đã được chú nghĩa dưới bài *Nam quốc sơn hà*).

Mẫu : *quốc* : ***quốc*** *gia, cường* ***quốc****,...*

3. Xếp các từ ghép *hữu ích, thi nhân, đại thắng, phát thanh, bảo mật, tân binh, hậu đãi, phòng hoả* vào nhóm thích hợp :

a) Từ có yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau ;

b) Từ có yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau.

4. Tìm 5 từ ghép Hán Việt có yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau ; 5 từ ghép Hán Việt có yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau.

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1

1. Em hãy nhận rõ những yêu cầu của bài làm (về nội dung kiến thức, về kiểu văn bản, về bố cục, mạch lạc, về liên kết và diễn đạt).

2. Nhận rõ những ưu, khuyết điểm chính trong bài làm của em, những yêu cầu đã đạt hoặc chưa đạt.

3. Hãy sửa những lỗi đã mắc trong bài làm và đặt kế hoạch phấn đấu để bài làm sau có thể đạt được kết quả tốt hơn.

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BIỂU CẢM

I – NHU CẦU BIỂU CẢM VÀ VĂN BIỂU CẢM

1. Nhu cầu biểu cảm của con người

Đọc những câu ca dao sau và trả lời câu hỏi.

– *Thương thay con cuốc giữa trời*
Dầu kêu ra máu có người nào nghe.

– *Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát.*
Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông.
Thân em như chẽn lúa đòng đòng,
Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

Câu hỏi :

Mỗi câu ca dao trên thổ lộ tình cảm, cảm xúc gì ? Người ta thổ lộ tình cảm để làm gì ? Theo em, khi nào thì con người cảm thấy cần làm văn biểu cảm ? Trong thư từ gửi cho người thân hay bạn bè, em có thường biểu lộ tình cảm không ?

2. Đặc điểm chung của văn biểu cảm

Đọc hai đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

(1) *Thảo thương nhớ ơi ! Mới ngày nào Thảo còn ngồi chung một bàn với Hồng, Minh, Ngọc, thế mà nay Thảo đã theo cha mẹ vào Thành phố Hồ Chí Minh, để cho bọn mình xiết bao mong nhớ. Thảo có nhớ những lần chúng mình cùng dạo Hồ Tây, cùng chơi Thủ Lệ, cùng tham quan Ao Vua ? Thảo có nhớ một lần mình ốm dài, Thảo chép bài cho mình ?*

(Bài làm của học sinh)

(2) *Trên đài, một người con gái nào đó vừa hát một bài dân ca của đất nước ta trong đêm khuya. Bây giờ tất cả im lặng rồi, giọt sao ngoài khung cửa đọng lại, đứng im, không nháy nữa, đêm đã đi vào chiều sâu, mà vẫn còn nghe âm vang mãi giọng hát của người con gái lúc nãy. Một giọng hát dân ca, ngân nga bát ngát như cánh cò trên đồng lúa miền Nam chạy tới chân trời, có lúc rụt rè, e thẹn như khoé mắt người yêu mới gặp, có lúc tinh nghịch, duyên dáng như những đôi chân nhỏ thoăn thoắt gánh lúa chạy trên những con đường làng trộn lẫn bóng tre và bóng nắng... Có lẽ không phải là một người con gái đã hát trên đài. Đó chính là quê hương ta đang lên tiếng hát. Tiếng ngân nga dội lên từ lòng đất, ở trong đó một góc vườn có đôi cây sầu đông và một giàn bầu đong đưa quả nặng, một ngày đã xa, mẹ ta đã chôn nhúm rau của ta thuở ta mới lọt lòng. Đó là tiếng ngân của mặt đất, của dòng sông, của những xóm làng và những cánh đồng sau một ngày lao động và chiến đấu.*

(Nguyên Ngọc, *Đường chúng ta đi*)

Câu hỏi :

a) Hai đoạn văn trên biểu đạt những nội dung gì ? Nội dung ấy có đặc điểm gì khác so với nội dung của văn bản tự sự và miêu tả ?

b) Có ý kiến cho rằng tình cảm, cảm xúc trong văn biểu cảm phải là tình cảm, cảm xúc thấm nhuần tư tưởng nhân văn. Qua hai đoạn văn trên, em có tán thành với ý kiến đó không ?

c) Em có nhận xét gì về phương thức biểu đạt tình cảm, cảm xúc ở hai đoạn văn trên ?

Ghi nhớ

- ***Văn biểu cảm*** *là văn bản viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người đối với thế giới xung quanh và khêu gợi lòng đồng cảm nơi người đọc.*
- *Văn biểu cảm còn gọi là* ***văn trữ tình*** *; bao gồm các thể loại văn học như thơ trữ tình, ca dao trữ tình, tuỳ bút,...*
- *Tình cảm trong văn biểu cảm thường là những tình cảm đẹp, thấm nhuần tư tưởng nhân văn (như yêu con người, yêu thiên nhiên, yêu Tổ quốc, ghét những thói tầm thường, độc ác,...).*
- *Ngoài cách biểu cảm trực tiếp như tiếng kêu, lời than, văn biểu cảm còn sử dụng các biện pháp tự sự, miêu tả để khêu gợi tình cảm.*

II – LUYỆN TẬP

1. So sánh hai đoạn văn sau và cho biết đoạn nào là văn biểu cảm. Vì sao ? Hãy chỉ ra nội dung biểu cảm của đoạn văn ấy.

a) ***Hải đường :*** *Loài cây nhỡ, họ chè, lá dài, dày, mặt trên bóng, mép có nhiều răng cưa. Hoa mọc từ 1 đến 3 đoá ở gần ngọn cây, ngọn cành, có cuống dài, tràng hoa màu đỏ tía, nhị đực rất nhiều. Hoa nở ở Việt Nam vào dịp Tết âm lịch, đẹp, không thơm. Thường trồng làm cảnh.*

(Theo *Từ điển Bách khoa nông nghiệp*)

b) *Từ cổng vào, lần nào tôi cũng phải dừng lại ngắm những cây hải đường trong mùa hoa của nó, hai cây đứng đối nhau trước tấm bình phong cổ, rộ lên hàng trăm đoá ở đầu cành phơi phới như một lời chào hạnh phúc. Nhìn gần, hải*

đường có một màu đỏ thắm rất quý, hân hoan, say đắm. Tôi vốn không thích cái lối văn hoa của các nhà nho cứ muốn tôn xưng hoa hải đường bằng hình ảnh của những người đẹp vương giả. Sự thực ở nước ta hải đường đâu phải chỉ mọc nơi sân nhà quyền quý, nó sống khắp các vườn dân, cả đình, chùa, nhà thờ họ. Dáng cây cũng vậy, lá to thật khoẻ, sống lâu nên cội cành thường sần lên những lớp rêu da rắn màu gỉ đồng, trông dân dã như cây chè đất đỏ. Hoa hải đường rạng rỡ, nồng nàn, nhưng không có vẻ gì là yểu điệu thục nữ, cánh hoa khum khum như muốn phong lại cái nụ cười má lúm đồng tiền. Bỗng nhớ năm xưa, lần đầu từ miền Nam ra Bắc lên thăm Đền Hùng, tôi đã ngẩn ngơ đứng ngắm hoa hải đường nở đỏ núi Nghĩa Lĩnh.

(Theo Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Hoa trái quanh tôi)*

2. Hãy chỉ ra nội dung biểu cảm trong bài thơ *Sông núi nước Nam* và *Phò giá về kinh.*

3.* Kể tên một số bài văn biểu cảm (trữ tình) hay mà em biết.

4. Sưu tầm và chép ra giấy một số đoạn văn xuôi biểu cảm.

BÀI 6

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được hồn thơ thắm thiết tình quê của Trần Nhân Tông trong bài* ***Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra*** *và sự hoà nhập giữa tâm hồn Nguyễn Trãi với cảnh trí Côn Sơn trong đoạn thơ trích* ***Bài ca Côn Sơn****. Tiếp tục hiểu thể thơ thất ngôn tứ tuyệt và sơ bộ hiểu thêm thể thơ lục bát.*
- *Bước đầu biết* ***sử dụng từ Hán Việt*** *đúng sắc thái biểu cảm ; có ý thức tránh lạm dụng từ Hán Việt.*
- *Nắm được* ***đặc điểm của văn bản biểu cảm****. Biết* ***cách làm bài văn biểu cảm****.*

VĂN BẢN

(Tự học có hướng dẫn)

BUỔI CHIỀU ĐỨNG Ở PHỦ THIÊN TRƯỜNG TRÔNG RA

(Thiên Trường vãn vọng)

Phiên âm

Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên
Bán vô bán hữu tịch dương biên
Mục đồng địch lí ngưu quy tận
Bạch lộ song song phi hạ điền.

(Trần Nhân Tông(★))

Dịch nghĩa

Sau thôn trước thôn đều mờ mờ như khói phủ
Bên bóng chiều (cảnh vật) nửa như có nửa như không
Trong tiếng sáo mục đồng dẫn trâu về hết
Từng đôi cò trắng hạ cánh xuống đồng.

(*Thiên Trường* : tên đất, xem chú thích (★) ở cuối bài, *vãn* : buổi chiều, *vọng* : trông. *Thôn* : làng, xóm, *hậu* : sau, *tiền* : trước, *đạm* : nhạt, *tự* : tựa như, *yên* : khói. *Bán* : nửa, *vô* : không, *hữu* : có, *tịch* : buổi chiều, ban đêm, *dương* : ánh sáng mặt trời, *biên* : bên. *Mục* : nuôi súc vật, *đồng* : trẻ con, *địch* : ống sáo có 7 lỗ, *lí* : trong, *ngưu* : trâu, *quy* : về, *tận* : hết. *Bạch* : trắng, *lộ* : con cò, *song* : hai cái, một đôi, *phi* : bay, *hạ* : xuống, *điền* : ruộng.)

Dịch thơ

Trước xóm sau thôn tựa khói lồng(1)
Bóng chiều man mác có dường không
Mục đồng sáo vẳng(2) *trâu về hết*
Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.

(Ngô Tất Tố *dịch*, trong *Thơ văn Lí – Trần*, tập II, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989)

Chú thích

(★) Trần Nhân Tông (1258 – 1308) tên thật là Trần Khâm, con trưởng của Trần Thánh Tông, là một ông vua yêu nước, anh hùng, nổi tiếng khoan hoà, nhân ái, đã cùng vua cha lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống giặc Mông – Nguyên thắng lợi vẻ vang. Ông theo đạo Phật. Năm 1299, ông về tu ở chùa Yên Tử (thuộc tỉnh Quảng Ninh ngày nay) và trở thành vị tổ thứ nhất của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử. Trần Nhân Tông còn là một nhà văn hoá, một nhà thơ tiêu biểu của thời Trần.

Bài thơ *Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra* được sáng tác trong dịp Trần Nhân Tông về thăm quê cũ ở Thiên Trường (thuộc tỉnh Nam Định ngày nay).

(1) Ở thôn quê Bắc Bộ, lúc chiều về, vào mùa thu, thường có lớp sương bao quanh làng xóm.

(2) *Mục đồng* : trẻ chăn trâu, bò,... *Sáo vẳng* : tiếng sáo văng vẳng.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Về thể thơ, bài *Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra* giống với bài thơ nào đã học ? Hãy nêu một số đặc điểm của thể thơ đó và chỉ rõ những đặc điểm ấy đã thể hiện ở bài thơ này như thế nào.

2. Cụm từ *nửa như có nửa như không* (bán vô bán hữu) có nghĩa là gì ? Hãy hình dung quang cảnh được gợi lên ở câu thơ thứ hai này.

3. Trong bài thơ, cảnh vật được miêu tả vào thời điểm nào trong ngày và gồm những chi tiết gì ? (về ánh sáng, âm thanh, màu sắc và cảnh vật)

4. Qua các nội dung được miêu tả trong bài thơ, em có những cảm nhận gì trước cảnh tượng buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường và về tâm trạng của tác giả trước cảnh tượng đó ?

5.* Sau khi hiểu được giá trị của bài thơ, em có thêm suy nghĩ gì khi nhớ rằng tác giả là một ông vua chứ không phải là một người dân quê ? Từ đó, em có thể nói gì nữa về thời nhà Trần trong lịch sử nước ta ?

Ghi nhớ

Cảnh tượng buổi chiều ở phủ Thiên Trường là cảnh tượng vùng quê trầm lặng mà không đìu hiu. Ở đây vẫn ánh lên sự sống con người trong sự hoà hợp với cảnh vật thiên nhiên một cách nên thơ, chứng tỏ tác giả là con người tuy có địa vị tối cao nhưng tâm hồn vẫn gắn bó máu thịt với quê hương thôn dã.

LUYỆN TẬP

Từ việc đọc – hiểu hai câu thơ cuối, bằng trí tưởng tượng, viết một đoạn văn khoảng năm, sáu dòng để tả cảnh mục đồng thổi sáo dẫn trâu về nhà khi chiều xuống. (*Gợi ý :* Xem tranh minh hoạ.)

ĐỌC THÊM

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn (a)
Tiếng ốc xa đưa vẳng trống đồn.
Gác mái ngư ông(b) *về viễn phố* (c)
Gõ sừng mục tử (d) *lại cô thôn*(e).

(Bà Huyện Thanh Quan, *Chiều hôm nhớ nhà*)

(a) *Hoàng hôn* : khoảng thời gian mặt trời mới lặn, ánh sáng yếu ớt và mờ dần.
(b) *Ngư ông* : người đàn ông làm nghề đánh cá.
(c) *Viễn phố* : bến xa (*viễn* : xa ; *phố* : bến sông).
(d) *Mục tử* : cùng nghĩa với *mục đồng*.
(e) *Cô thôn* : làng quê hẻo lánh (*cô* : lẻ loi ; *thôn* : làng, xóm).

Trông bến nam bãi che mặt nước
Cỏ biếc um, dâu mướt màu xanh.
Nhà thôn mấy xóm chông chênh
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.

(Đoàn Thị Điểm (?) *dịch, Chinh phụ ngâm khúc*)

Từ cung điện nhà vua qua dinh thự các quan tới làng mạc nông dân, chưa có những đường hào ngăn cách quá ngặt nghèo như sau này. Chưa có một "bệ rồng" xa thẳm và lộng lẫy, chưa có những thành quách cao dày, những hào luỹ sâu thẳm lởm chởm cờ xí và gươm giáo, chưa có những kiến trúc nguy nga, những luật lệ gang sắt với một kỉ cương trật tự chặt chẽ. Từ cung điện ở phủ Thiên Trường, vua vui lòng lắng nghe tiếng sáo của các em bé chăn trâu đi dọc theo đường làng, bên bờ ruộng, nơi hai cái cò trắng vừa là là hạ xuống :

Mục đồng địch lí ngưu quy tận
Bạch lộ song song phi hạ điền.

(Đặng Thai Mai, *Mấy điều tâm đắc trong khi đọc lại văn học của một thời đại,* trong *Đặng Thai Mai toàn tập,* tập 3, NXB Văn học, Hà Nội, 1998)

VĂN BẢN

BÀI CA CÔN SƠN

(Côn Sơn ca – trích)

Côn Sơn[1] suối chảy rì rầm
Ta nghe như tiếng đàn cầm[2] bên tai.
Côn Sơn có đá rêu phơi,
Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm.
Trong ghềnh thông[3] mọc như nêm[4],
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.
Trong rừng có trúc bóng râm[5],
Trong màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.

(Nguyễn Trãi[★], Nguyên văn chữ Hán,
Phan Võ – Lê Thước – Đào Phương Bình *dịch,*
trong *Thơ văn chữ Hán Nguyễn Trãi,* NXB Văn hoá, Hà Nội, 1962)

Chú thích

(★) Nguyễn Trãi (1380 – 1442) : hiệu là Ức Trai, con của Nguyễn Phi Khanh, quê gốc ở thôn Chi Ngại, xã Cộng Hoà, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, sau dời đến làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn với vai trò rất lớn bên cạnh Lê Lợi. Nguyễn Trãi đã trở thành một nhân vật lịch sử lỗi lạc, toàn tài hiếm có. Nhưng cuối cùng ông đã bị giết hại một cách rất oan khốc và thảm thương vào năm 1442 ; mãi đến năm 1464, mới được vua Lê Thánh Tông chiêu tuyết (rửa oan). Ông là người Việt Nam đầu tiên được UNESCO (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc) công nhận là Danh nhân văn hoá thế giới (năm 1980).

Nguyễn Trãi để lại một sự nghiệp văn chương đồ sộ và phong phú, trong đó có *Bình Ngô đại cáo, Ức Trai thi tập, Quốc âm thi tập, Quân trung từ mệnh tập. Bài ca Côn Sơn* (Côn Sơn ca) có nhiều khả năng được sáng tác trong thời gian ông bị chèn ép, đành phải cáo quan về sống ở Côn Sơn. Trong nguyên văn chữ Hán, *Côn Sơn ca* viết theo thể thơ khác nhưng ở đây được dịch bằng thể thơ lục bát. Lục bát nghĩa là sáu tám – tức sau một câu 6 chữ là một câu 8 chữ và không hạn

định số câu. Trong thể thơ này, chữ cuối câu 6 vần với chữ thứ sáu của câu 8, chữ cuối câu 8 của cặp câu trên vần với chữ cuối câu 6 của cặp câu dưới và tính chung cứ hai câu thì đổi vần mà vần là vần bằng. Thể lục bát cũng có luật bằng trắc (sẽ học ở Bài 13).

(1) *Côn Sơn* : thuộc thôn Chi Ngại, xã Cộng Hoà, ở phía đông bắc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Nguyễn Trãi đã sống ở đây từ khoảng cuối năm 1437 hay đầu năm 1438 cho đến ngày bị hại (1442), dù là từ năm 1439 đã được vua Lê Thái Tông xuống chiếu vời ra giữ chức cũ.

(2) *Đàn cầm* : thứ đàn xưa có 5 dây, về sau thì có 7 dây.

(3) *Thông* : loại cây có thân thẳng và nhựa thơm, tán lá hình tháp, lá hình kim.

(4) *Nêm* : chêm hoặc lèn cho chặt (như trong *nêm cối, chật như nêm*). Ở đây muốn nói thông mọc rậm, dày.

(5) *Râm* : không có ánh mặt trời chiếu trực tiếp. *Trúc bóng râm* : trúc rậm, dày tạo nên bóng râm lúc trời nắng.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Em hãy dựa vào lời giới thiệu sơ lược về thể thơ lục bát ở chú thích (★) để nhận dạng thể thơ của đoạn thơ được trích dịch trong *Bài ca Côn Sơn* về số câu, số chữ trong câu, cách gieo vần.

2. Em hãy đếm trong đoạn thơ có mấy từ *ta* và trả lời các câu hỏi :

a) Nhân vật *ta* là ai ?

b) Hình ảnh và tâm hồn của nhân vật *ta* hiện lên trong đoạn thơ như thế nào ?

c) Tiếng *suối chảy rì rầm* được ví với *tiếng đàn cầm. Đá rêu phơi* được ví với *chiếu êm*. Cách ví von đó giúp em cảm nhận được điều gì về nhân vật *ta* ?

3. Cùng với hình ảnh của nhân vật *ta*, cảnh tượng Côn Sơn được gợi tả bằng những chi tiết nào ? Hãy nhận xét về cảnh tượng Côn Sơn.

4.* Em có cảm nghĩ gì về hình ảnh nhân vật *ta ngâm thơ nhàn trong màu xanh mát* của *trúc bóng râm* ? Từ đó, em thử hình dung thi sĩ Nguyễn Trãi ở Côn Sơn là con người thế nào.

5. Hãy chỉ ra hiện tượng dùng điệp từ trong đoạn thơ và phân tích tác dụng của điệp từ đối với việc tạo nên giọng điệu của đoạn thơ.

Ghi nhớ

Với hình ảnh nhân vật "ta" giữa cảnh tượng Côn Sơn nên thơ, hấp dẫn, đoạn thơ cho thấy sự giao hoà trọn vẹn giữa con người và thiên nhiên bắt nguồn từ nhân cách thanh cao, tâm hồn thi sĩ của chính Nguyễn Trãi.

LUYỆN TẬP

1. Cách ví von tiếng suối của Nguyễn Trãi trong hai câu thơ "Côn Sơn suối chảy rì rầm, Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai" và của Hồ Chí Minh trong câu thơ "Tiếng suối trong như tiếng hát xa" *(Cảnh khuya)* có gì giống và khác nhau ?

2. Học thuộc lòng đoạn trích *Bài ca Côn Sơn.*

ĐỌC THÊM

Đồi thông sáng dưới trăng cao,
Như hồn Nguyễn Trãi năm nào về thăm.
Em nghe có tiếng thơ ngâm...
Ngoài kia nòng pháo ướt đầm sương khuya.

(Trần Đăng Khoa, *Đêm Côn Sơn*)

TỪ HÁN VIỆT (tiếp theo)

I – SỬ DỤNG TỪ HÁN VIỆT

1. Sử dụng từ Hán Việt để tạo sắc thái biểu cảm

a) Tại sao các câu văn dưới đây dùng các từ Hán Việt (in đậm) mà không dùng các từ ngữ thuần Việt có nghĩa tương tự (ghi trong ngoặc đơn) ?

– ***Phụ nữ*** *Việt Nam anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang. (đàn bà)*

*– Cụ là nhà cách mạng lão thành. Sau khi cụ **từ trần**, nhân dân địa phương đã **mai táng** cụ trên một ngọn đồi. (chết, chôn)*

*– Bác sĩ đang khám **tử thi**. (xác chết)*

b) Các từ Hán Việt (in đậm) tạo được sắc thái gì cho đoạn văn trích dưới đây ?

*Yết Kiêu đến **kinh đô** Thăng Long, **yết kiến** vua Trần Nhân Tông.*

*Nhà vua : **Trẫm** cho nhà ngươi một loại binh khí.*

*Yết Kiêu : Tâu **bệ hạ**, **thần** chỉ xin một chiếc dùi sắt.*

Nhà vua : Để làm gì ?

*Yết Kiêu : Để dùi thủng chiến thuyền của giặc, vì **thần** có thể lặn hàng giờ dưới nước.*

(Theo *Chuyện hay sử cũ*)

Ghi nhớ

Trong nhiều trường hợp, người ta dùng từ Hán Việt để :

– Tạo sắc thái trang trọng, thể hiện thái độ tôn kính ;

– Tạo sắc thái tao nhã, tránh gây cảm giác thô tục, ghê sợ ;

– Tạo sắc thái cổ, phù hợp với bầu không khí xã hội xa xưa.

2. Không nên lạm dụng từ Hán Việt

Theo em, trong mỗi cặp câu dưới đây, câu nào có cách diễn đạt hay hơn ? Vì sao ?

*a) – Kì thi này con đạt loại giỏi. Con **đề nghị** mẹ thưởng cho con một phần thưởng xứng đáng !*

– Kì thi này con đạt loại giỏi, mẹ thưởng cho con một phần thưởng xứng đáng nhé !

*b) – Ngoài sân, **nhi đồng** đang vui đùa.*

– Ngoài sân, trẻ em đang vui đùa.

Ghi nhớ

Khi nói hoặc viết, không nên lạm dụng từ Hán Việt, làm cho lời ăn tiếng nói thiếu tự nhiên, thiếu trong sáng, không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

II – LUYỆN TẬP

1. Em chọn từ ngữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

– (thân mẫu, mẹ) :

Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa ... như nước trong nguồn chảy ra.

Nhà máy dệt kim Vinh mang tên Hoàng Thị Loan – ... Chủ tịch Hồ Chí Minh.

– (phu nhân, vợ) :

Tham dự buổi chiêu đãi có ngài đại sứ và ...

Thuận ... thuận chồng tát bể Đông cũng cạn.

– (lâm chung, sắp chết) :

Con chim ... thì tiếng kêu thương,
Con người ... thì lời nói phải.

Lúc ... ông cụ còn dặn dò con cháu phải thương yêu nhau.

– (giáo huấn, dạy bảo) :

Mọi cán bộ đều phải thực hiện lời ... của Chủ tịch Hồ Chí Minh : cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Con cái cần phải nghe lời ... của cha mẹ.

2. Tại sao người Việt Nam thích dùng từ Hán Việt để đặt tên người, tên địa lí ?

3. Đọc đoạn văn sau đây trong *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thuỷ*, tìm những từ ngữ Hán Việt góp phần tạo sắc thái cổ xưa.

Lúc bấy giờ Triệu Đà làm chúa đất Nam Hải. Mấy lần Đà đem quân sang cướp đất Âu Lạc, nhưng vì An Dương Vương có nỏ thần, quân Nam Hải bị giết hại rất nhiều, nên Đà đành cố thủ đợi cơ hội khác. Triệu Đà thấy dùng binh không lợi, bèn xin giảng hoà với An Dương Vương, và sai con trai là Trọng Thuỷ sang cầu thân, nhưng chú ý tìm cách phá chiếc nỏ thần.

Trong những ngày đi lại để kết tình hoà hiếu, Trọng Thuỷ gặp được Mị Châu, một thiếu nữ mày ngài mắt phượng, nhan sắc tuyệt trần, con gái yêu của An Dương Vương.

(*Theo* Vũ Ngọc Phan)

4. Nhận xét về việc dùng các từ Hán Việt (in đậm) trong những câu sau :

*– Em đi xa nhớ **bảo vệ** sức khoẻ nhé !*

*– Đồ vật làm bằng gỗ tốt thì sử dụng được lâu dài. Còn những đồ làm bằng gỗ xấu dù làm rất cầu kì, **mĩ lệ** thì cũng chỉ dùng được trong một thời gian ngắn.*

Hãy dùng các từ thuần Việt thay thế các từ Hán Việt trên cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp bình thường.

ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN BIỂU CẢM

I – TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN BIỂU CẢM

1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi

TẤM GƯƠNG

Tấm gương là người bạn chân thật suốt một đời mình, không bao giờ biết xu nịnh ai, dù đó là kẻ vương giả uy quyền hay giàu sang hãnh tiến. Dù gương có tan xương nát thịt thì vẫn cứ nguyên tấm lòng ngay thẳng trong sạch như từ lúc mẹ cha sinh ra nó.

Nếu ai có bộ mặt không được xinh đẹp thì gương không bao giờ nói dối, nịnh xằng là xinh đẹp. Nếu ai mặt nhọ, gương nhắc nhở ngay. Nếu ai buồn phiền cau

có thì gương cũng buồn phiền cau có theo như để an ủi, sẻ chia cho người đỡ buồn phiền sầu khổ.

Là người, ai dám tự bảo mình là trong sáng suốt đời như tấm gương kia. Thiếu gì kẻ ác độc, nịnh hót, hớt lẻo, dối trá, có kẻ còn tham lam mà bảo trắng là đen, gọi xấu là tốt đấy sao.

Không một ai mà không soi gương, từ già đến trẻ, từ đàn ông đến đàn bà. Soi gương nhiều nhất có lẽ là các chị chúng ta, những cô gái càng xinh đẹp thì càng thích soi gương.

Không hiểu ông Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi[(a)] có lúc nào soi gương để buồn phiền cho gương mặt xấu xí của mình, để rồi làm ra bài phú *Hoa sen giếng ngọc* nổi tiếng bao đời. Anh Trương Chi[(b)] nữa, anh ngồi trên con thuyền lơ lửng mặt sông, có soi vào dòng nước để tủi cho khuôn mặt mình, nên đành gửi lòng vào tiếng hát cho say đắm lòng cô gái cấm cung và bao người khác nữa... thành câu chuyện đau buồn.

Có một gương mặt đẹp soi vào gương quả là hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc càng trọn vẹn hơn nếu có một tâm hồn đẹp để mỗi khi soi vào tấm gương lương tâm sâu thẳm mà lòng không hổ thẹn.

Còn tấm gương bằng thuỷ tinh tráng bạc, nó vẫn là người bạn trung thực, chân thành, thẳng thắn, không hề nói dối, cũng không bao giờ biết nịnh hót hay độc ác với bất cứ ai.

(Theo Băng Sơn, *U tôi)*

(a) *Mạc Đĩnh Chi* : Trạng nguyên đời Trần, thế kỉ XIV, làm quan to, khí tiết cứng cỏi, giỏi ứng đối.

(b) *Trương Chi* : nhân vật truyện cổ tích. Trương Chi là chàng trai lái đò, người xấu xí nhưng có tiếng hát hay làm cô con gái quan Thừa tướng say đắm. Cô gái thấy anh xấu thì thất vọng, còn anh thấy cô thì say mê. Trương Chi không được yêu lại, đau khổ rồi chết, hồn nhập vào cây gỗ bạch đàn. Thừa tướng mua gỗ về tiện làm bộ chén trà. Mỗi lần rót nước vào chén thì hiện lên hình bóng anh lái đò. Mị Nương nhìn thấy, nhớ người cũ, rớt nước mắt vào chén, chiếc chén tan thành nước.

Câu hỏi :

a) Bài văn *Tấm gương* biểu đạt tình cảm gì ?

b) Để biểu đạt tình cảm đó, tác giả bài văn đã làm như thế nào ?

(*Gợi ý* : Việc đem tấm gương mà ví với người bạn trung thực để ca ngợi phẩm chất trung thực có ý nghĩa như thế nào đối với bài văn này ?)

c) Bố cục bài văn gồm mấy phần ? Phần Mở bài và Kết bài có quan hệ với nhau như thế nào ? Phần Thân bài đã nêu lên những ý gì ? Những ý đó liên quan tới chủ đề bài văn như thế nào ?

d) Tình cảm và sự đánh giá của tác giả trong bài có rõ ràng, chân thực không ? Điều đó có ý nghĩa như thế nào đối với giá trị của bài văn ?

2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

Mẹ ơi ! Con khổ quá mẹ ơi ! Sao mẹ đi lâu thế ? Mãi không về ! Người ta đánh con vì con dám cướp lại đồ chơi của con mà con người ta giằng lấy. Người ta lại còn chửi con, chửi cả mẹ nữa ! Mẹ xa con, mẹ có biết không ?

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

Câu hỏi :

Đoạn văn biểu hiện tình cảm gì ? Tình cảm ở đây được biểu hiện trực tiếp hay gián tiếp ? Em dựa vào dấu hiệu nào để đưa ra nhận xét của mình ?

Ghi nhớ

- *Mỗi bài văn biểu cảm tập trung biểu đạt một tình cảm chủ yếu.*
- *Để biểu đạt tình cảm ấy, người viết có thể chọn một hình ảnh có ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng (là một đồ vật, loài cây hay một hiện tượng nào đó) để gửi gắm tình cảm, tư tưởng, hoặc biểu đạt bằng cách thổ lộ trực tiếp những nỗi niềm, cảm xúc trong lòng.*
- *Bài văn biểu cảm thường có bố cục ba phần như mọi bài văn khác.*
- *Tình cảm trong bài phải rõ ràng, trong sáng, chân thực thì bài văn biểu cảm mới có giá trị.*

II – LUYỆN TẬP

Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

HOA HỌC TRÒ

Phượng cứ nở. Phượng cứ rơi. Bao giờ cũng có hoa phượng rơi, bao giờ cũng có hoa phượng nở. Nghỉ hè đã đến. Học sinh sửa soạn về nhà. Nhà chưa về, cái vui gia đình đâu chửa thấy, chỉ thấy xa trường, rời bạn, buồn xiết bao ! Những cuộc tình duyên giữa bạn bè, đến lúc rẽ chia, cũng rẽ chia dưới màu hoa phượng ; dù hữu tâm, dù vô tình, người nào cũng có sắc hoa phượng nằm ở trong hồn. Phượng xui ta nhớ cái gì đâu. Nhớ người sắp xa, còn đứng trước mặt... Nhớ một trưa hè gà gáy khan... Nhớ một thành xưa son uể oải...

... Thôi học trò đã về hết, hoa phượng ở lại một mình. Phượng đứng canh gác nhà trường, sân trường. Hè đang thịnh, mọi nơi đều buồn bã, trường ngủ, cây cối cũng ngủ. Chỉ có hoa phượng thức để làm vui cho cảnh trường. Hoa phượng thức, nhưng thỉnh thoảng cũng mệt nhọc, muốn lim dim. Gió qua, hoa giật mình, một cơn hoa rụng.

Cứ như thế, hoa – học – trò thả những cánh son xuống cỏ, đếm từng giây phút xa bạn học sinh ! Hoa phượng rơi, rơi... Hoa phượng mưa. Hoa phượng khóc. Trường tẻ ngắt, không tiếng trống, không tiếng người. Hoa phượng mơ, hoa phượng nhớ. Ba tháng trời đằng đẵng. Hoa phượng đẹp với ai, khi học sinh đã đi cả rồi !

(*Theo* Xuân Diệu)

Câu hỏi :

a) Bài văn thể hiện tình cảm gì ? Việc miêu tả hoa phượng đóng vai trò gì trong bài văn biểu cảm này ? Vì sao tác giả gọi hoa phượng là hoa – học – trò ?

b) Hãy tìm mạch ý của bài văn.

c) Bài văn này biểu cảm trực tiếp hay gián tiếp ?

ĐỀ VĂN BIỂU CẢM VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM

I – ĐỀ VĂN BIỂU CẢM VÀ CÁC BƯỚC LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM

1. Đề văn biểu cảm

Đề văn biểu cảm thường chỉ ra đối tượng biểu cảm và tình cảm cần biểu hiện. Hãy chỉ ra những nội dung đó trong các đề sau :

a) Cảm nghĩ về dòng sông (hoặc dãy núi, cánh đồng, vườn cây,...) quê hương.

b) Cảm nghĩ về đêm trăng trung thu.

c) Cảm nghĩ về nụ cười của mẹ.

d) Vui buồn tuổi thơ.

e) Loài cây em yêu.

2. Các bước làm bài văn biểu cảm

Cho đề bài : *Cảm nghĩ về nụ cười của mẹ.*

a) *Tìm hiểu đề và tìm ý* : Đối tượng phát biểu cảm nghĩ mà đề văn nêu ra là gì ? Em hình dung và hiểu thế nào về đối tượng ấy ?

(*Gợi ý* : Từ thuở ấu thơ, có ai không nhìn thấy nụ cười của mẹ ? Đó là nụ cười yêu thương, nụ cười khích lệ đối với mỗi bước tiến bộ của em – khi em biết đi, biết nói, khi em lần đầu đi học, mỗi khi em được lên lớp,... Có phải lúc nào mẹ cũng nở nụ cười không ? Đó là những lúc nào ? Mỗi khi vắng nụ cười của mẹ, em cảm thấy thế nào ? Làm sao để luôn luôn được thấy nụ cười của mẹ ? Hãy gợi ra thật nhiều ý liên quan tới đối tượng biểu cảm và cảm xúc của mình.)

b) *Lập dàn bài* : Sắp xếp các ý theo bố cục ba phần Mở bài, Thân bài, Kết bài.

c) *Viết bài* : Hãy dự kiến cách viết các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Em sẽ viết như thế nào để bày tỏ cho hết niềm yêu thương, kính trọng đối với mẹ ?

d) *Sửa bài* : Sau khi viết xong, có cần đọc lại và sửa chữa bài viết không ? Vì sao ?

Ghi nhớ

- *Đề văn biểu cảm bao giờ cũng nêu ra đối tượng biểu cảm và định hướng tình cảm cho bài làm.*
- *Các bước làm bài văn biểu cảm là tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn bài, viết bài và sửa bài.*
- *Muốn tìm ý cho bài văn biểu cảm thì phải hình dung cụ thể đối tượng biểu cảm trong mọi trường hợp và cảm xúc, tình cảm của mình trong các trường hợp đó.*
- *Tìm lời văn thích hợp, gợi cảm.*

II – LUYỆN TẬP

Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Thông thường người đi xa trở lại quê nhà hay kể với bà con láng giềng chuyện lạ phương xa. Riêng tôi về làng, về xứ, lúc nào cũng thích nói đến cái đẹp, cái lớn quê mình.

Tuổi thơ tôi đã hằn sâu trong kí ức những ngọn núi trông xa lấp lánh như kim cương, lúc xanh mờ, khi xanh thẫm, lúc tím lơ, khi rực rỡ như núi ngọc màu xanh. Những năm tháng xa quê, dông tố cuộc đời tưởng chừng cuốn bay tất cả, nhưng trong tâm tư tôi những dòng sông quê mênh mông vẫn cuồn cuộn chảy, những dòng kinh biêng biếc vẫn lặng lờ trôi. Tôi yêu những cánh đồng bao la vàng rực ngày mùa, mù mù khói rạ, thơm vị mía lùi và trắng xoá sương mù sau Tết. Yêu cả tiếng chuông chùa ngân thăm thẳm canh khuya. Tôi yêu ánh nắng chiều tà trải màu vàng tái trên rẫy khoai mì, nghiêng nghiêng bên triền núi. Biết bao đêm trăn trở tôi viết bao trang về con rạch nhỏ cạn lờ chảy qua bến Miễu, cát vàng xâm xấp nước. Tôi yêu màu đá xám đen, tấm phên xác xơ che nắng cho người đập đá. Tôi nhớ ngọn cỏ phất phơ giữa đồng nước lớn, cây cà na trái nặng chùm chùm, cây gáo mồ côi, cây gáo đôi im lìm xa ngoài đồng bãi. Như con chiên ngoan mơ về "Đất Hứa", tôi da diết mong gặp lại cây đa bến Miễu, cây me già Đá Chẹt, con đường quanh co lồi lõm lên Pháo Đài. Tôi nhớ những dòng nước lấp lánh từ triền đá cao ào ào đổ xuống, róc rách len vào khe đá rồi thong thả bò qua con đường trải đá, chảy xuống xóm làng.

An Giang từ bao đời đến bây giờ là đất nóng, là bãi chiến trường. Bờ cõi An Giang đời này sang đời khác luôn luôn bị xâm lăng và đẫm máu. Lịch sử An Giang đã viết bằng những cuộc đời lận đận, những số phận bi thương, những tâm hồn vĩ đại, bằng máu và nước mắt, bằng những lưỡi gươm và cây tầm vông vạt nhọn, bằng những mũi phi tiêu và cây súng thô sơ. Tôi thèm được leo lên Pháo Đài tìm lại phiến đá nào đã in dấu chân Hoàng Đạo Cật, cùng đồng đội của anh đánh tung trận địa pháo tầm xa của giặc. Tôi tha thiết muốn biết triền đá nào chí sĩ can trường Trương Gia Mô đã từ trên ngọn tháp lao xuống, nhất định không để sa vào tay giặc Pháp. Tôi muốn tìm lại vang bóng con người đến phút cuối đời

còn làm cho giặc khiếp sợ mà nhà cách mạng lỗi lạc Phan Bội Châu nghe tin đã khóc với những lời thơ thống thiết...

Ôi, quê mẹ nơi nào cũng đẹp, nơi nào cũng rực rỡ chiến tích, kì công. Từ mảnh đất quê nghèo tôi chập chững ra đi, khi về đôi chân rắn chắc vì được luyện qua nhiều miền xa đất nước. Khi đi, từ khung cửa hẹp của ngôi nhà lá nhỏ tôi ngơ ngác nhìn ra vùng đất rộng bên ngoài với đôi mắt khù khờ. Khi về, ánh sáng mặt trời những miền đất lạ bao la soi sáng mỗi bước tôi đi. Tôi nhìn rõ quê hương hơn, thấy được xứ sở mình đẹp hơn ngày khởi cuộc hành trình.

(Theo *Tản văn Mai Văn Tạo*)

Câu hỏi :

a) Bài văn biểu đạt tình cảm gì, đối với đối tượng nào ? Hãy đặt cho bài văn một nhan đề và một đề văn thích hợp.

b) Hãy nêu lên dàn ý của bài.

c) Chỉ ra phương thức biểu cảm của bài văn.

BÀI 7

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được nỗi sầu chia li, ý nghĩa tố cáo chiến tranh phi nghĩa và niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ cùng với giá trị nghệ thuật ngôn từ trong đoạn thơ trích* ***Chinh phụ ngâm khúc*** *; vẻ đẹp, bản lĩnh sắt son, thân phận chìm nổi của người phụ nữ qua sự trân trọng và cảm thương của Hồ Xuân Hương ở bài thơ* ***Bánh trôi nước****. Bước đầu hiểu thể thơ song thất lục bát.*
- *Nắm được khái niệm* ***quan hệ từ****, các loại quan hệ từ.*
- *Luyện tập các thao tác làm văn biểu cảm.*

VĂN BẢN

SAU PHÚT CHIA LI

(Trích *Chinh phụ ngâm khúc* (★))

Chàng(1) thì đi cõi xa mưa gió
Thiếp(2) thì về buồng cũ chiếu chăn
Đoái trông theo đã cách ngăn
Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh.
Chốn Hàm Dương(3) chàng còn(4) ngảnh lại
Bến Tiêu Tương(5) thiếp hãy trông sang
Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng (6).
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai ? (7) ...

(Đoàn Thị Điểm (?), *trong* Đặng Thai Mai, *Giảng văn Chinh phụ ngâm*, Trường ĐHSP Hà Nội I, 1992)

Chú thích

(★) *Chinh phụ ngâm khúc* (Khúc ngâm của người vợ có chồng ra trận, cũng gọi là *Chinh phụ ngâm*), nguyên văn chữ Hán của Đặng Trần Côn. Ông là người làng Nhân Mục – nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội – sống vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII. Sau khi ra đời, *Chinh phụ ngâm khúc* được nhiều người diễn Nôm. Bản diễn Nôm này từng được xem là của Đoàn Thị Điểm (1705 – 1748), một phụ nữ có tài sắc, người làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc, nay là huyện Yên Mĩ, tỉnh Hưng Yên. Nhưng lại có ý kiến cho là của Phan Huy Ích. *Chinh phụ ngâm khúc* là khúc ngâm về nỗi lòng sầu thương, nhớ nhung của người vợ có chồng ra trận. Cả nguyên tác và bản diễn Nôm được dùng đều là kiệt tác trong lịch sử văn học Việt Nam. Đoạn trích trên nói về tâm trạng của người vợ ngay sau phút chia li. Nhan đề đoạn trích do người soạn sách đặt. *Chinh phụ ngâm khúc* trong nguyên tác chữ Hán viết

theo thể thơ khác. Ở đây được diễn Nôm bằng thể song thất lục bát. Song thất lục bát là thể thơ do người Việt Nam sáng tạo, gồm hai câu 7 chữ (song thất) tiếp đến hai câu 6 – 8 (lục bát). Bốn câu thành một khổ, số lượng khổ thơ không hạn định. Chữ cuối câu 7 trên vần với chữ thứ năm câu 7 dưới, đều vần trắc. Chữ cuối câu 7 dưới vần với chữ cuối câu 6, đều vần bằng. Chữ cuối câu 6 vần với chữ thứ sáu câu 8 đều vần bằng. Chữ cuối câu 8 lại vần với chữ thứ năm câu 7 trên của khổ sau, cũng vần bằng.

(1) *Chàng* : từ mà người phụ nữ xưa dùng để gọi chồng hoặc người yêu trẻ tuổi với ý thân thiết.

(2) *Thiếp* : từ mà người phụ nữ xưa dùng để tự xưng với chồng hoặc với người đàn ông nói chung một cách khiêm nhường. Ở thời phong kiến, *thiếp* còn có nghĩa là vợ lẽ.

(3) *Hàm Dương* : địa danh thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

(4) Ở đây dùng từ *còn* là không khớp vần với từ *xanh* ở cuối câu trên, song từ lâu nhiều sách vẫn ghi như vậy.

(5) *Tiêu Tương* : tên con sông Tương ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc, sông sâu, có nước trong xanh nên còn gọi là sông Tiêu, hoặc là Tiêu Tương. Một số sách chú là hai sông Tiêu và Tương hợp làm một mà thành sông Tiêu Tương. Các địa danh ở đây chủ yếu được dùng theo bút pháp ước lệ của văn thơ trung đại.

(6) *Trùng* : tầng, lớp giống nhau, chồng chất lên nhau.

(7) Có bản chép : "... ai sầu cho ai ?".

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Căn cứ vào lời giới thiệu sơ lược về thể song thất lục bát ở chú thích (★), hãy nhận dạng thể thơ của đoạn thơ dịch được trích về số câu, số chữ trong các câu và cách hiệp vần trong một khổ thơ.

2. Qua 4 câu khổ đầu, nỗi sầu chia li của người vợ đã được gợi tả như thế nào ? Cách dùng phép đối *Chàng thì đi – Thiếp thì về* và việc sử dụng hình ảnh "tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh" có tác dụng gì trong việc gợi tả nỗi sầu chia li đó ?

3. Qua 4 câu khổ thứ hai, nỗi sầu đó được gợi tả thêm như thế nào ? Cách dùng phép đối *còn ngảnh* (ngoảnh) *lại – hãy trông sang* trong hai câu 7 chữ, cách

điệp và đảo vị trí của hai địa danh *Hàm Dương – Tiêu Tương* có ý nghĩa gì trong việc gợi tả nỗi sầu chia li ?

4. Qua 4 câu khổ cuối, nỗi sầu đó còn được tiếp tục gợi tả và nâng lên như thế nào ? Các điệp từ *cùng, thấy* trong hai câu 7 chữ và cách nói về *ngàn dâu*, màu xanh của *ngàn dâu* có tác dụng gì trong việc gợi tả nỗi sầu chia li ?

5.* Hãy chỉ ra một cách đầy đủ các kiểu điệp ngữ trong đoạn thơ và nêu lên tác dụng biểu cảm của các điệp ngữ đó.

6. Từ những phân tích trên, em hãy phát biểu về cảm xúc chủ đạo, về ngôn ngữ và giọng điệu của đoạn thơ.

Ghi nhớ

Bằng một nghệ thuật ngôn từ vô cùng điêu luyện, đặc biệt là nghệ thuật dùng điệp ngữ rất mực tài tình, đoạn ngâm khúc cho thấy nỗi sầu chia li của người chinh phụ sau lúc tiễn đưa chồng ra trận. Nỗi sầu này vừa có ý nghĩa tố cáo chiến tranh phi nghĩa, vừa thể hiện niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ.

LUYỆN TẬP

1. Hãy phân tích màu xanh trong đoạn thơ bằng cách :

a) Ghi đủ các từ chỉ màu xanh.

b) Phân biệt sự khác nhau trong các màu xanh.

c) Nêu tác dụng của việc sử dụng màu xanh trong việc diễn tả nỗi sầu chia li của người chinh phụ.

2. Học thuộc lòng đoạn thơ.

ĐỌC THÊM

– Đánh giá *Chinh phụ ngâm khúc* (nguyên văn) :

"Lời ý lâm li, khác lạ, làm khoái chá miệng người ta."

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*)

– Đánh giá *Chinh phụ ngâm khúc* (dịch) :

"Trong các bài diễn ca có một bài đã được truyền bá khắp dân gian. Từ kẻ quê đến thành thị, không mấy người không biết một vài câu :

... Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp, ai sầu cho ai ?

Những câu ấy không những tả cảnh li biệt của chinh phu (người chồng ra trận) – chinh phụ, mà cũng tả cảnh li biệt của tất cả những cặp vợ chồng. Vì đó mà *Chinh phụ ngâm khúc* đã làm rung động biết bao quả tim thiếu phụ".

(Hoàng Xuân Hãn, *Tựa – Chinh phụ ngâm bị khảo*)

– Đánh giá đoạn *Sau phút chia li* :

"Mười hai câu sau đây[a], tưởng không có một người Việt Nam nào đã yêu (yêu văn chương cổ, cố nhiên !), đã biết cảnh biệt li mà không nhớ".

(Đặng Thai Mai, *Giảng văn Chinh phụ ngâm*)

VĂN BẢN
(Tự học có hướng dẫn)

BÁNH TRÔI NƯỚC(*)

Thân em vừa trắng lại vừa tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát[1] mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

(Hồ Xuân Hương, trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập III, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1963)

(a) Chỉ 12 câu của đoạn trích học.

Chú thích

(★) *Bánh trôi nước* : gọi tắt là bánh trôi, một thứ bánh làm từ bột nếp, được nhào nặn và viên tròn, có nhân đường phên, được luộc chín bằng cách cho vào nồi nước đun sôi. Ở miền Bắc nước ta, hằng năm vào ngày 3 – 3 âm lịch, có tục lệ cúng bánh trôi.

Hồ Xuân Hương (? – ?) lai lịch chưa thật rõ. Nhiều sách vẫn nói bà là con Hồ Phi Diễn (1704 – ?), quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Ông thân sinh ra Bắc dạy học, lấy vợ lẽ là người Bắc Ninh, sinh ra Hồ Xuân Hương. Gia đình Hồ Xuân Hương từng sống ở phường Khán Xuân gần Hồ Tây của Hà Nội. Hồ Xuân Hương được mệnh danh là *Bà Chúa Thơ Nôm*.

(1) *Rắn nát* : *rắn* là cứng, *nát* là nhão.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài *Bánh trôi nước* thuộc thể thơ gì ? Vì sao ?

2. Nghĩa thứ nhất của bài thơ thuộc về nội dung miêu tả bánh trôi nước khi đang được luộc chín. Nghĩa thứ hai thuộc về nội dung phản ánh vẻ đẹp, phẩm chất và thân phận của người phụ nữ trong xã hội cũ. Từ sự gợi ý trên, em hãy trả lời các câu hỏi sau :

a) Với nghĩa thứ nhất, bánh trôi nước đã được miêu tả như thế nào ? Chú ý các từ ngữ : *trắng, tròn, chìm, nổi, rắn nát, lòng son*.

b) Với nghĩa thứ hai, vẻ đẹp, phẩm chất cao quý và thân phận chìm nổi của người phụ nữ được gợi lên như thế nào ? Chú ý các cụm từ : *vừa trắng lại vừa tròn, bảy nổi ba chìm, rắn nát mặc dầu, giữ tấm lòng son*.

c) Trong hai nghĩa, nghĩa nào quyết định giá trị bài thơ ? Tại sao ?

Ghi nhớ

Với ngôn ngữ bình dị, bài thơ ***Bánh trôi nước*** *cho thấy Hồ Xuân Hương vừa rất trân trọng vẻ đẹp, phẩm chất trong trắng, son sắt của người phụ nữ Việt Nam ngày xưa, vừa cảm thương sâu sắc cho thân phận chìm nổi của họ.*

LUYỆN TẬP

1. Hãy ghi lại những câu hát than thân đã học ở Bài 4 (kể cả phần Đọc thêm) bắt đầu bằng hai từ "Thân em". Từ đó, tìm mối liên quan trong cảm xúc giữa bài thơ *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương với các câu hát than thân thuộc ca dao, dân ca.

2. Học thuộc lòng bài thơ.

ĐỌC THÊM

– Thân em như hạt mưa rào
Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa.

– Thân em như hạt mưa sa
Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày.

(Ca dao)

– Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh[(a)] *cũng là lời chung.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

QUAN HỆ TỪ

I – THẾ NÀO LÀ QUAN HỆ TỪ ?

1. Dựa vào kiến thức đã học ở bậc Tiểu học, hãy xác định quan hệ từ trong những câu dưới đây :

a) *Đồ chơi của chúng tôi cũng chẳng có nhiều.*

(Khánh Hoài)

b) *Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu.*

(Sơn Tinh, Thuỷ Tinh)

(a) *Bạc mệnh* : số phận mỏng manh, hẩm hiu, không có gì tốt đẹp (thường nói về phụ nữ).

c) *Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm.*

d) *Mẹ thường nhân lúc con ngủ mà làm vài việc của riêng mình. Nhưng hôm nay mẹ không tập trung được vào việc gì cả.*

(Lý Lan)

2. Các quan hệ từ nói trên liên kết những từ ngữ hay những câu nào với nhau ? Nêu ý nghĩa của mỗi quan hệ từ.

Ghi nhớ

Quan hệ từ *dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ như sở hữu, so sánh, nhân quả,... giữa các bộ phận của câu hay giữa câu với câu trong đoạn văn.*

II – SỬ DỤNG QUAN HỆ TỪ

1. Trong các trường hợp dưới đây, trường hợp nào bắt buộc phải có quan hệ từ, trường hợp nào không bắt buộc phải có ?

a) *Khuôn mặt* ***của*** *cô gái*

b) *Lòng tin* ***của*** *nhân dân*

c) *Cái tủ* ***bằng*** *gỗ mà anh vừa mới mua*

d) *Nó đến trường* ***bằng*** *xe đạp*

e) *Giỏi* ***về*** *toán*

g) *Viết một bài văn* ***về*** *phong cảnh Hồ Tây*

h) *Làm việc* ***ở*** *nhà*

i) *Quyển sách đặt* ***ở*** *trên bàn.*

2. Tìm quan hệ từ có thể dùng thành cặp với các quan hệ từ sau đây :

Nếu ...	...
Vì ...	...
Tuy ...	...
Hễ ...	...
Sở dĩ ...	...

3. Đặt câu với các cặp quan hệ từ vừa tìm được.

Ghi nhớ

• *Khi nói hoặc viết, có những trường hợp bắt buộc phải dùng quan hệ từ. Đó là những trường hợp nếu không có quan hệ từ thì câu văn sẽ đổi nghĩa hoặc không rõ nghĩa. Bên cạnh đó, cũng có trường hợp không bắt buộc dùng quan hệ từ (dùng cũng được, không dùng cũng được).*

• *Có một số quan hệ từ được dùng thành cặp.*

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm các quan hệ từ trong đoạn đầu văn bản *Cổng trường mở ra*, từ "Vào đêm trước ngày khai trường của con" đến "trong lòng con không có mối bận tâm nào khác ngoài chuyện ngày mai thức dậy cho kịp giờ".

2. Điền các quan hệ từ thích hợp vào những chỗ trống trong đoạn văn sau đây :

Lâu lắm rồi nó mới cởi mở ... tôi như vậy. Thực ra, tôi ... nó ít khi gặp nhau. Tôi đi làm, nó đi học. Buổi chiều, thỉnh thoảng tôi ăn cơm ... nó. Buổi tối tôi thường vắng nhà. Nó có khuôn mặt đợi chờ. Nó hay nhìn tôi ... cái vẻ mặt đợi chờ đó. ... tôi lạnh lùng ... nó lảng đi. Tôi vui vẻ ... tỏ ý muốn gần nó, cái vẻ mặt ấy thoắt biến đi thay vào khuôn mặt tràn trề hạnh phúc.

(*Theo* Nguyễn Thị Thu Huệ)

3. Trong các câu sau đây, câu nào đúng, câu nào sai ?

a) *Nó rất thân ái bạn bè.*

b) *Nó rất thân ái với bạn bè.*

c) *Bố mẹ rất lo lắng con.*

d) *Bố mẹ rất lo lắng cho con.*

e) *Mẹ thương yêu không nuông chiều con.*

g) *Mẹ thương yêu nhưng không nuông chiều con.*

h) *Tôi tặng quyển sách này anh Nam.*

i) *Tôi tặng quyển sách này cho anh Nam.*

k) *Tôi tặng anh Nam quyển sách này.*

l) *Tôi tặng cho anh Nam quyển sách này.*

4. Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng quan hệ từ. Gạch dưới các quan hệ từ trong đoạn văn đó.

5.* Phân biệt ý nghĩa của hai câu có quan hệ từ *nhưng* sau đây :

*Nó gầy **nhưng** khoẻ.*

*Nó khoẻ **nhưng** gầy.*

LUYỆN TẬP CÁCH LÀM VĂN BẢN BIỂU CẢM

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Cho đề bài : *Loài cây em yêu.*

1. Tìm hiểu đề và tìm ý

a) Đề yêu cầu viết về điều gì ? Tìm hiểu yêu cầu của đề qua các từ ngữ : *loài cây, em, yêu.*

b) Em yêu cây gì ? Vì sao em yêu cây đó hơn các cây khác ?

(*Gợi ý* : Tìm các đặc điểm của cây, mối quan hệ gần gũi giữa cây với đời sống của em. Cây đem lại cho em những gì trong đời sống vật chất và tinh thần ?)

2. Lập dàn bài

Tham khảo dàn bài dưới đây để lập dàn bài cụ thể :

a) *Mở bài* : Nêu loài cây và lí do mà em yêu thích loài cây đó.

b) *Thân bài* :

– Các đặc điểm gợi cảm của cây ...

– Loài cây ... trong cuộc sống của con người.

– Loài cây ... trong cuộc sống của em.

c) *Kết bài* : Tình cảm của em đối với loài cây đó.

3. Viết đoạn văn

Viết đoạn Mở bài và Kết bài.

II – THỰC HÀNH TRÊN LỚP

Học sinh thực hành tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn bài, viết đoạn văn theo hướng dẫn của thầy, cô giáo.

BÀI THAM KHẢO

CÂY SẤU HÀ NỘI

Hằng năm, vào cữ hạ sớm này, người Hà Nội lại được hưởng những cơn mưa lá sấu vàng ào ạt rơi trong hương sấu dìu dịu, thơm thơm.

Hương lá dịu dàng ướp cả bầu không khí tinh khôi khiến ta những muốn hít thật sâu cho căng tràn lồng ngực. Sau lúc lá rụng là cữ sấu ra hoa. Những mảng hoa hình sao màu trắng sữa chao nghiêng trong gió, đậu xuống mái tóc các cô gái, lấm tấm khắp cả mặt đường.

Giống như hoa sữa mùa thu, cành đào ngày Tết, cây sấu Hà Nội gợi nhớ, gợi thương trong tấm lòng những người xa xứ. Tôi có chị bạn đã theo chồng về Nam ngót hai chục năm, mỗi lần có dịp vẫn không quên nhắn bạn gửi cho ít trái sấu xanh Hà Nội. Ngày hè, mâm cơm mỗi gia đình thành phố chúng ta ít khi thiếu bát nước rau muống luộc dầm sấu, ăn kèm với cà pháo giòn tan. Thức ăn giản dị ấy đã là nỗi khát khao của chị bạn tôi (và cả nhiều người khác) mỗi bữa cơm trong cái thành phố phương Nam nóng ngột mà cái mát lạnh của những cốc trà đá không làm dịu nổi. Từ những quả sấu xanh, bàn tay khéo léo và sự tinh tế của các bà nội trợ đã tạo nên món sấu đá, một thứ đồ giải khát dân dã mà đậm đà chất Hà Nội. Hãy tưởng tượng trong cái nóng như nung của trưa hè, bạn sà vào một gánh hàng rong nơi góc phố. Cô hàng tươi tắn chào mời, thoăn thoắt đôi tay. Thoáng một cái, bạn đã có trong tay cốc sấu đá mát lạnh. Đừng ngại ngần trước vẻ mộc mạc của nó. Những trái sấu xanh vừa độ, gọt vỏ, bỏ hột, chần qua cho bớt vị chua, được thấm đẫm trong cốc nước đường hoa mai ngọt đậm. Chỉ nhấp một ngụm nước, nhai kĩ miếng sấu, cái khát trưa hè đã dần lui. Ấy là chưa kể sự mát mẻ và những nhát quạt phây phẩy của cô hàng chiều khách...

Từng qua thời thơ ấu ở Hà Nội, ai chẳng có một lần nghển cổ nhìn lên tán lá cao vút mà ngắm nghía một cách ước ao chùm sấu non xanh hay thích thú chia nhau nhấm nháp món sấu dầm bán trước cổng trường.

Lúc sấu chín cũng là lúc Hà Nội sắp vào thu với man mác heo may, vàng tươi hoa cúc. Mùa nào, tiết nào Hà Nội cũng có cái để mà nhớ, mà thương. Đó chính là cái duyên của thành phố trong mắt, trong lòng những người yêu Hà Nội.

(Theo Tạ Việt Anh, *Hà Nội tạp văn)*

SẤU HÀ NỘI

Trên kia tôi nói rằng Hà Nội đã là một rừng cây sấu mọc thành hàng dãy phố. Cây sấu trông hình thù xấu xí. Cũng như anh Trương Chi người xấu nhưng tiếng

hát hay, cây sấu có nhiều đức tính. Hình thù cây sấu dễ lẫn với trăm ngàn cây khác, nhưng quả sấu chín có một hương ngọt, nó thơm một cách khiêm tốn nhưng cũng tự kiêu ngầm ; và ngay từ lúc nó còn là một trái xanh non, đem ra làm tương giấm hoặc tan ra trong nước rau muống lúc nắng mới, vị sấu có một hương chua chua cầu kì gớm lên ấy. Cây sấu ra quả là một nguồn cảm xúc mạnh cho những trẻ em nhà nghèo lúc lấm lét trèo lên cây hoặc cầm súng cao su đứng dưới gốc. Cái lúc sấu rụng lá già cũng tỏ ra là một thứ cây có tình. Trong tiếng gió thổi trên thành phố, vẫn thầm thì cái tiếng chào kín đáo của lá sấu gại lên mặt đường nhựa ; nó nhịp với tiếng nhát chổi của người công nhân vệ sinh chuyển bước chữ đinh(a) trên đường phố vắng người. Đêm về sáng, người nạo lòng đường sắt tàu điện có lẽ là người hiểu nhiều nỗi riêng của cây sấu. Trong cuộc hội họp của màu xanh muôn vẻ của cây Việt Nam, cây sấu như ngả sang màu đen bền vững. Những khóm lá xanh già cấc ấy tự nguyện thành một cái nền chắc nịch làm bừng sáng lên những chồi lộc các loại cây quanh mình. Cái gì chắc chắn thường là chậm chạp, cho nên trong hội thi đua mùa xuân trăm cây ra lộc hết cả rồi, ta mới thấy cây sấu đủng đỉnh xoè lên nền nắng mới một vài cái nõn nhỏ.

(Theo Nguyễn Tuân, *Cây Hà Nội)*

BÀI 8

Kết quả cần đạt

- *Hình dung được cảnh tượng Đèo Ngang và tâm trạng cô đơn của Bà Huyện Thanh Quan. Cảm nhận được tình bạn đậm đà, thắm thiết của Nguyễn Khuyến. Bước đầu hiểu thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.*
- *Nắm được các* ***lỗi thường gặp về quan hệ từ*** *để tránh các lỗi đó khi nói hoặc viết.*
- *Viết tốt bài tập làm văn số 2 theo yêu cầu của bài văn biểu cảm.*

(a) *Bước chữ đinh* : theo cách viết chữ Hán, chữ *đinh* gồm có một nét ngang và một nét sổ vuông góc với nhau. *Bước chữ đinh* là bước di chuyển của người quét rác, bàn chân bước tới theo hướng vuông góc với bàn chân trụ.

VĂN BẢN

QUA ĐÈO NGANG

Bước tới Đèo Ngang[1], bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi, tiều[2] vài chú,
Lác đác bên sông, chợ[3] mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc[4],
Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia[5].
Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.

(Bà Huyện Thanh Quan[★],
trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập III,
NXB Văn hoá, Hà Nội, 1963)

Chú thích

(★) Bà Huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Hinh, sống ở thế kỉ XIX, chưa rõ năm sinh năm mất, quê ở làng Nghi Tàm nay thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội. Chồng bà làm tri huyện Thanh Quan (thuộc Thái Ninh), tỉnh Thái Bình, do đó mà có tên gọi Bà Huyện Thanh Quan. Bà là một trong số nữ sĩ tài danh hiếm có trong thời đại ngày xưa, hiện còn để lại sáu bài thơ Đường luật, trong đó có *Qua Đèo Ngang*. *Qua Đèo Ngang* là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Đường luật là luật thơ có từ đời Đường (618 – 907) ở Trung Quốc. Thơ thất ngôn bát cú gồm tám câu, mỗi câu 7 chữ. Có gieo vần (chỉ một vần) ở các chữ cuối của các câu 1, 2, 4, 6, 8. Có phép đối giữa câu 3 với câu 4, câu 5 với câu 6 (tức bốn câu giữa). Có luật bằng trắc. Không theo đúng những điều trên, bị coi là thất luật (không đúng luật).

(1) *Đèo Ngang* : thuộc dãy núi Hoành Sơn, một nhánh của dãy núi Trường Sơn, chạy thẳng ra biển, phân chia địa giới hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh.

(2) *Tiều* : người chuyên nghề đốn củi.

(3) Có người nói "rợ mấy nhà" chứ không phải "chợ mấy nhà" vì ở Đèo Ngang heo hút, không phải là nơi đã đông dân cư. Nhưng cũng có ý kiến bác lại.

Cảnh Đèo Ngang

(4) *Con quốc quốc* (cũng viết là *cuốc cuốc*) : chim đỗ quyên (chim cuốc). Xem chú thích (6), Bài 4.

(5) *Cái gia gia* (cũng viết là *da da*) : chim đa đa, còn gọi là gà gô.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Căn cứ vào lời giới thiệu bước đầu về thơ thất ngôn bát cú Đường luật ở chú thích (★), em hãy nhận dạng thể thơ của bài *Qua Đèo Ngang* về số câu, số chữ trong câu, cách gieo vần, phép đối giữa câu 3 với câu 4, câu 5 với câu 6.

2. Cảnh tượng Đèo Ngang được miêu tả ở thời điểm nào trong ngày ? Thời điểm đó có lợi thế gì trong việc bộc lộ tâm trạng của tác giả ?

3. Cảnh Đèo Ngang được miêu tả gồm những chi tiết gì ? Chú ý đến không gian, thời gian, cảnh vật, âm thanh, cuộc sống con người ; các từ láy : *lác đác, lom khom* ; các từ tượng thanh : *quốc quốc, gia gia*.

4. Hãy nhận xét về cảnh tượng Đèo Ngang qua sự miêu tả của Bà Huyện Thanh Quan.

5. Hãy hình dung tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan khi qua Đèo Ngang. Tâm trạng đó được thể hiện qua hai hình thức : mượn cảnh nói tình và trực tiếp tả tình như thế nào ?

6. Nói đến *một mảnh tình riêng* giữa cảnh *trời, non, nước* bao la ở Đèo Ngang thì có gì khác với cách nói *một mảnh tình riêng* trong một không gian chật hẹp ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *Với phong cách trang nhã, bài thơ* ***Qua Đèo Ngang*** *cho thấy cảnh tượng Đèo Ngang thoáng đãng mà heo hút, thấp thoáng có sự sống con người nhưng còn hoang sơ, đồng thời thể hiện nỗi nhớ nước thương nhà, nỗi buồn thầm lặng cô đơn của tác giả.*

LUYỆN TẬP

1. Tìm hàm nghĩa của cụm từ *ta với ta*.

2. Học thuộc lòng bài thơ *Qua Đèo Ngang*.

VĂN BẢN

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

Đã bấy lâu nay, bác tới nhà(1),
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá(2),
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây(3), cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa(4).
Đầu trò tiếp khách, trầu không có(5),
Bác đến chơi đây, ta với ta !

(Nguyễn Khuyến(★), trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập IV, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1963)

Chú thích

(★) Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) : lúc nhỏ tên là Thắng, quê ở thôn Vị Hạ (làng Và), xã Yên Đổ, nay thuộc xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam ; thuở nhỏ nhà nghèo, thông minh, học giỏi, sau đó đi thi, đỗ đầu cả ba kì : Hương,

Hội, Đình, do đó có tên là Tam Nguyên Yên Đổ. Nguyễn Khuyến làm quan khoảng mười năm, nhưng đến khi thực dân Pháp đánh chiếm xong Bắc Bộ, ông cáo quan về ở ẩn.

Nguyễn Khuyến là một nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ ca của ông chủ yếu được sáng tác vào giai đoạn sau ngày cáo quan về sống ở Yên Đổ.

(1) Có bản chép : Chẳng mấy khi nay, bác đến nhà.

(2) Có bản chép : khôn mò cá.

(3) Có bản chép : Cải đã tàn cây.

(4) Có bản chép : mướp vừa hoa.

(5) Có bản chép : Trầu buồn một nỗi, cau không có.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài *Bạn đến chơi nhà* thuộc thể thơ gì ? Vì sao ?

2. Bài thơ được lập ý bằng cách dựng lên tình huống hoàn toàn không có gì tiếp bạn để rồi kết lại một câu : *"Bác đến chơi đây, ta với ta !"* nhưng thể hiện được tình bạn đậm đà, thắm thiết.

Em có tán thành ý kiến trên không ? Nếu không, cho biết lí do. Nếu có thì hãy làm rõ bằng cách trả lời các câu hỏi sau :

a) Theo nội dung của câu thứ nhất, đúng ra Nguyễn Khuyến phải tiếp đãi thế nào khi bạn đến chơi nhà ?

b) Nhưng qua sáu câu thơ tiếp theo thì hoàn cảnh của Nguyễn Khuyến lại là thế nào ? Tác giả có dụng ý gì khi cố tạo ra một tình huống đặc biệt như thế ?

c) Câu thơ thứ tám và riêng cụm từ "ta với ta" nói lên điều gì ? Câu thơ này có vai trò khẳng định điều gì về tình bạn của nhà thơ.

d) Nhận xét chung về tình bạn của Nguyễn Khuyến trong bài thơ *Bạn đến chơi nhà*.

Ghi nhớ

Bài thơ được lập ý bằng cách cố tình dựng lên tình huống khó xử khi bạn đến chơi, để rồi hạ một câu kết : "Bác đến chơi đây, ta với ta !", nhưng trong đó là một giọng thơ hóm hỉnh chứa đựng tình bạn đậm đà, thắm thiết.

LUYỆN TẬP

1. a*) Ngôn ngữ ở bài *Bạn đến chơi nhà* có gì khác với ngôn ngữ ở đoạn thơ *Sau phút chia li* đã học ?

b) So sánh cụm từ "ta với ta" trong bài *Bạn đến chơi nhà* của Nguyễn Khuyến với cụm từ "ta với ta" trong bài *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan.

2. Học thuộc lòng bài thơ *Bạn đến chơi nhà*.

ĐỌC THÊM

Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua.
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa.

(Nguyễn Khuyến, *Khóc Dương Khuê*)

CHỮA LỖI VỀ QUAN HỆ TỪ

I – CÁC LỖI THƯỜNG GẶP VỀ QUAN HỆ TỪ

1. Thiếu quan hệ từ

Hai câu sau đây thiếu quan hệ từ ở chỗ nào ? Hãy chữa lại cho đúng.

– *Đừng nên nhìn hình thức đánh giá kẻ khác.*

– *Câu tục ngữ này chỉ đúng xã hội xưa, còn ngày nay thì không đúng.*

2. Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa

Các quan hệ từ *và, để* trong hai ví dụ sau có diễn đạt đúng quan hệ ý nghĩa giữa các bộ phận trong câu không ? Nên thay *và, để* ở đây bằng quan hệ từ gì ?

– *Nhà em ở xa trường **và** bao giờ em cũng đến trường đúng giờ.*

– *Chim sâu rất có ích cho nông dân **để** nó diệt sâu phá hoại mùa màng.*

3. Thừa quan hệ từ

Vì sao các câu sau thiếu chủ ngữ ? Hãy chữa lại cho câu văn được hoàn chỉnh.

– ***Qua** câu ca dao "Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra" cho ta thấy công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái.*

– ***Về*** *hình thức có thể làm tăng giá trị nội dung đồng thời hình thức có thể làm thấp giá trị nội dung.*

4. Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết

Các câu (in đậm) dưới đây sai ở đâu ? Hãy chữa lại cho đúng.

– *Nam là một học sinh giỏi toàn diện.* ***Không những giỏi về môn Toán, không những giỏi về môn Văn.*** *Thầy giáo rất khen Nam.*

– ***Nó thích tâm sự với mẹ, không thích với chị.***

> ***Ghi nhớ***
>
> *Trong việc* ***sử dụng quan hệ từ****, cần tránh các lỗi sau :*
>
> *– Thiếu quan hệ từ ;*
>
> *– Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa ;*
>
> *– Thừa quan hệ từ ;*
>
> *– Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết.*

II – LUYỆN TẬP

1. Thêm quan hệ từ thích hợp (có thể thêm hoặc bớt một vài từ khác) để hoàn chỉnh các câu sau đây :

– *Nó chăm chú nghe kể chuyện đầu đến cuối.*

– *Con xin báo một tin vui cha mẹ mừng.*

2. Thay các quan hệ từ dùng sai trong các câu sau đây bằng những quan hệ từ thích hợp.

– *Ngày nay, chúng ta cũng có quan niệm* ***với*** *cha ông ta ngày xưa, lấy đạo đức, tài năng làm trọng.*

– ***Tuy*** *nước sơn có đẹp đến mấy mà chất gỗ không tốt thì đồ vật cũng không bền được.*

– *Không nên chỉ đánh giá con người* ***bằng*** *hình thức bên ngoài mà nên đánh giá con người* ***bằng*** *những hành động, cử chỉ, cách đối xử của họ.*

3. Chữa lại các câu văn sau cho hoàn chỉnh.

– Đối với bản thân em còn nhiều thiếu sót, em hứa sẽ tích cực sửa chữa.

– Với câu tục ngữ "Lá lành đùm lá rách" cho em hiểu đạo lí làm người là phải giúp đỡ người khác.

– Qua bài thơ này đã nói lên tình cảm của Bác Hồ đối với thiếu nhi.

4. Cho biết các quan hệ từ in đậm dưới đây được dùng đúng hay sai.

a) ***Nhờ*** *cố gắng học tập* ***nên*** *nó đạt thành tích cao.*

b) ***Tại*** *nó không cẩn thận* ***nên*** *nó đã giải sai bài toán.*

c) *Chúng ta phải sống* ***cho*** *thế nào* ***để*** *chan hoà với mọi người.*

d) *Các chiến sĩ đã anh dũng chiến đấu* ***để*** *bảo vệ nền độc lập* ***của*** *dân tộc.*

e) *Phải luôn luôn chống tư tưởng chỉ bo bo bảo vệ quyền lợi bản thân* ***của*** *mình.*

g) *Sống trong xã hội* ***của*** *phong kiến đương thời, nhân dân ta bị áp bức bóc lột vô cùng tàn bạo.*

h) ***Nếu*** *trời mưa, con đường này sẽ rất trơn.*

i) ***Giá*** *trời mưa, con đường này sẽ rất trơn.*

5. Trao đổi bài tập làm văn với bạn cùng lớp, đọc và nhận xét về cách dùng quan hệ từ trong bài làm của bạn. Nếu bài của bạn có sai sót thì góp ý với bạn cách chữa.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2 – VĂN BIỂU CẢM (làm tại lớp)

Đề bài : *Loài cây em yêu.* (Chọn bất cứ cây gì ở làng quê Việt Nam : tre, dừa, chuối, gạo, đa, ..., không viết lại về cây sấu.)

Hướng dẫn :

Hãy chọn loài cây mà em thực sự yêu mến, thích thú, có hiểu biết về nó, và nêu cho được tình cảm của mình đối với cây, lí do mà mình yêu cây. Bài văn phải miêu tả chi tiết về cây, tình người đối với cây và tình cảm biểu hiện phải chân thành.

BÀI 9

Kết quả cần đạt

- *Cảm thụ được vẻ đẹp thiên nhiên mà Lí Bạch miêu tả qua bài thơ* ***Xa ngắm thác núi Lư****, bước đầu nhận biết mối quan hệ gắn bó giữa tình và cảnh trong thơ cổ.*
- *Củng cố và nâng cao kiến thức về* ***từ đồng nghĩa****, các loại từ đồng nghĩa ; nâng cao kĩ năng dùng từ đồng nghĩa đã học ở bậc Tiểu học.*
- *Nắm được* ***các cách lập ý*** *đa dạng của bài văn biểu cảm.*

VĂN BẢN

XA NGẮM THÁC NÚI LƯ

(Vọng Lư sơn bộc bố)

Phiên âm

Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên,
Dao khan bộc bố quải tiền xuyên.
Phi lưu trực há tam thiên xích,
Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

(Lí Bạch(★))

Dịch nghĩa

Mặt trời chiếu núi Hương Lô, sinh làn khói tía
Xa nhìn dòng thác treo trên dòng sông phía trước.
Thác chảy như bay đổ thẳng xuống từ ba nghìn thước
Ngỡ là sông Ngân rơi tự chín tầng mây.

(*Vọng* : trông từ xa, *Lư sơn* : núi Lư, *bộc bố* : thác nước [*bộc* : nước trên núi chảy xuống, *bố*: vải, *bộc bố* : thác nước trên núi chảy xuống, nhìn xa như một tấm

vải treo dọc buông rủ xuống]. *Nhật* : mặt trời, còn có nghĩa là "ngày", *chiếu* : chiếu sáng, soi sáng, *Hương Lô* : tên đỉnh núi, *sinh* : làm nảy sinh, sinh ra, *tử* : màu đỏ tía, *yên* : khói. *Dao* : xa, *khan* (khán) : nhìn, xem, *quải* : treo, *tiền* : trước, phía trước mặt, *xuyên* : sông. *Phi* : bay, *lưu* : chảy, *trực* : thẳng, *há* (hạ) : rơi xuống, đổ xuống, *tam* : ba, *thiên* : nghìn, *xích* : thước. *Nghi* : ngờ, *thị* : là, *Ngân Hà* : sông Ngân, dải sáng màu trắng vắt ngang bầu trời do các ngôi sao li ti hợp thành, thường nhìn thấy trong những đêm trời quang, *lạc* : rơi xuống, *cửu thiên* : chín phương trời, ở đây chỉ bầu trời.)

Dịch thơ

Nắng rọi Hương Lô(1) *khói tía bay,*
Xa trông dòng thác trước sông này(2)*.*
Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước,
Tưởng dải Ngân Hà tuột khỏi mây.

(Tương Như *dịch*, trong *Thơ Đường*, tập II,
NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

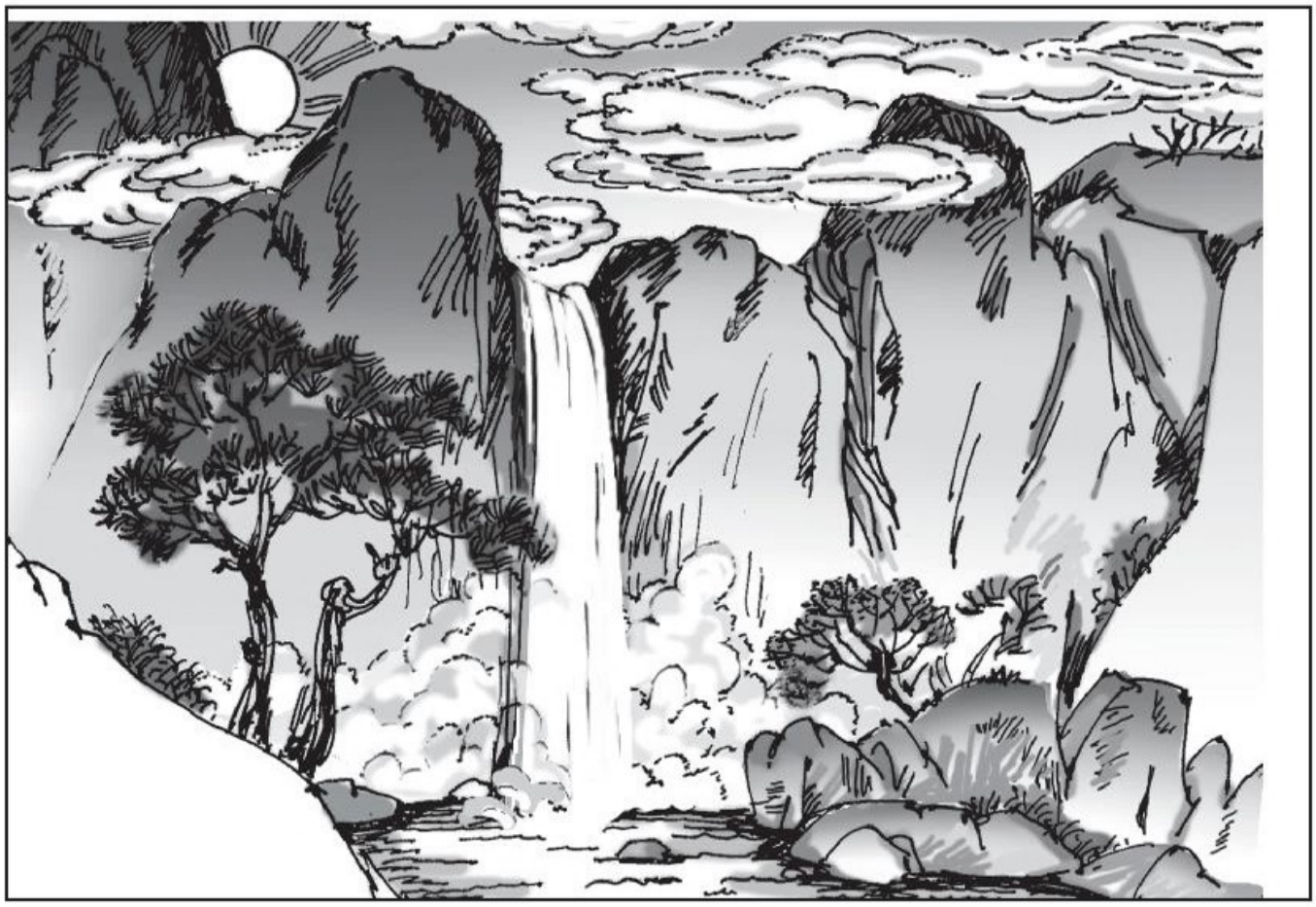

Chú thích

(★) Lí Bạch (701 – 762), nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc đời Đường, tự Thái Bạch, hiệu Thanh Liên cư sĩ, quê ở Cam Túc ; lúc mới năm tuổi, gia đình về định cư ở làng Thanh Liên, huyện Xương Long thuộc Miên Châu (Tứ Xuyên) nên nhà thơ vẫn thường coi Tứ Xuyên cũng là quê hương của mình. Từ trẻ, ông đã xa gia đình để đi du lịch, tìm đường lập công danh sự nghiệp. Dẫu muốn góp phần cứu đời giúp dân song chưa bao giờ ông được toại nguyện. Lí Bạch được mệnh danh là "tiên thơ". Thơ ông biểu hiện một tâm hồn tự do hào phóng. Hình ảnh trong thơ thường mang tính chất tươi sáng, kì vĩ, ngôn ngữ tự nhiên mà điêu luyện. Lí Bạch viết nhiều bài rất hay về chiến tranh, thiên nhiên, tình yêu và tình bạn. *Vọng Lư sơn bộc bố* là một trong những bài tiêu biểu viết về đề tài thiên nhiên của nhà thơ. *Lư sơn* (núi Lư) là tên một dãy núi ở tỉnh Giang Tây.

(1) *Hương Lô* : tên một ngọn núi cao ở phía tây bắc của dãy Lư sơn. Núi cao có mây mù bao phủ, đứng xa trông như chiếc "lò hương" nên gọi là "Hương Lô".

(2) Câu này còn có một cách hiểu khác. *Quải* là "treo", *tiền xuyên* là "dòng sông phía trước". Có người cho "dòng sông phía trước" không phải chỉ vị trí nơi thác đổ xuống mà là hình ảnh dùng để so sánh với dòng thác nhìn từ xa. Nếu vậy, cả câu có nghĩa là : "Đứng xa trông dòng thác giống như một dòng sông treo trước mặt". Dù hiểu theo nghĩa nào thì bản dịch thơ cũng đã đánh rơi mất chữ "treo", chữ quan trọng nhất của câu thơ.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Căn cứ vào đầu đề bài thơ và câu thứ hai (chú ý nghĩa của hai chữ *vọng* và *dao*), xác định vị trí đứng ngắm thác nước của tác giả. Vị trí đó có lợi thế như thế nào trong việc phát hiện những đặc điểm của thác nước ?

2. Câu thơ thứ nhất tả cái gì và tả như thế nào ? (Chú ý mối tương quan giữa tên gọi đỉnh núi và đặc điểm của cảnh vật được miêu tả). Hình ảnh được miêu tả trong câu này đã tạo nền cho việc miêu tả ở ba câu sau như thế nào ?

3. Nêu lên những vẻ đẹp khác nhau của thác đã được Lí Bạch phát hiện và miêu tả trong ba câu tiếp theo.

(*Gợi ý* :

– Phân tích sự thành công của tác giả trong việc dùng từ *quải* (câu thứ hai), từ đó chỉ ra chỗ hạn chế của bản dịch thơ.

– Chứng minh rằng qua câu thứ ba, ta không chỉ thấy hình ảnh của dòng thác mà còn hình dung được đặc điểm của dãy núi Lư và đỉnh núi Hương Lô.

– Giải thích vì sao lối nói phóng đại ở câu thứ tư vẫn tạo nên được một hình ảnh chân thực.)

4. Qua đặc điểm cảnh vật được miêu tả, ta có thể thấy những nét gì trong tâm hồn và tính cách nhà thơ ?

5.* Về hai cách hiểu câu thứ hai (cách hiểu ở bản dịch nghĩa và cách hiểu trong chú thích (2)), em thích cách hiểu nào hơn ? Vì sao ?

Ghi nhớ

Với những hình ảnh tráng lệ, huyền ảo, bài thơ đã miêu tả một cách sinh động vẻ đẹp nhìn từ xa của thác nước chảy từ đỉnh Hương Lô thuộc dãy núi Lư, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên đằm thắm và phần nào bộc lộ tính cách mạnh mẽ, hào phóng của tác giả.

ĐỌC THÊM

ĐÊM ĐỖ THUYỀN Ở PHONG KIỀU[a]

(Phong Kiều dạ bạc)

Phiên âm

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hoả đối sầu miên.
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

(Trương Kế[b])

(a) *Phong Kiều* : địa danh ở phía tây thành Cô Tô (thuộc thành phố Tô Châu, tỉnh Giang Tô ngày nay).

(b) *Trương Kế* : sống khoảng giữa thế kỉ VIII, người Tương Châu, tỉnh Hồ Bắc, đỗ tiến sĩ, có làm chức quan nhỏ. Thơ ông thường tả phong cảnh là chủ yếu.

Dịch nghĩa

Trăng xế, quạ kêu, sương đầy trời,
(Khách) nằm ngủ trước cảnh buồn của đèn chài
và lùm cây phong bên sông.
Chùa Hàn Sơn ở ngoài thành Cô Tô
Nửa đêm tiếng chuông văng vẳng vọng đến thuyền khách.

Dịch thơ

Trăng tà chiếc quạ kêu sương,
Lửa chài cây bến, sầu vương giấc hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn.

(K.D. *dịch*, trong *Thơ Đường*, tập I,
NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

(*Gợi ý thưởng thức* :

– Bài thơ thể hiện một cách sinh động cảm nhận qua những điều nghe thấy, nhìn thấy của một khách xa quê đang thao thức không ngủ trong đêm đỗ thuyền ở bến Phong Kiều.

– Nếu K.D. đã rất tài hoa và hết sức sáng tạo trong việc dịch hai câu thơ đầu thì có thể nói đã không thành công trong việc dịch hai câu thơ sau, khi biến chủ thể vốn là *tiếng chuông* thành chủ thể là *chiếc thuyền của lữ khách*. Trương Kế đã kết hợp hai thủ pháp nghệ thuật truyền thống của thơ Đường là *dùng động để tả tĩnh* và *mượn âm thanh để truyền hình ảnh*. Câu thơ dịch của K.D. đã làm nhoà mất sự ngân vang, lan toả của tiếng chuông trong đêm yên tĩnh.)

TỪ ĐỒNG NGHĨA

I – THẾ NÀO LÀ TỪ ĐỒNG NGHĨA ?

1. Đọc lại bản dịch thơ *Xa ngắm thác núi Lư* của Tương Như. Dựa vào kiến thức đã học ở bậc Tiểu học, hãy tìm các từ đồng nghĩa với mỗi từ : *rọi, trông*.

2. Từ *trông* trong bản dịch thơ *Xa ngắm thác núi Lư* có nghĩa là "nhìn để nhận biết". Ngoài nghĩa đó ra, từ *trông* còn có những nghĩa sau :

a) Coi sóc, giữ gìn cho yên ổn.

b) Mong.

Tìm các từ đồng nghĩa với mỗi nghĩa trên của từ *trông*.

Ghi nhớ

Từ đồng nghĩa *là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.*

II – CÁC LOẠI TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. So sánh nghĩa của từ *quả* và từ *trái* trong hai ví dụ sau :

– Rủ nhau xuống bể mò cua,
*Đem về nấu **quả** mơ chua trên rừng.*

(Trần Tuấn Khải)

*– Chim xanh ăn **trái** xoài xanh,*
Ăn no tắm mát đậu cành cây đa.

(Ca dao)

2. Nghĩa của hai từ *bỏ mạng* và *hi sinh* trong hai câu dưới đây có chỗ nào giống nhau, chỗ nào khác nhau ?

*– Trước sức tấn công như vũ bão và tinh thần chiến đấu dũng cảm tuyệt vời của quân Tây Sơn, hàng vạn quân Thanh đã **bỏ mạng**.*

*– Công chúa Ha-ba-na đã **hi sinh** anh dũng, thanh kiếm vẫn cầm tay.*

(Truyện cổ Cu-ba)

Ghi nhớ

*Từ đồng nghĩa có hai loại : những từ **đồng nghĩa hoàn toàn** (không phân biệt nhau về sắc thái nghĩa) và những từ **đồng nghĩa không hoàn toàn** (có sắc thái nghĩa khác nhau).*

III – SỬ DỤNG TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Thử thay các từ đồng nghĩa *quả* và *trái, bỏ mạng* và *hi sinh* trong các ví dụ ở mục II cho nhau và rút ra nhận xét.

2. Ở Bài 7, tại sao đoạn trích trong *Chinh phụ ngâm khúc* lấy tiêu đề là *Sau phút* ***chia li*** mà không phải là *Sau phút* ***chia tay*** ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *Không phải bao giờ các từ đồng nghĩa cũng có thể thay thế cho nhau. Khi nói cũng như khi viết, cần cân nhắc để chọn trong số các từ đồng nghĩa những từ thể hiện đúng thực tế khách quan và sắc thái biểu cảm.*

IV – LUYỆN TẬP

1. Tìm từ Hán Việt đồng nghĩa với các từ sau đây :

– *gan dạ*
– *nhà thơ*
– *mổ xẻ*
– *của cải*
– *nước ngoài*
– *chó biển*
– *đòi hỏi*
– *năm học*
– *loài người*
– *thay mặt*

2. Tìm từ có gốc Ấn – Âu đồng nghĩa với các từ sau đây :

– *máy thu thanh*
– *sinh tố*
– *xe hơi*
– *dương cầm*

3. Tìm một số từ địa phương đồng nghĩa với từ toàn dân (phổ thông).

Mẫu : *heo – lợn.*

4. Tìm từ đồng nghĩa thay thế các từ in đậm trong các câu sau đây :

– *Món quà anh gửi, tôi đã* ***đưa*** *tận tay chị ấy rồi.*

– *Bố tôi* ***đưa*** *khách ra đến cổng rồi mới trở về.*

– *Cậu ấy gặp khó khăn một tí đã* ***kêu****.*

– *Anh đừng làm như thế người ta* ***nói*** *cho đấy.*

– *Cụ ốm nặng đã* ***đi*** *hôm qua rồi.*

5. Phân biệt nghĩa của các từ trong các nhóm từ đồng nghĩa sau đây :

– *ăn, xơi, chén*

– *cho, tặng, biếu*

– *yếu đuối, yếu ớt*

– *xinh, đẹp*

– *tu, nhấp, nốc*

6. Chọn từ thích hợp điền vào các câu dưới đây :

a) *thành tích, thành quả*

– Thế hệ mai sau sẽ được hưởng ... của công cuộc đổi mới hôm nay.

– Trường ta đã lập nhiều ... để chào mừng ngày Quốc khánh mồng 2 tháng 9.

b) *ngoan cường, ngoan cố*

– Bọn địch ... chống cự đã bị quân ta tiêu diệt.

– Ông đã ... giữ vững khí tiết cách mạng.

c) *nhiệm vụ, nghĩa vụ*

– Lao động là ... thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mỗi người.

– Thầy Hiệu trưởng đã giao ... cụ thể cho lớp em trong đợt tuyên truyền phòng chống ma tuý.

d) *giữ gìn, bảo vệ*

– Em Thuý luôn luôn ... quần áo sạch sẽ.

– ... Tổ quốc là sứ mệnh của quân đội.

7. Trong các cặp câu sau, câu nào có thể dùng hai từ đồng nghĩa thay thế nhau, câu nào chỉ có thể dùng một trong hai từ đồng nghĩa đó ?

(*Gợi ý* :

– Câu có thể dùng hai từ thay thế nhau : điền cả hai từ vào khoảng trống, dùng dấu gạch chéo để phân cách.

– Câu chỉ được dùng một trong hai từ : điền từ đó vào khoảng trống.

Mẫu : *nuôi dưỡng, phụng dưỡng*

– *Con cái có trách nhiệm **phụng dưỡng / nuôi dưỡng** bố mẹ già.*

– *Bố mẹ có trách nhiệm **nuôi dưỡng** con cái cho đến lúc con cái trưởng thành.*)

a) *đối xử, đối đãi*

– *Nó ... tử tế với mọi người xung quanh nên ai cũng mến nó.*

– *Mọi người đều bất bình trước thái độ ... của nó đối với trẻ em.*

b) *trọng đại, to lớn*

– *Cuộc Cách mạng tháng Tám có ý nghĩa ... đối với vận mệnh dân tộc.*

– *Ông ta thân hình ... như hộ pháp.*

8. Đặt câu với mỗi từ : *bình thường, tầm thường, kết quả, hậu quả.*

9. Chữa các từ dùng sai (in đậm) trong các câu dưới đây :

– *Ông bà cha mẹ đã lao động vất vả, tạo ra thành quả để con cháu đời sau **hưởng lạc**.*

– *Trong xã hội ta, không ít người sống ích kỉ, không giúp đỡ **bao che** cho người khác.*

– *Câu tục ngữ "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" đã **giảng dạy** cho chúng ta lòng biết ơn đối với thế hệ cha anh.*

– *Phòng tranh có **trình bày** nhiều bức tranh của các hoạ sĩ nổi tiếng.*

CÁCH LẬP Ý CỦA BÀI VĂN BIỂU CẢM

I – NHỮNG CÁCH LẬP Ý THƯỜNG GẶP CỦA BÀI VĂN BIỂU CẢM

1. Liên hệ hiện tại với tương lai

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Các em, các em rồi đây lớn lên, sẽ quen dần với sắt, thép và xi măng cốt sắt.

Nhưng, nứa, tre sẽ còn mãi với các em, còn mãi với dân tộc Việt Nam, chia bùi sẻ ngọt của những ngày mai tươi hát, còn mãi với chúng ta, vui hạnh phúc, hoà bình.

Ngày mai, trên đất nước này, sắt, thép có thể nhiều hơn tre, nứa. Nhưng, trên đường trường ta dấn bước, tre xanh vẫn là bóng mát. Tre vẫn mang khúc nhạc tâm tình. Tre sẽ càng tươi những cổng chào thắng lợi. Những chiếc đu tre vẫn dướn lên bay bổng. Tiếng sáo diều tre cao vút mãi.

Cây tre Việt Nam ! Cây tre xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thuỷ chung, can đảm. Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.

(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*)

Câu hỏi :

Việc liên tưởng đến tương lai công nghiệp hoá đã khơi gợi cho tác giả những cảm xúc gì về cây tre ? Tác giả đã biểu cảm trực tiếp bằng những biện pháp nào ?

2. Hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ về hiện tại

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Trong các món đồ chơi, tôi say mê nhất con gà đất : một chú trống đẹp mã, oai vệ, với chiếc kèn lá tơi cài vào ức để tạo ra tiếng gáy. Đến bây giờ, tôi vẫn còn cảm nhận được niềm vui kì diệu ấy tái sinh trong tâm hồn, khi nhớ lại buổi sáng sớm, tôi mang con gà ra đứng trước thềm, ấp nó giữa lòng bàn tay, dồn hơi đầy ngực, ngửa mặt lên trời và gập người dần dần lúc hạ giọng, giống y như dáng điệu con gà lúc gáy. Còn gì vui hơn với một đứa bé, khi nó được hoá thân thành con gà trống để dõng dạc cất lên điệu nhạc sớm mai : "Ó... ò... o" ! Bao giờ tôi cũng thử rất lâu để chọn được một con gà đất có giọng trầm ; biết cách bụm hai bàn tay để điều khiển giọng gáy thật sinh động, giống như người nghệ sĩ thổi kèn đồng.

Bây giờ tôi hiểu ra, những đồ chơi trẻ con thời ấy rất hấp dẫn bởi chính tính mong manh của chúng. Chiếc trống lùng tung bị thủng trong chốc lát, con ve bị đứt dây, con gà đất rồi cũng vỡ trên tay đứa bé. Vâng, thử tưởng tượng một quả bong bóng không bao giờ vỡ, không thể bay mất, nó cứ còn mãi như một vật lì lợm... Ôi, nếu thế thì còn đâu là quả bong bóng bay ? Đồ chơi trẻ con, đó là nỗi vui mừng khi có được trong tay, và còn là nỗi tiếc nuối khi bỗng dưng bị mất nó. Những con gà đất lần lượt vỡ dọc theo tuổi thơ mãi để lại trong tôi một nỗi gì sâu thẳm, giống như một linh hồn.

(Theo Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Người ham chơi)*

Câu hỏi :

Tác giả đã say mê con gà đất như thế nào ? Việc hồi tưởng quá khứ đã gợi lên cảm xúc gì cho tác giả ?

3. Tưởng tượng tình huống, hứa hẹn, mong ước

Đọc các đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

(1) *Cô vừa đi vừa hỏi tôi :*

– Bây giờ em đã giải được những bài toán khó, đã làm được những bài luận dài rồi đấy. Vậy em còn yêu mến cô giáo cũ của em nữa không ?

Và khi xuống đến chân cầu thang, cô nói to với tôi :

– Đừng quên cô nhé !

Ôi ! Cô giáo rất tốt của em, không, chẳng bao giờ, chẳng bao giờ em lại quên cô được ! Sau này, khi em đã lớn, em vẫn sẽ nhớ đến cô, và em sẽ tìm gặp cô giữa một đám học trò nhỏ. Mỗi bận đi ngang qua một trường học và nghe tiếng một cô giáo giảng bài, em sẽ tưởng chừng như nghe tiếng nói của cô. Em sẽ nhớ lại hai năm ngồi trong lớp học của cô, ở đó, em đã học được bao nhiêu điều bổ ích ; ở đó, em đã bao nhiêu lần nhìn thấy cô mệt nhọc và đau đớn, nhưng luôn luôn theo dõi lớp học, luôn luôn yêu thương mọi người. Cô đã thất vọng khi thấy một em bé cứ cầm sai cây bút khi viết mà không sao uốn nắn lại được ; cô đã lo lắng cho chúng em đến biến sắc mặt khi các vị thanh tra vào lớp và hỏi bài chúng em ; cô lấy làm sung sướng khi chúng em đạt được những kết quả xuất sắc. Lúc nào cô cũng có lòng tốt và dịu hiền như một người mẹ.

Không bao giờ, phải, không bao giờ em lại có thể quên cô được, cô giáo yêu quý của em !

(Ét-môn-đô đơ A-mi-xi, *Những tấm lòng cao cả*)

(2) *Chao ôi, mùa thu biên giới, người và cảnh thật là hết chỗ trữ tình. Trên các triền núi láng giềng, nắng hanh như rây bột nghệ, và đá núi lượn chạy như xô bồ những con sóng đời đời không chịu tan. Nhìn sóng đá các triền núi bạn, thấy như biển cả đang vỗ bờ mà sao tự nhiên phim lại mất hẳn đi cái phần lồng tiếng. Ngồi trên núi cao mùa thu, nhìn ra sóng núi tứ bề, cứ thấy nhớ biển, nghĩ về bờ biển. Lũng Cú cao hơn mặt biển khoảng hai ngàn thước và nằm ở vĩ tuyến 23 độ lẻ*

22 phút. Thẳng buông một quả dọi thả lên tấm bản đồ đất nước treo trên tường, cứ thẳng từ mũi núi này mà đổ xuôi xuống thấu vào vùng lầy phù sa đen chỗ vĩ tuyến 8 độ rưỡi gì đó, thì là đúng mũi Cà Mau đó rồi. Ở đây rừng của lâm nghiệp bảo vệ rừng ngày càng lấn núi, và trong chỗ tít tắp chân trời Cà Mau kia thì đất càng ngày càng lấn biển. Tổ quốc ta ngày càng xanh vui và ngày càng cao lớn mãi lên. Ở đây chim hoạ mi rất nhiều. Ở trong mũi biển xa xôi Cà Mau thì cá múa trong lòng rạch, lòng kênh. Anh Sáu tập kết ra Bắc bảo tôi rằng đi trên cát cho giỏi, cát không níu được chân mình lại thì đi vã bộ nửa ngày mới qua thấu xóm mũi biển. Và chỗ xóm Ông Trang tận cùng Cà Mau, có bà mẹ chiến sĩ lúc nào cũng đầy một sân tôm khô và bong bóng cá đường để dành cho bất cứ người yêu nước nào. Ở trong ấy, cá thành ra một thứ chim bay ngược lên cành đước lòng kênh. Lòng kênh là một hành lang đước, chiếu thẳng ống nhòm ra thì thấy đầu đàng kia hành lang, cù lao Hòn Khoai nhấp nhô như một tinh thể nhỏ đang bơi bơi về đất liền quê mẹ. Châu cha, hôm nào đất nước yên hàn, tôi nghĩ rằng mình phải có những chuyến tàu bay trực thăng tốc hành đi thẳng từ mũi Cà Mau ra mũi Lũng Cú, cứ chiếu thẳng hướng Bắc mà đi, rồi đổ xuống cái vạt núi Lũng Cú đang bốc khói lam chiều này. Bà má Nam Bộ muốn trồng cây đước ở bờ Hồ Kiếm, xin má cứ đem trồng ; nhưng tôi muốn người Cà Mau ra thăm chỗ xa cao nhất miền Bắc hãy đem tới Lũng Cú đây ít tôm ít cá, và một cái lồng ấp đã đượm cháy sẵn mấy hòn than đước.

(Theo Nguyễn Tuân, *Mõm Lũng Cú tột Bắc)*

Câu hỏi :

a) Trí tưởng tượng đã giúp người viết bày tỏ lòng yêu mến cô giáo như thế nào ?

b) Việc liên tưởng từ Lũng Cú, cực bắc của Tổ quốc tới Cà Mau, cực nam Tổ quốc đã giúp tác giả thể hiện tình cảm gì ?

4. Quan sát, suy ngẫm

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

U tôi đã đi ngủ từ lâu. Nhưng tôi buông bút, nhìn ra bốn bên, chỗ nào cũng thấy bóng u. Cái bóng đen đủi, hoà lẫn với bóng tối, vẽ nên một khuôn mặt trăng trắng với đôi mắt nhỏ, lòng đen nhuộm một màu nâu đồng. Cái bóng mơ hồ yêu

dấu ấy đứng bên cạnh lớp lớp những ngày tháng ngậm ngùi đói khổ, những năm này năm khác qua đi trong cơn thấp thỏm đợi chờ dài dặc mang ngấn nước mắt và tiếng thở dài. Người ta, nhiều lúc nhàn, quây quần bên cạnh người thân, nhưng không mấy khi lại tỉ mỉ vấn vơ mà nhìn ngắm những người yêu mến của ta. Cho nên thỉnh thoảng tôi sực nhớ, tôi chợt nhìn u, tôi bỗng giật mình, tôi ngờ ngợ như người ngồi trước mặt đây không phải là u tôi. Có đâu u tôi lại thế kia. Tóc đường ngôi của u tôi lốm đốm, rụng, chỉ còn lưa thưa. Lúc u tôi cười, nếp nhăn ở đuôi con mắt nheo lại, xếp lên nhau, đến khi hết cười cũng còn hằn những vết rạn khía quanh xuống hai bên gò má. Hàm răng trên của u tôi hểnh khuyết ba lỗ đã mấy năm nay. U tôi già đi từ bao giờ ? U tôi đã già đi lúc nào ? Tôi thực không hay.

(*Theo* Tô Hoài, *Cỏ dại*)

Câu hỏi :

Qua đoạn văn, em thấy sự quan sát có tác dụng biểu hiện tình cảm như thế nào ?

Ghi nhớ

- *Để tạo ý cho bài biểu cảm, khơi nguồn cho mạch cảm xúc nảy sinh, người viết có thể hồi tưởng kỉ niệm quá khứ, suy nghĩ về hiện tại, mơ ước tới tương lai, tưởng tượng những tình huống gợi cảm, hoặc vừa quan sát vừa suy ngẫm, vừa thể hiện cảm xúc.*
- *Nhưng dù dùng cách gì thì tình cảm trong bài cũng phải chân thật và sự việc được nêu ra phải có trong kinh nghiệm. Được như thế bài văn mới làm cho người đọc tin và đồng cảm.*

II – LUYỆN TẬP

1. Tập lập ý bài văn biểu cảm theo các đề sau :

a) Cảm xúc về vườn nhà.

b) Cảm xúc về con vật nuôi (con bò, con chó, con mèo,...).

c) Cảm xúc về người thân.

d) Cảm nghĩ về mái trường thân yêu.

2. Gợi ý về cách lập ý cho một số đề :

a) Lập ý cho đề *Cảm xúc về vườn nhà* :

– Xác định, hình dung khu vườn nhà em từng có, đang có hoặc mơ ước có ; xác định vị trí trong không gian, thời gian của người viết đối với vườn nhà. Điều này sẽ quy định cảm xúc của bài. Nếu ở xa thì hoài niệm về vườn nhà.

– Em có thể miêu tả khu vườn rất gắn bó với đời sống của gia đình em (hiện tại hoặc lâu đời). Nếu thiếu nó, cuộc sống của gia đình em sẽ ra sao ? Em có thể nghĩ đến công lao, ý nguyện của người tạo lập khu vườn mà bày tỏ lòng biết ơn. Nếu chẳng may phải bán vườn cho người khác thì tỏ lòng nuối tiếc...

b) Lập ý cho đề *Cảm xúc về người thân* :

– Xác định người thân định viết là ai và mối quan hệ thân tình của mình với người đó.

– Hồi tưởng những kỉ niệm, ấn tượng mình đã có với người đó trong quá khứ.

– Nêu lên sự gắn bó của mình với người đó trong niềm vui, nỗi buồn, trong sinh hoạt, trong học tập, vui chơi, ...

– Nghĩ đến hiện tại và tương lai của người đó mà bày tỏ tình cảm, sự quan tâm, lòng mong muốn, ...

BÀI 10

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận tình quê hương được biểu hiện một cách chân thành, sâu sắc qua bài thơ* ***Tĩnh dạ tứ*** *của Lí Bạch và* ***Hồi hương ngẫu thư*** *của Hạ Tri Chương, thấy được tác dụng của nghệ thuật đối trong thơ Đường và tầm quan trọng của câu cuối trong một bài thơ tuyệt cú.*
- *Củng cố và nâng cao kiến thức về* ***từ trái nghĩa*** *và kĩ năng sử dụng từ trái nghĩa đã học ở bậc Tiểu học.*
- *Biết lập dàn bài phát biểu miệng : cảm nghĩ về sự vật và con người.*
- *Biết* ***phát biểu cảm tưởng*** *bằng lời nói.*

VĂN BẢN

CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM THANH TĨNH(★)

(Tĩnh dạ tứ)

Phiên âm

Sàng tiền minh nguyệt quang,
Nghi thị địa thượng sương.
Cử đầu vọng minh nguyệt,
Đê đầu tư cố hương.

(Lí Bạch)

Dịch nghĩa

Ánh trăng sáng đầu giường,
Ngỡ là sương trên mặt đất.
Ngẩng đầu ngắm vầng trăng sáng,
Cúi đầu nhớ quê cũ.

(*Tĩnh* : im lặng, yên tĩnh, *dạ* : đêm, *tứ* : ý tứ, cảm nghĩ. *Sàng* : giường, *tiền* : trước, *minh* : sáng, *nguyệt* : trăng, *quang* : ánh sáng. *Nghi* : ngờ, *thị* : là, *địa* : đất, *thượng* : trên, *sương* : sương. *Cử* : cất lên, nâng lên, *đầu* : đầu, *vọng* : trông xa. *Đê* : cúi xuống, *tư* : lo nghĩ, nhớ, *cố* : cũ, *hương* : làng, quê hương.)

Dịch thơ

Đầu giường ánh trăng rọi,
Ngỡ mặt đất phủ sương.
Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,
Cúi đầu nhớ cố hương.

(Tương Như *dịch*, trong *Thơ Đường*, tập II,
NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

Chú thích

(★) Có người nói thơ Lí Bạch tràn ngập ánh trăng. Hình ảnh trăng trong thơ Lí Bạch hết sức đa dạng, ý nghĩa cũng vô cùng phong phú. Chủ đề của bài thơ rất

quen thuộc : "Vọng nguyệt hoài hương" (Trông trăng nhớ quê), cách thể hiện rất giản dị mà độc đáo. Thuở nhỏ, ông thường lên đỉnh núi Nga Mi ở quê nhà ngắm trăng. Từ 25 tuổi, Lí Bạch đã xa quê và xa mãi. Bởi vậy, cứ mỗi lần thấy trăng là nhà thơ lại nhớ tới quê nhà. Bài thơ được viết theo hình thức *cổ thể*, một thể thơ trong đó mỗi câu thường có 5 hoặc 7 chữ, song không bị những quy tắc chặt chẽ về niêm luật và đối ràng buộc.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Có người cho rằng trong bài *Tĩnh dạ tứ*, hai câu đầu là thuần tuý tả cảnh, hai câu cuối là thuần tuý tả tình. Em có tán thành ý kiến đó không ? Vì sao ?

(*Gợi ý* :

– Phải chăng trong hai câu đầu hoàn toàn không có suy tư, cảm nghĩ của con người ?

– Và phải chăng hai câu cuối là tả tình thuần tuý ?

– Từ sự phân tích trên, rút ra kết luận về mối quan hệ giữa cảnh và tình trong bài thơ này.)

2. Tuy không phải là một bài thơ Đường luật song *Tĩnh dạ tứ* cũng sử dụng *phép đối*.

a) So sánh về mặt từ loại của các chữ tương ứng ở hai câu cuối để bước đầu hiểu thế nào là *phép đối*.

b) Phân tích tác dụng của phép đối ấy trong việc biểu hiện tình cảm quê hương của tác giả.

3. Dựa vào bốn động từ *nghi* (ngỡ là), *cử* (ngẩng), *đê* (cúi) và *tư* (nhớ) để chỉ ra sự thống nhất, liền mạch của suy tư, cảm xúc trong bài thơ.

Ghi nhớ

Với những từ ngữ giản dị mà tinh luyện, bài thơ đã thể hiện một cách nhẹ nhàng mà thấm thía tình quê hương của một người sống xa nhà trong đêm trăng thanh tĩnh.

LUYỆN TẬP

Có người dịch *Tĩnh dạ tứ* thành hai câu thơ như sau :

Đêm thu trăng sáng như sương,
Lí Bạch ngắm cảnh nhớ thương quê nhà.

Dựa vào những điều đã phân tích ở trên, em hãy nhận xét về hai câu thơ dịch ấy. Nếu có thể, thử dịch thành bốn câu thơ theo nguyên thể hoặc theo thể lục bát.

VĂN BẢN

NGẪU NHIÊN VIẾT NHÂN BUỔI MỚI VỀ QUÊ

(Hồi hương ngẫu thư)

Phiên âm

Thiếu tiểu li gia, lão đại hồi,
Hương âm vô cải, mấn mao tồi.
Nhi đồng tương kiến, bất tương thức,
Tiếu vấn : Khách tòng hà xứ lai ?

(Hạ Tri Chương[★])

Dịch nghĩa

Rời nhà từ lúc còn trẻ, già mới quay về,
Giọng quê không đổi, nhưng tóc mai đã rụng.
Trẻ con gặp mặt, không quen biết,
Cười hỏi : Khách ở nơi nào đến ?

(*Hồi* : trở về, *hương* : làng, quê hương, *ngẫu* : tình cờ, ngẫu nhiên, *thư* : chép, viết, ghi lại. *Thiếu* : trẻ, *tiểu* : nhỏ, *li* : xa, rời, *gia* : nhà, *lão* : già, *đại* : lớn. *Âm* : tiếng, giọng nói, *vô* : không, *cải* : đổi, *mấn mao* : tóc mai, *tồi* : hỏng, rơi rụng. *Nhi đồng* : trẻ con, *tương* : cùng nhau, *kiến* : thấy, *bất* : không, *thức* : biết, quen nhau. *Tiếu* : cười, *vấn* : hỏi, *khách* : khách, người ở nơi khác đến, *tòng* : từ, *hà xứ* : nơi nào, *lai* : tới, đến.)

Dịch thơ

Khi đi trẻ, lúc về già
Giọng quê vẫn thế, tóc đà khác bao.
Trẻ con nhìn lạ không chào
Hỏi rằng : Khách ở chốn nào lại chơi ?

(Phạm Sĩ Vĩ *dịch*, trong *Thơ Đường*, tập I,
NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

Trẻ đi, già trở lại nhà,
Giọng quê không đổi, sương pha mái đầu.
Gặp nhau mà chẳng biết nhau,
Trẻ cười hỏi : "Khách từ đâu đến làng ?"

(Trần Trọng San *dịch*, trong *Thơ Đường*, tập I,
Bắc Đẩu, Sài Gòn, 1966)

Chú thích

(★) Hạ Tri Chương (659 – 744), tự Quý Chân, hiệu Tứ Minh cuồng khách, quê ở Vĩnh Hưng, Việt Châu (nay thuộc huyện Tiêu Sơn, tỉnh Chiết Giang), đỗ tiến sĩ năm 695, sinh sống, học tập và làm quan trên 50 năm ở kinh đô Trường An, rất được Đường Huyền Tông vị nể. Lúc xin từ quan về quê làm đạo sĩ, vua có tặng thơ, thái tử và các quan đều đưa tiễn. Ông là bạn vong niên (bạn chơi với nhau không kể tuổi chênh lệch) của thi hào Lí Bạch, từng gọi Lí Bạch là "trích tiên" (tiên bị đày). Thích uống rượu, tính tình hào phóng, ông còn để lại 20 bài thơ, trong đó hai bài *Hồi hương ngẫu thư* là nổi tiếng nhất. Bài được chọn để học là bài 1.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Qua tiêu đề bài thơ, có thể thấy sự biểu hiện tình quê hương ở bài thơ này có gì độc đáo ?

(Gợi ý : So sánh với tình huống thể hiện tình quê hương trong bài *Tĩnh dạ tứ*.)

2. Chứng minh hai câu đầu đã dùng phép *đối trong câu* (còn gọi là *tiểu đối, tự đối*). Nêu tác dụng của việc dùng phép đối ấy.

Lưu ý : Ở thơ ngũ ngôn và thất ngôn, số chữ của hai vế đối nhau trong câu không bằng nhau, tuy vậy, xét về mặt từ loại và cú pháp, vẫn có thể đối rất chỉnh.

3. Kẻ lại bảng sau vào vở và đánh dấu × vào ô mà em cho là hợp lí :

Phương thức biểu đạt	Tự sự	Miêu tả	Biểu cảm	Biểu cảm qua tự sự	Biểu cảm qua miêu tả
Câu 1					
Câu 2					

Sau khi đánh dấu, có thể dùng lời để giải thích thêm ; cũng có thể dùng cách giải thích khác không có trong các ô.

4. Sự biểu hiện của tình quê hương ở hai câu trên và hai câu dưới có gì khác nhau về giọng điệu ?

(*Gợi ý* : Phân tích xem vì sao chỉ có nhi đồng xuất hiện và sự xuất hiện đó cùng tiếng cười, câu hỏi hồn nhiên, thơ ngây của các em có làm cho tác giả vui lên không.)

Ghi nhớ

Bài thơ biểu hiện một cách chân thực mà sâu sắc, hóm hỉnh mà ngậm ngùi tình yêu quê hương thắm thiết của một người sống xa quê lâu ngày, trong khoảnh khắc vừa mới đặt chân trở về quê cũ.

LUYỆN TẬP

Căn cứ vào bản dịch nghĩa bài *Hồi hương ngẫu thư* và những điều cảm nhận được qua việc học bài thơ, hãy so sánh hai bản dịch thơ của Phạm Sĩ Vĩ và Trần Trọng San.

TỪ TRÁI NGHĨA

I – THẾ NÀO LÀ TỪ TRÁI NGHĨA ?

1. Đọc lại bản dịch thơ *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* của Tương Như và bản dịch thơ *Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê* của Trần Trọng San. Dựa vào các kiến thức đã học ở Tiểu học, tìm các cặp từ trái nghĩa trong hai bản dịch thơ đó.

2. Tìm từ trái nghĩa với từ *già* trong trường hợp *rau già, cau già.*

Ghi nhớ

- ***Từ trái nghĩa*** *là những từ có nghĩa trái ngược nhau.*
- *Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau.*

II – SỬ DỤNG TỪ TRÁI NGHĨA

1. Trong hai bài thơ dịch trên, việc sử dụng các từ trái nghĩa có tác dụng gì ?

2. Tìm một số thành ngữ có sử dụng từ trái nghĩa và nêu tác dụng của việc dùng các từ trái nghĩa ấy.

Ghi nhớ

Từ trái nghĩa được sử dụng trong thể đối, tạo các hình tượng tương phản, gây ấn tượng mạnh, làm cho lời nói thêm sinh động.

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm những từ trái nghĩa trong các câu ca dao, tục ngữ sau đây :

– Chị em như chuối nhiều tàu,
Tấm lành che tấm rách, đừng nói nhau nhiều lời.

– Số cô chẳng giàu thì nghèo,
Ngày ba mươi Tết thịt treo trong nhà.

– Ba năm được một chuyến sai,
Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê.

– Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng,
Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

2. Tìm các từ trái nghĩa với những từ in đậm trong các cụm từ sau đây :

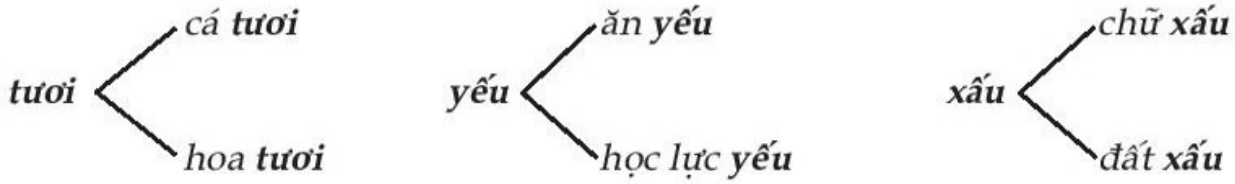

3. Điền các từ trái nghĩa thích hợp vào các thành ngữ sau :

– Chân cứng đá ...
– Có đi có ...
– Gần nhà ... ngõ
– Mắt nhắm mắt ...
– Chạy sấp chạy ...
– Vô thưởng vô ...
– Bên ... bên khinh
– Buổi ... buổi cái
– Bước thấp bước ...
– Chân ướt chân ...

4. Hãy viết một đoạn văn ngắn về tình cảm quê hương, có sử dụng từ trái nghĩa.

LUYỆN NÓI : VĂN BIỂU CẢM VỀ SỰ VẬT, CON NGƯỜI

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Mỗi em chọn một trong bốn đề sau, lập dàn bài tập nói ở nhà theo tinh thần một bài phát biểu trước lớp.

Đề 1 : Cảm nghĩ về thầy, cô giáo, những "người lái đò" đưa thế hệ trẻ "cập bến" tương lai.

Đề 2 : Cảm nghĩ về tình bạn.

Đề 3 : Cảm nghĩ về sách vở mình đọc và học hằng ngày.

Đề 4 : Cảm nghĩ về một món quà mà em đã được nhận thời thơ ấu.

Yêu cầu : Văn biểu cảm về sự vật và con người đòi hỏi phải chú ý tới sự vật và con người một cách đầy đủ. Phải có sự vật, có con người làm nền cho những tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ. Người làm phải chú ý yếu tố tự sự và miêu tả. Cần vận dụng yếu tố hồi tưởng, tưởng tượng, liên tưởng để biểu cảm.

Tập vận dụng những hình thức biểu cảm như : so sánh, lời trùng điệp, hình thức cảm thán.

II – THỰC HÀNH TRÊN LỚP

1. Học sinh chia tổ, nhóm, phát biểu theo dàn bài đã chuẩn bị.

2. Khi một học sinh phát biểu, các em khác lắng nghe để bổ sung, sửa chữa.

3. Nghe thầy, cô giáo nhận xét, tổng kết.

BÀI THAM KHẢO

QUÀ BÁNH TUỔI THƠ

Một mảng kỉ niệm lớn của đứa trẻ – đó là món ăn, đặc biệt là cái thứ mà người dân Bắc gọi là *quà bánh*. Hồi nhỏ chúng tôi không được cho tiền đến trường ăn quà, vì ba mẹ tôi cho rằng trẻ con sử dụng tiền sẽ hư ! Đó quả là một thiệt thòi, vì dù trong cặp hoặc sau mui xe luôn xếp sẵn những quả chuối, quýt, bánh mật,... thì những quả cấm vẫn là của quý. Đặc biệt là cái món thịt bò khô, anh chàng đi bán rao hàng bằng cách lắp xắp cái kéo, trên thùng gỗ bày đủ nước chấm, ớt, đu đủ xanh. Những sợi đu đủ màu ngọc thạch trắng, giòn, ớt đỏ và lá thơm xanh hợp thành một bức tranh tĩnh vật – kiệt tác đối với tuổi học trò...

Nhưng món ăn tôi nhớ nhất lại là quà mua ở chợ Ngã Ba Thá. Chợ họp trên một đồi nhỏ, những dãy người ngồi bán hàng vòng vèo theo hình xoáy trôn ốc lên đến đỉnh đồi. Củ khoai từ trắng nõn, bở tơi ăn với kẹo vừng kẹo bột. Lúc ấy kẹo vừng kẹo bột còn làm bằng đường mía, không trắng tinh như bây giờ, và còn giữ mùi thơm của mía. Kẹo dày mình, hình bằng quả cau nhỏ, vặn xẹo một chút. Màu của kẹo bột giống hệt màu của quả cau đã gọt vỏ, vậy nên có nơi gọi nó là kẹo cau... Kẹo nhai nghe rau ráu, rào rạo như tiếng rạm cua rán giòn, mà không cứng lốc cốc như thứ kẹo bây giờ. Ngày ấy kẹo cắn vỡ ra, ta thấy thớ bột lỗ chỗ những khoảng hổng, mà không chắc nịch lại... Vả chăng giờ đây, trẻ con đâu có ăn kẹo vừng kẹo bột nữa, mà chỉ thích nhai kẹo cao su !...

Gọi là món ăn, nhưng thực chất là món ăn tinh thần. Bởi người ta ăn ngon chủ yếu là do kỉ niệm. Những món ăn thuở nhỏ là những thứ ngon nhất còn lại cả đời người.

(Theo Đặng Anh Đào, *Tầm xuân)*

(*Gợi ý tham khảo* : Tìm hiểu trong bài này, tác giả đã kể những kỉ niệm gì, qua đó nêu ra những cảm nghĩ gì.)

BÀI 11

Kết quả cần đạt

- *Qua* ***Bài ca nhà tranh bị gió thu phá****, cảm nhận được tinh thần nhân đạo và lòng vị tha cao cả của nhà thơ Đỗ Phủ, bước đầu thấy được vị trí và ý nghĩa của những yếu tố miêu tả và tự sự trong thơ trữ tình.*
- *Củng cố và nâng cao kiến thức về* ***từ đồng âm*** *và kĩ năng sử dụng từ đồng âm đã học ở bậc Tiểu học.*
- *Đánh giá được chất lượng bài tập làm văn số 2 theo yêu cầu của bài văn biểu cảm.*
- *Hiểu vai trò và biết vận dụng* ***yếu tố tự sự, miêu tả*** *trong văn biểu cảm.*

VĂN BẢN

BÀI CA NHÀ TRANH BỊ GIÓ THU PHÁ

(Mao ốc vị thu phong sở phá ca)

Tháng tám, thu cao, gió thét già,
Cuộn mất ba lớp tranh nhà ta.
Tranh bay sang sông rải khắp bờ,
Mảnh cao treo tót ngọn rừng xa,
Mảnh thấp quay lộn vào mương sa.

Trẻ con thôn nam khinh ta già không sức,
Nỡ nhè trước mặt xô cướp giật,
Cắp tranh đi tuốt vào luỹ tre
Môi khô miệng cháy gào chẳng được,
Quay về, chống gậy lòng ấm ức !

Giây lát, gió lặng, mây tối mực,
Trời thu mịt mịt đêm đen đặc.
Mền vải lâu năm lạnh tựa sắt,
Con nằm xấu nết đạp lót nát
Đầu giường nhà dột chẳng chừa đâu
Dày hạt mưa, mưa, mưa chẳng dứt.
Từ trải cơn loạn ít ngủ nghê[1]
Đêm dài ướt át sao cho trót ?

Ước được nhà rộng muôn ngàn gian,
Che khắp thiên hạ kẻ sĩ nghèo đều hân hoan,
Gió mưa chẳng núng, vững vàng như thạch bàn !
Than ôi ! Bao giờ nhà ấy sừng sững dựng trước mắt,
Riêng lều ta nát, chịu chết rét cũng được !

(Đỗ Phủ(★), Khương Hữu Dụng *dịch*,
trong *Thơ Đỗ Phủ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1962)

Chú thích

(★) Đỗ Phủ (712 – 770) là nhà thơ nổi tiếng đời Đường của Trung Quốc, tự là Tử Mĩ, hiệu Thiếu Lăng, quê ở tỉnh Hà Nam. Có một thời gian ngắn ông làm quan nhưng gần như suốt đời sống trong cảnh đau khổ, bệnh tật. Năm 755, tướng An Lộc Sơn nổi dậy chống triều đình. Để tránh hiểm hoạ, vả lại cũng không được nhà vua tín nhiệm, năm 759, ông từ quan, đưa gia đình về vùng Tây Nam, một thời gian sống ở Thành Đô, thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên. Năm 760, được bạn bè và người thân giúp đỡ, Đỗ Phủ dựng được một nhà tranh bên cạnh khe Cán Hoa ở phía tây Thành Đô. Đỗ Phủ vừa ở nhà mới được mấy tháng thì căn nhà đã bị gió phá nát. *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá* là một tác phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ. Bút pháp hiện thực cũng như tinh thần nhân đạo cao cả của bài thơ đã ảnh hưởng khá sâu rộng đến thơ ca Trung Quốc đời sau.

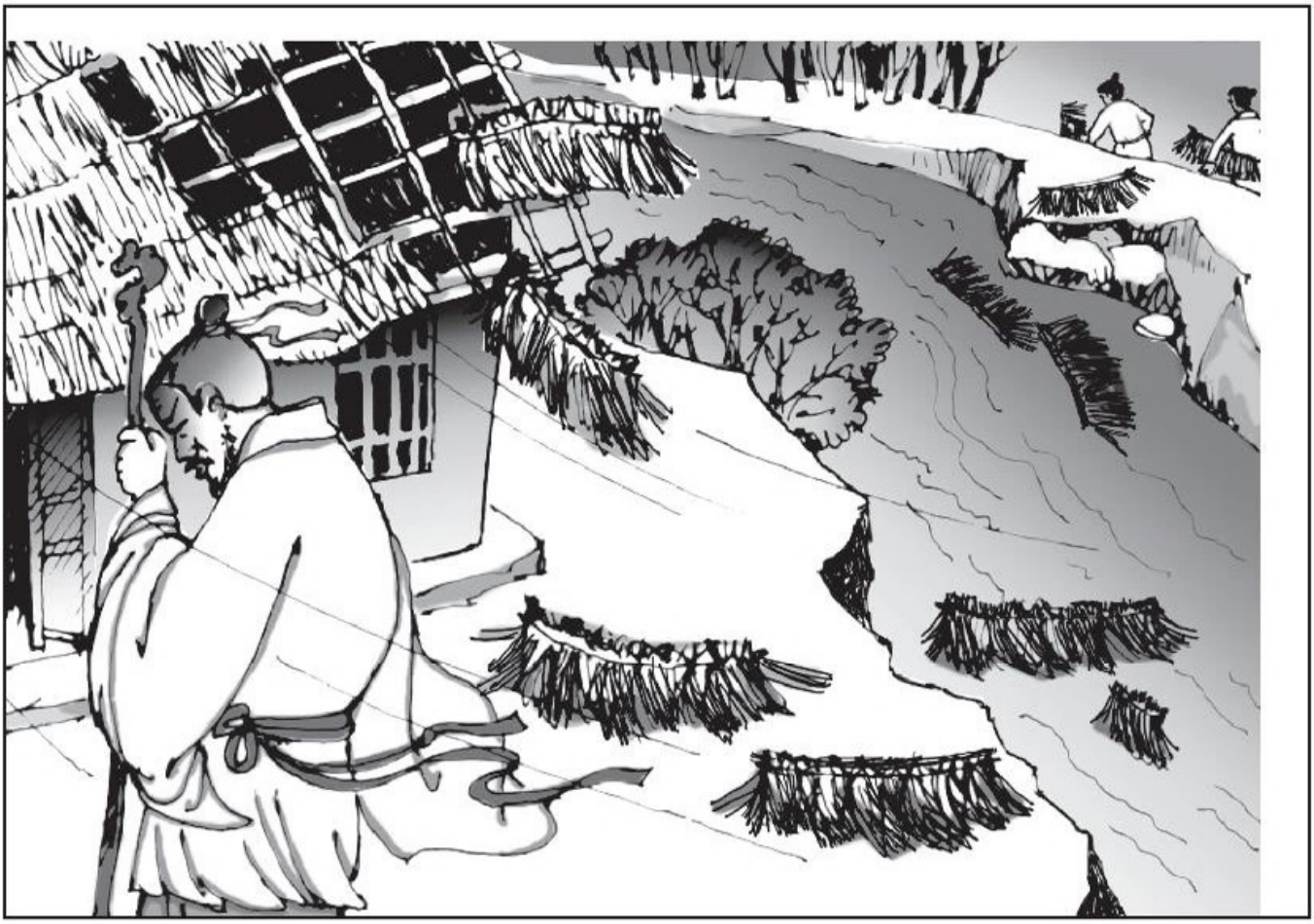

(1) Sự biến An Lộc Sơn – Sử Tư Minh xảy ra năm 755, đến năm 763 mới chấm dứt. Như vậy, lúc bài thơ được sáng tác, tình hình xã hội vẫn rối loạn. Đỗ Phủ mất ngủ không chỉ vì nghèo đói, bệnh tật mà còn vì lo lắng tới vận dân, vận nước.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Tìm hiểu và phân tích bố cục của bài thơ.

(*Gợi ý* :

– Bài thơ gồm mấy phần ? Hãy chỉ ra ranh giới giữa các phần. Sự việc, cảnh vật được kể và tả theo một trình tự chặt chẽ như thế nào ?

– Thống kê số câu mỗi phần và thử lí giải vì sao có phần dài, phần ngắn, nhiều phần có số câu lẻ và một số câu trong phần cuối có số chữ nhiều hơn phần lớn các câu khác trong bài – trừ câu 20 và 21, bản dịch đã giữ đúng số câu, số chữ của nguyên bản.)

2. Kẻ lại bảng sau vào vở và đánh dấu × vào ô mà em cho là hợp lí.

Phương thức biểu đạt / Phần	Miêu tả	Tự sự	Biểu cảm trực tiếp	Miêu tả kết hợp tự sự	Miêu tả kết hợp biểu cảm	Tự sự kết hợp biểu cảm	Kết hợp cả 3 phương thức
Phần ...							
Phần ...							

3. Những nỗi khổ nào của nhà thơ đã được đề cập trong bài thơ ? Tác giả đã miêu tả và thể hiện sinh động, khúc chiết những nỗi khổ đó như thế nào ?

4. Giá thử không có năm dòng thơ cuối thì ý nghĩa, giá trị biểu cảm của bài thơ sẽ giảm đi như thế nào ? Phân tích tình cảm cao quý của nhà thơ được biểu hiện qua phần cuối.

Ghi nhớ

Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt, Đỗ Phủ đã thể hiện một cách sinh động nỗi khổ của bản thân vì căn nhà tranh bị gió thu phá nát. Điều đáng quý hơn là, vượt lên trên bất hạnh cá nhân, nhà thơ đã bộc lộ khát vọng cao cả : ước sao có được ngôi nhà vững chắc ngàn vạn gian để che chở cho tất cả mọi người nghèo trong thiên hạ.

LUYỆN TẬP

1. Đọc diễn cảm hai phần cuối.

2. Dùng tối đa là hai câu để nêu lên ý chính của đoạn văn sau đây bàn về *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá* của Đỗ Phủ.

"... Trong bài thơ này, Đỗ Phủ đã miêu tả nỗi thống khổ của bản thân song khi đọc xong phần cuối của bài thơ, chúng ta hiểu ngay rằng nhà thơ không miêu tả nỗi thống khổ của bản thân một cách cô lập, đơn thuần mà thông qua sự miêu tả đó để biểu hiện nỗi thống khổ của tất cả "kẻ sĩ nghèo trong thiên hạ", để biểu hiện thảm hoạ của xã hội, của thời đại. Mới đọc câu "Quay về chống gậy lòng ấm ức!" ta chưa lí giải được sâu sắc nội dung của tiếng "than thở" của nhà thơ, song khi

đọc đến câu "Than ôi ! Bao giờ nhà ấy sừng sững dựng trước mắt. Riêng lều ta nát, chịu chết rét cũng được !", ta liền nhận ra rằng nhà thơ không chỉ vì sự bất hạnh của chính mình mà than thở, mà mất ngủ, mà gào to thét lớn ! Trong đêm thu bị mưa vùi gió dập một cách tàn nhẫn, điều quay cuồng trong đầu óc nhà thơ không chỉ là chuyện "riêng lều ta nát" mà còn là tình cảnh mọi ngôi nhà tranh của "kẻ sĩ nghèo trong thiên hạ" đều rách nát...

Hàng trăm, nghìn năm nay, tình cảm lo nước thương dân nồng cháy và lí tưởng cao cả – yêu cầu khẩn thiết thay đổi hiện thực đen tối – của Đỗ Phủ mãi mãi kích động tâm khảm độc giả và phát huy tác dụng tích cực."

(Hoắc Tùng Lâm, trong *Đường thi giám thưởng từ điển*,
Thượng Hải Từ thư xuất bản xã, Hưng Hà trích dịch)

TỪ ĐỒNG ÂM

I – THẾ NÀO LÀ TỪ ĐỒNG ÂM ?

1. Giải thích nghĩa của mỗi từ *lồng* trong các câu sau :

– *Con ngựa đang đứng bỗng* ***lồng*** *lên.*

– *Mua được con chim, bạn tôi nhốt ngay vào* ***lồng****.*

2. Nghĩa của các từ *lồng* trên có liên quan gì với nhau không ?

> ***Ghi nhớ***
>
> ***Từ đồng âm*** *là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau.*

II – SỬ DỤNG TỪ ĐỒNG ÂM

1. Nhờ đâu mà em phân biệt được nghĩa của các từ *lồng* trong hai câu trên ?

2. Câu *"Đem cá về kho !"* nếu tách khỏi ngữ cảnh có thể hiểu thành mấy nghĩa ? Em hãy thêm vào câu này một vài từ để câu trở thành đơn nghĩa.

3. Để tránh những hiểu lầm do hiện tượng đồng âm gây ra, cần phải chú ý điều gì khi giao tiếp ?

Ghi nhớ

Trong giao tiếp phải chú ý đầy đủ đến ngữ cảnh để tránh hiểu sai nghĩa của từ hoặc dùng từ với nghĩa nước đôi do hiện tượng đồng âm.

III – LUYỆN TẬP

1. Đọc lại đoạn dịch thơ bài *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá* từ "Tháng tám, thu cao, gió thét già" đến "Quay về, chống gậy lòng ấm ức", tìm từ đồng âm với mỗi từ sau đây : *thu, cao, ba, tranh, sang, nam, sức, nhè, tuốt, môi.*

Mẫu : *thu*$_1$: *mùa* ***thu***

thu$_2$: ***thu*** *tiền*

2. a) Tìm các nghĩa khác nhau của danh từ *cổ* và giải thích mối liên quan giữa các nghĩa đó.

b) Tìm từ đồng âm với danh từ *cổ* và cho biết nghĩa của từ đó.

3. Đặt câu với mỗi cặp từ đồng âm sau (ở mỗi câu phải có cả hai từ đồng âm) :

bàn (danh từ) – *bàn* (động từ)

sâu (danh từ) – *sâu* (tính từ)

năm (danh từ) – *năm* (số từ)

4. Anh chàng trong câu chuyện dưới đây đã sử dụng biện pháp gì để không trả lại cái vạc cho người hàng xóm ? Nếu em là viên quan xử kiện, em sẽ làm thế nào để phân rõ phải trái ?

Ngày xưa có anh chàng mượn của người hàng xóm một cái vạc đồng. Ít lâu sau, anh ta trả cho người hàng xóm hai con cò, nói là vạc đã bị mất nên đền hai con cò này. Người hàng xóm đi kiện. Quan gọi hai người đến xử. Người hàng xóm thưa : "Bẩm quan, con cho hắn mượn vạc, hắn không trả." Anh chàng nói : "Bẩm quan, con đã đền cho anh ta cò."

– Nhưng vạc của con là vạc thật.

– Dễ cò của tôi là cò giả đấy phỏng ? – Anh chàng trả lời.

– Bẩm quan, vạc của con là vạc đồng.

– Dễ cò của tôi là cò nhà đấy phỏng ?

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2

Chú ý các điểm sau :

1. Em có hiểu biết về loài cây em yêu chưa ? Tình cảm của em có chân thật không ?

2. Bài viết có các chi tiết thực sự gợi cảm không ?

3. Bố cục bài văn có đầy đủ, cân đối và hợp lí không ?

4. Em đã sử dụng được các biện pháp nghệ thuật nào (như kể chuyện, so sánh, liên tưởng) ?

5. Sửa lỗi về chính tả, về dùng từ, về ngữ pháp.

CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ, MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN BIỂU CẢM

I – TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN BIỂU CẢM

1. Hãy chỉ ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá* và nêu ý nghĩa của chúng đối với bài thơ. (*Chú ý* : mối liên hệ giữa cảnh gió phá mái nhà, cảnh trẻ con cướp tranh, cảnh nhà mưa ướt và ước mơ cao thượng của nhà thơ.)

2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

Những ngón chân của bố khum khum, lúc nào cũng như bám vào đất để khỏi trơn ngã. Người ta nói "đấy là bàn chân vất vả". Gan bàn chân bao giờ cũng xám xịt và lỗ rỗ, bao giờ cũng khuyết một miếng, không đầy đặn như gan bàn chân người khác. Mu bàn chân mốc trắng, bong da từng bãi, lại có nốt lấm tấm. Đêm nào bố cũng ngâm nước nóng hoà muối, gãi lấy gãi để rồi xỏ vào đôi guốc mộc. Khi ngủ bố rên, rên vì đau mình, nhưng cũng rên vì nhức chân. Rượu tê thấp không tài nào xoa bóp khỏi.

Bố đi chân đất. Bố đi ngang dọc đông tây đâu đâu con không hiểu. Con chỉ thấy ngày nào bố cũng ngâm chân xuống nước, xuống bùn để câu quăng. Bố tất bật đi từ khi sương còn đẫm ngọn cây ngọn cỏ. Khi bố về cũng là lúc cây cỏ đẫm sương đêm. Cái thúng câu bao lần chà đi xát lại bằng sắn thuyền. Cái ống câu

nhẵn mòn, cái cần câu bóng dấu tay cầm... Con chỉ biết cái hòm đồ nghề cắt tóc sực mùi dầu máy tra tông-đơ, cái ghế xếp bao lần thay vải, nó theo bố đi xa lắm.

Bố ơi ! Bố chữa làm sao được lành lặn đôi bàn chân ấy : đôi bàn chân dầm sương dãi nắng đã thành bệnh.

(Duy Khán, *Tuổi thơ im lặng*)

Câu hỏi :

a) Em hãy chỉ ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong đoạn văn và cảm nghĩ của tác giả. Nếu không có yếu tố tự sự và miêu tả thì yếu tố biểu cảm có thể bộc lộ được hay không ?

b) Đoạn văn trên miêu tả, tự sự trong niềm hồi tưởng. Hãy cho biết tình cảm đã chi phối tự sự và miêu tả như thế nào.

Ghi nhớ

- *Muốn phát biểu suy nghĩ, cảm xúc đối với đời sống xung quanh, hãy dùng phương thức tự sự và miêu tả để gợi ra đối tượng biểu cảm và gửi gắm cảm xúc.*
- *Tự sự và miêu tả ở đây nhằm khêu gợi cảm xúc, do cảm xúc chi phối chứ không nhằm mục đích kể chuyện, miêu tả đầy đủ sự việc, phong cảnh.*

II – LUYỆN TẬP

1. Kể lại nội dung bài *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá* của Đỗ Phủ bằng bài văn xuôi biểu cảm.

2. Trên cơ sở văn bản sau, viết lại thành một bài văn biểu cảm.

KẸO MẦM

Mỗi sáng mẹ tôi gỡ tóc bằng cái lược thưa gỗ vàng vàng, thế nào rồi cũng có ít tóc rối. Mẹ vo vo giắt nó lên đòn tay chỗ mái hiên nhà. Rồi chị tôi cũng làm thế, bắt chước mẹ cũng gỡ tóc, vo vo giắt mớ tóc rối lên chỗ ấy.

Thỉnh thoảng trên đường làng có bà cụ rao to : "Ai tóc rối đổi kẹo không ?". Một bên thúng là mảnh chai vỡ đồng nát, lông vịt, tóc rối,... còn bên kia chỉ có cái niêu đất, đúng hơn là một cái ang, cái liễn đựng một thứ kẹo mà bất cứ một đứa trẻ nào cũng phải mê.

Bà cụ lấy kẹo lên bằng chiếc đũa cả, quấn vào đầu que, thật khéo, kẹo cứ lồng không, trông rất nhiều, nhưng cho vào miệng nó xẹp lại chỉ còn tí tẹo. Bà cụ đưa kẹo cho chúng tôi, đổi lại nắm tóc rối của bà, của mẹ hay của chị.

Tóc rối bán bà cụ không mua, mua kẹo bà cụ không bán, chỉ đổi thôi. Thế là mỗi lần bà cụ qua ngõ, tôi lại kiễng chân, với tay lên chỗ mái hiên... Mẹ bảo đó là kẹo mầm làm bằng mầm cây mạ, mầm thóc, hoàn toàn không có đường mật gì cả. Nhưng sao nó ngọt thế, hơn cả kẹo bột, kẹo bi.

Mẹ tôi đã mất. Chị tôi đi lấy chồng xa...

Cứ mỗi lần có ai đi qua rao lên : "Ai đổi kẹo", tôi lại tưởng như thấy mẹ tôi ngồi đầu hè gỡ tóc bằng cái lược gỗ màu vàng vàng, đầu mẹ nghiêng nghiêng, sóng tóc đổ dài một bên vai, và rồi mẹ vuốt cái lược, vo vo nắm tóc, giắt nó lên mái hiên nhà...

Que kẹo mầm tuổi thơ... Mẹ ơi... Còn có bao giờ con được thấy mẹ ngồi gỡ tóc như thế nữa.

(*Theo* Băng Sơn)

BÀI 12

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên gắn liền với lòng yêu nước của Hồ Chí Minh biểu hiện trong hai bài thơ* ***Cảnh khuya*** *và* ***Rằm tháng giêng****.*
- *Nắm được thể thơ và những nét đặc sắc nghệ thuật của hai bài thơ.*
- *Nắm được khái niệm* ***thành ngữ****, ý nghĩa của thành ngữ.*
- *Viết tốt bài tập làm văn số 3 theo yêu cầu của bài văn biểu cảm.*
- *Biết phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học.*

VĂN BẢN

CẢNH KHUYA

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ[1] bóng lồng hoa[2].
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

1947

(Hồ Chí Minh[★])

RẰM THÁNG GIÊNG

(Nguyên tiêu)

Phiên âm

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
Xuân giang xuân thuỷ tiếp xuân thiên ;
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.

1948

(Hồ Chí Minh)

Dịch nghĩa

Đêm nay, đêm rằm tháng giêng, trăng đúng lúc tròn nhất,
Sông xuân, nước xuân tiếp giáp với trời xuân ;
Nơi sâu thẳm mịt mù khói sóng bàn việc quân,
Nửa đêm quay về trăng đầy thuyền.

(*Nguyên tiêu* : đêm rằm tháng giêng. *Kim* : nay, *dạ* : đêm, *nguyệt* : trăng, *chính* : vừa đúng, *viên* : tròn. *Xuân giang* : dòng sông mùa xuân, *xuân thuỷ* : nước mùa xuân, *tiếp* : liền với, *xuân thiên* : bầu trời mùa xuân. *Yên* : khói, *ba* : sóng, *thâm* : sâu, *xứ* : nơi, *đàm* : bàn bạc, *quân sự* : việc quân. *Dạ bán* : lúc nửa đêm, *quy lai* : trở về, *mãn* : đầy, *thuyền* : thuyền.)

Dịch thơ

Rằm xuân lồng lộng trăng soi,
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân ;
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

(Xuân Thuỷ *dịch*, trong *Thơ Hồ Chủ tịch*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1967)

Chú thích

(★) Hồ Chí Minh (1890 – 1969) : lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam ; Người đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh còn là một Danh nhân văn hoá thế giới, một nhà thơ lớn.

Hai bài thơ *Cảnh khuya* và *Rằm tháng giêng* (Nguyên tiêu) được Bác Hồ viết ở chiến khu Việt Bắc, trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

(1946 – 1954). Cuối năm 1947, quân Pháp ồ ạt tấn công lên Việt Bắc hòng tiêu diệt lực lượng chủ yếu và cơ quan đầu não lãnh đạo cuộc kháng chiến. Chiến dịch Việt Bắc của quân và dân ta đã làm thất bại ý đồ của địch và tiêu diệt nhiều lực lượng của chúng.

(1) *Cổ thụ* : cây to sống đã lâu năm.

(2) Câu thơ này tả cảnh ánh trăng lồng vào vòm cây cổ thụ, bóng cây lồng vào các bông hoa. Cũng có thể hình dung là ánh trăng chiếu rọi vào các vòm lá cổ thụ, in bóng xuống mặt đất như muôn nghìn bông hoa.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hai bài *Cảnh khuya* và *Nguyên tiêu* (phiên âm) được làm theo thể thơ nào ? Vận dụng những hiểu biết về thể thơ này qua những bài thơ Đường mà em đã học, hãy chỉ ra các đặc điểm về số tiếng (chữ) trong mỗi câu thơ, số câu của một bài, cách gieo vần, ngắt nhịp của hai bài thơ nói trên.

2. Phân tích hai câu thơ đầu của bài *Cảnh khuya*. (*Chú ý* : Âm thanh và cách so sánh trong câu thơ thứ nhất, vẻ đẹp của hình ảnh trong câu thơ thứ hai.)

3. Hai câu thơ cuối của bài *Cảnh khuya* đã biểu hiện những tâm trạng gì của tác giả ? Trong hai câu thơ ấy có từ nào được lặp lại và điều đó có tác dụng như thế nào đối với việc thể hiện tâm trạng của nhà thơ ?

4. Hãy nhận xét về hình ảnh không gian và cách miêu tả không gian trong bài *Rằm tháng giêng*. Câu thơ thứ hai có gì đặc biệt về từ ngữ và đã gợi ra vẻ đẹp của không gian đêm rằm tháng giêng như thế nào ?

5. Bài *Nguyên tiêu* (phiên âm) gợi cho em nhớ tới những tứ thơ, câu thơ và hình ảnh nào trong thơ cổ Trung Quốc có trong *Ngữ văn 7* , tập một ?

6. *Cảnh khuya* và *Rằm tháng giêng* được viết trong những năm đầu rất khó khăn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Hai bài thơ đó đã biểu hiện tâm hồn và phong thái của Bác Hồ như thế nào trong hoàn cảnh ấy ?

7.* Hai bài thơ đều miêu tả cảnh trăng ở chiến khu Việt Bắc. Em hãy nhận xét cảnh trăng trong mỗi bài có nét đẹp riêng như thế nào ?

Ghi nhớ

• ***Cảnh khuya*** *và* ***Rằm tháng giêng*** *là hai bài thơ tứ tuyệt của Hồ Chí Minh được sáng tác trong thời kì đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Hai bài thơ miêu tả cảnh trăng ở chiến khu Việt Bắc, thể hiện tình cảm với thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Bác Hồ.*

• *Hai bài thơ có nhiều hình ảnh thiên nhiên đẹp, có màu sắc cổ điển mà bình dị, tự nhiên.*

LUYỆN TẬP

1. Học thuộc hai bài thơ (bài *Rằm tháng giêng* chỉ cần thuộc bản dịch thơ).

2. Tìm đọc và chép lại một số bài thơ, câu thơ của Bác Hồ viết về trăng hoặc cảnh thiên nhiên.

THÀNH NGỮ

I – THẾ NÀO LÀ THÀNH NGỮ ?

1. Nhận xét về cấu tạo của cụm từ *lên thác xuống ghềnh* trong câu ca dao sau :

Nước non lận đận một mình,
Thân cò ***lên thác xuống ghềnh*** *bấy nay.*

a) Có thể thay một vài từ trong cụm từ này bằng những từ khác được không ? Có thể chêm xen một vài từ khác vào cụm từ được không ? Có thể thay đổi vị trí của các từ trong cụm từ được không ?

b) Từ nhận xét trên, em rút ra được kết luận gì về đặc điểm cấu tạo của cụm từ *lên thác xuống ghềnh* ?

2. a) Cụm từ *lên thác xuống ghềnh* có nghĩa là gì ? Tại sao lại nói *lên thác xuống ghềnh* ?

b) *Nhanh như chớp* có nghĩa là gì ? Tại sao lại nói *nhanh như chớp* ?

Ghi nhớ

• ***Thành ngữ*** *là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.*

• *Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh,...*

Chú ý : Tuy thành ngữ có cấu tạo cố định nhưng một số ít thành ngữ vẫn có thể có những biến đổi nhất định. Chẳng hạn, thành ngữ *đứng núi này trông núi nọ* có thể có những biến thể như *đứng núi này trông núi khác, đứng núi nọ trông núi kia,...*

II – SỬ DỤNG THÀNH NGỮ

1. Xác định vai trò ngữ pháp của thành ngữ trong các câu sau :

– *Thân em vừa trắng lại vừa tròn*
Bảy nổi ba chìm *với nước non.*

(Hồ Xuân Hương)

– Anh đã nghĩ thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang nhà anh, phòng khi ***tắt lửa tối đèn*** *có đứa nào đến bắt nạt thì em chạy sang...*

(Tô Hoài)

2. Em hãy phân tích cái hay của việc dùng các thành ngữ trong hai câu trên.

Ghi nhớ

• *Thành ngữ có thể làm chủ ngữ, vị ngữ trong câu hay làm phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ, ...*

• *Thành ngữ ngắn gọn, hàm súc, có tính hình tượng, tính biểu cảm cao.*

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm và giải thích nghĩa của các thành ngữ trong những câu sau đây :

a) *Đến ngày lễ Tiên Vương, các lang mang sơn hào hải vị, nem công chả phượng tới, chẳng thiếu thứ gì.*

(Bánh chưng, bánh giầy)

b) *Một hôm, có người hàng rượu tên là Lí Thông đi qua đó. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng : "Người này khoẻ như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu". Lí Thông lân la gợi chuyện, rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Sớm mồ côi cha mẹ, tứ cố vô thân, nay có người săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời.*

(Thạch Sanh)

c) *Chốc đà mười mấy năm trời,*
Còn ra khi đã da mồi tóc sương.

(Truyện Kiều)

2. Kể vắn tắt các truyền thuyết và ngụ ngôn tương ứng để thấy rõ lai lịch của các thành ngữ *con Rồng cháu Tiên, ếch ngồi đáy giếng, thầy bói xem voi.*

3. Điền thêm yếu tố để thành ngữ được trọn vẹn :

– *Lời ... tiếng nói*

– *Một nắng hai ...*

– *Ngày lành tháng ...*

– *No cơm ấm ...*

– *Bách ... bách thắng*

– *Sinh ... lập nghiệp*

4. Hãy sưu tầm thêm ít nhất mười thành ngữ chưa được giới thiệu trong sách giáo khoa và giải nghĩa các thành ngữ ấy.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3 – VĂN BIỂU CẢM (làm tại lớp)

Đề bài : *Cảm nghĩ về người thân* (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, bạn, thầy, cô giáo,...).

CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC

I – TÌM HIỂU CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Đọc bài văn

CẢM NGHĨ VỀ MỘT BÀI CA DAO

Đêm qua ra đứng bờ ao
Trông cá cá lặn trông sao sao mờ...

Cảnh minh hoạ trong bài học có bóng một người đội khăn, mặc áo dài, chắp tay sau lưng, quay mặt trông trời lấp lánh sao, bên cái cầu rửa ở bờ ao tối mờ mờ.

Có lúc tôi đã nghĩ đây là một người quen thật của tôi, có thể là họ hàng ruột thịt kiếm ăn ở một phương xa đang hướng về cố hương :

Buồn trông con nhện chăng tơ
Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai ?

Tôi chỉ lơ mơ nghe thầy giáo giảng các nghĩa, các ý và so sánh hình tượng. Tất cả tâm trí và mắt nhìn của tôi càng như dính vào mạng tơ rung rung trước gió với một con nhện lơ lửng giữa khoảng không đang giơ giơ càng, vừa ra vẻ nghển trông, vừa ra vẻ vờn đón, ngạc nhiên và thất vọng. Tiếng gió khuya vu vu. Và chính bóng người chỉ thấy đầu đội khăn, tay chắp sau lưng mà không thấy mặt kia, đang nấc lên mà gọi trời, gọi sao, gọi nhện.

Đêm đêm tưởng dải Ngân Hà
Chuôi sao Tinh Đẩu đã ba năm tròn...

Thì ra cái vùng sao như cát, như thuỷ tinh vãi kia ở trong tranh minh hoạ là dải Ngân Hà ? A ! Sông Ngân ! Sông Ngân ! Thế là con sông điển tích mà tôi được biết bấy lâu, hằng năm cứ đến tháng bảy thì có một đôi vợ chồng tên là Ngưu Lang và Chức Nữ được quá giang gặp nhau, và chỉ được gặp nhau có một ngày thôi ấy, lại chính là con sông có một người không có tên nhưng tôi thấy lại quen quen và thân thương, đang ngước mặt lên trông ngắm mà nhớ thương, mà mong đợi. Mong đợi và nhớ thương không tả rõ là ai, là đâu, là gì, mà sao vẫn thấy có một người, có một nơi, có một tình, có một cảnh, vừa man mác, vừa bâng khuâng, vừa da diết vô cùng.

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Tào Khê nước chảy vẫn còn trơ trơ.

Lại con sông Tào Khê này nữa ! Hơn bốn mươi năm sau đấy, tôi đã được tới đứng trên bờ phù sa của nó mà trông trời mây sông nước rồi cả sao khuya. Sông Tào Khê vắt qua huyện Quế Võ tỉnh Hà Bắc[(a)], thông ra sông Cầu, nhỏ hẹp thôi, nhưng cũng chảy xiết lòng người, khiến những ai kia đã phải nghẹn ngào :

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn

mà nói với sông :

– Ôi Tào Khê ! Nước Tào Khê làm đá mòn đấy ! Nhưng dòng nước Tào Khê không bao giờ cạn chính là lòng chung thuỷ của ta !

Vì nhớ mà buồn, một bài không phải học kĩ mà cũng thuộc lòng ngay, cả nhiều bạn tôi xưa cũng thấy như thế.

(Nguyên Hồng, *Một tuổi thơ văn*)

2. Trả lời câu hỏi

a) Bài văn viết về bài ca dao nào ? Hãy đọc liền mạch bài ca dao đó.

b) Tác giả phát biểu cảm nghĩ của mình về bài ca dao bằng cách tưởng tượng, liên tưởng, hồi tưởng, suy ngẫm về các hình ảnh, chi tiết của nó. Hãy chỉ ra các yếu tố đó trong bài văn.

Ghi nhớ

- *Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học (bài văn, bài thơ) là trình bày những cảm xúc, tưởng tượng, liên tưởng, suy ngẫm của mình về nội dung và hình thức của tác phẩm đó.*
- *Bài cảm nghĩ về tác phẩm văn học cũng phải có ba phần :*

– ***Mở bài** : Giới thiệu tác phẩm và hoàn cảnh tiếp xúc với tác phẩm.*

– ***Thân bài** : Những cảm xúc, suy nghĩ do tác phẩm gợi lên.*

– ***Kết bài** : Ấn tượng chung về tác phẩm.*

(a) Nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

II – LUYỆN TẬP

1. Phát biểu cảm nghĩ về một trong các bài thơ : *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê, Cảnh khuya, Rằm tháng giêng.*

2. Lập dàn ý cho bài phát biểu cảm tưởng về bài thơ *Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê.*

BÀI 13

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng, đằm thắm của những kỉ niệm về tuổi thơ và tình cảm bà cháu trong bài* ***Tiếng gà trưa****. Thấy được nghệ thuật biểu hiện tình cảm, cảm xúc qua những chi tiết tự nhiên, bình dị của bài thơ.*
- *Nắm được khái niệm* ***điệp ngữ****, tác dụng của điệp ngữ.*
- *Luyện nói : biết phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học.*
- *Hiểu được* ***luật thơ lục bát*** *và biết* ***làm thơ lục bát*** *đúng luật.*

VĂN BẢN

TIẾNG GÀ TRƯA

Trên đường hành quân xa
Dừng chân bên xóm nhỏ
Tiếng gà ai nhảy ổ :
"Cục... cục tác cục ta"
Nghe xao động nắng trưa
Nghe bàn chân đỡ mỏi
Nghe gọi về tuổi thơ

Tiếng gà trưa
Ổ rơm hồng những trứng
Này con gà mái mơ
Khắp mình hoa đốm trắng
Này con gà mái vàng
Lông óng như màu nắng

Tiếng gà trưa
Có tiếng bà vẫn mắng
– Gà đẻ mà mày nhìn
Rồi sau này lang mặt[1] !
Cháu về lấy gương soi
Lòng dại thơ lo lắng

Tiếng gà trưa
Tay bà khum soi trứng
Dành từng quả chắt chiu
Cho con gà mái ấp

Cứ hàng năm hàng năm
Khi gió mùa đông tới
Bà lo đàn gà toi
Mong trời đừng sương muối[2]
Để cuối năm bán gà
Cháu được quần áo mới

Ôi cái quần chéo go[3]
Ống rộng dài quét đất
Cái áo cánh trúc bâu[4]
Đi qua nghe sột soạt.

*

* *

Tiếng gà trưa
Mang bao nhiêu hạnh phúc
Đêm cháu về nằm mơ
Giấc ngủ hồng sắc trứng

Cháu chiến đấu hôm nay
Vì lòng yêu Tổ quốc
Vì xóm làng thân thuộc
Bà ơi, cũng vì bà
Vì tiếng gà cục tác
Ổ trứng hồng tuổi thơ.

(Xuân Quỳnh(★), trong *Sân ga chiều em đi*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1984)

Chú thích

(★) Xuân Quỳnh (1942 – 1988) quê ở làng La Khê, ven thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), là nhà thơ nữ xuất sắc trong nền thơ hiện đại Việt Nam. Thơ Xuân Quỳnh thường viết về những tình cảm gần gũi, bình dị trong đời sống gia đình và cuộc sống thường ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, tha thiết và đằm thắm. Năm 2017, Xuân Quỳnh được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Bài *Tiếng gà trưa* được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ, in lần đầu trong tập thơ *Hoa dọc chiến hào* (1968) của Xuân Quỳnh.

(1) *Lang mặt* : da mặt có những đám trắng loang lổ do bệnh lang ben (bệnh ngoài da, do một thứ nấm gây ra). Trong dân gian xưa lưu truyền quan niệm cho rằng nhìn gà đẻ sẽ bị lang mặt.

(2) *Sương muối* : sương đông thành những hạt băng trắng xoá phủ trên mặt đất và cây cỏ, trông như muối, chỉ xuất hiện khi thời tiết rất lạnh, có hại đối với cây cối và loài vật.

(3) *Chéo go* : vải dày, trên mặt vải có những đường dệt chéo song song với nhau theo bề ngang khổ vải.

(4) *Trúc bâu* : vải trắng dày dệt bằng sợi bông thông thường.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Cảm hứng của tác giả trong bài thơ được khơi gợi từ sự việc gì ? Mạch cảm xúc trong bài thơ diễn biến như thế nào ?

2. Những hình ảnh và kỉ niệm gì trong tuổi thơ đã được gợi lại từ tiếng gà trưa ? Qua đó bài thơ đã biểu hiện những tình cảm gì của tác giả ?

3. Em cảm nhận được gì về hình ảnh người bà và tình cảm bà cháu được thể hiện trong bài thơ ?

4. Bài thơ làm theo thể 5 tiếng, nhưng có những chỗ biến đổi khá linh hoạt. Em có nhận xét gì về cách gieo vần, về số câu (dòng) thơ trong mỗi khổ ?

Câu thơ "Tiếng gà trưa" được lặp lại nhiều lần trong bài ở những vị trí nào và có tác dụng ra sao ?

Ghi nhớ

- *Tiếng gà trưa đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm gia đình đã làm sâu sắc thêm tình quê hương đất nước.*
- *Bài thơ theo thể 5 tiếng có cách diễn đạt tình cảm tự nhiên và nhiều hình ảnh bình dị, chân thực.*

LUYỆN TẬP

1. Chọn học thuộc một đoạn của bài thơ khoảng 10 dòng.

2. Cảm nghĩ của em về tình bà cháu trong bài thơ này.

ĐIỆP NGỮ

I – ĐIỆP NGỮ VÀ TÁC DỤNG CỦA ĐIỆP NGỮ

1. Ở khổ thơ đầu và khổ thơ cuối của bài *Tiếng gà trưa* có những từ ngữ nào được lặp đi lặp lại ?

2. Lặp đi lặp lại từ ngữ như thế có tác dụng gì ?

> ***Ghi nhớ***
>
> *Khi nói hoặc viết, người ta có thể dùng biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại như vậy gọi là phép điệp ngữ ; từ ngữ được lặp lại gọi là điệp ngữ.*

II – CÁC DẠNG ĐIỆP NGỮ

So sánh điệp ngữ trong khổ thơ đầu của bài *Tiếng gà trưa* với điệp ngữ trong hai đoạn thơ dưới đây, tìm đặc điểm của mỗi dạng.

a) *Anh đã tìm em, **rất lâu, rất lâu***
Cô gái ở Thạch Kim Thạch Nhọn
***Khăn xanh, khăn xanh** phơi đầy lán sớm*
Sách giấy mở tung trắng cả rừng chiều
[...]
Chuyện kể từ nỗi nhớ sâu xa
***Thương em, thương em, thương em** biết mấy.*

(Phạm Tiến Duật)

b) *Cùng trông lại mà cùng chẳng **thấy***
Thấy** xanh xanh những mấy **ngàn dâu
***Ngàn dâu** xanh ngắt một màu*
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai ?

(Đoàn Thị Điểm (?))

> ***Ghi nhớ***
>
> *Điệp ngữ có nhiều dạng : điệp ngữ cách quãng, điệp ngữ nối tiếp, điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng).*

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm điệp ngữ trong những đoạn trích sau đây và cho biết tác giả muốn nhấn mạnh điều gì.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do ! Dân tộc đó phải được độc lập !

(Hồ Chí Minh)

Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời êm, biển lặng mới yên tấm lòng.

(Ca dao)

2. Tìm điệp ngữ trong đoạn văn sau và nói rõ đấy là những dạng điệp ngữ gì.

Vậy mà giờ đây, anh em tôi sắp phải xa nhau. Có thể sẽ xa nhau mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ thôi.

(Khánh Hoài)

3. a) Theo em, trong đoạn văn sau đây, việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ có tác dụng biểu cảm hay không ?

Phía sau nhà em có một mảnh vườn. Mảnh vườn ở phía sau nhà em, em trồng rất nhiều loài hoa. Em trồng hoa cúc. Em trồng hoa thược dược. Em trồng hoa đồng tiền. Em trồng hoa hồng. Em trồng cả hoa lay ơn nữa. Ngày Phụ nữ quốc tế, em hái hoa sau vườn nhà em tặng mẹ em. Em hái hoa tặng chị em...

b) Em hãy chữa lại đoạn văn trên cho tốt hơn.

4. Hãy viết một đoạn văn ngắn có sử dụng điệp ngữ. Trao đổi bài viết với các bạn khác. Nêu nhận xét về cách dùng điệp ngữ trong bài của bạn.

LUYỆN NÓI : PHÁT BIỂU CẢM NGHĨ VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Cho đề bài : *Phát biểu cảm nghĩ về một trong hai bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh :* ***Cảnh khuya, Rằm tháng giêng***.

1. Tìm hiểu đề và tìm ý

a) Đọc bài thơ, em hình dung, tưởng tượng khung cảnh thiên nhiên và tình cảm của tác giả Hồ Chí Minh như thế nào ?

b) Chi tiết nào làm cho em chú ý và hứng thú ? Vì sao ?

c) Qua bài thơ, em hiểu tác giả Hồ Chí Minh là một người như thế nào ?

2. Dàn bài

a) *Mở bài* : Giới thiệu bài thơ và cảm nghĩ chung của em.

b) *Thân bài* : Nêu cảm nghĩ của em :

– Cảm nhận, tưởng tượng về hình tượng thơ trong tác phẩm.

– Cảm nghĩ về từng chi tiết (theo thứ tự trước, sau).

– Cảm nghĩ về tác giả của bài thơ.

c) *Kết bài* : Tình cảm của em đối với bài thơ.

3. Gợi ý chuẩn bị đoạn văn nói

a) *Mở bài* :

Có thể tham khảo những cách mở bài sau :

– *Giới thiệu tác phẩm :*

+ *Cảnh khuya* (hay *Rằm tháng giêng*) là một bài thơ ...

+ *Cảnh khuya* được Bác Hồ sáng tác vào thời kì ...

– *Giới thiệu ấn tượng, cảm xúc của mình :*

+ Đọc bài *Cảnh khuya*, em thấy một bức tranh thiên nhiên hiện ra trong tâm trí ...

+ Bài *Cảnh khuya* thật thú vị...

b) *Thân bài* :

– Chuẩn bị đoạn văn nêu cảm nhận chung về hình ảnh trong bài (phong cảnh, tâm hồn).

– Chuẩn bị đoạn văn nêu cảm nghĩ theo từng câu thơ. Ở đây nên vận dụng các biện pháp liên tưởng, tưởng tượng, so sánh, ...

c) *Kết bài* :

Có thể kết bài theo những cách sau (hoặc nghĩ thêm cách khác) :

– Bài thơ cho ta thấy Bác Hồ là một nhà cách mạng, một nhà thơ...

– Qua bài thơ, ta thấy Bác Hồ là một con người lạc quan, yêu đời...

– Đọc bài thơ, ta thấy Bác Hồ là một nghệ sĩ biết yêu cái đẹp và sáng tạo cái đẹp cho đời...

II – THỰC HÀNH TRÊN LỚP

1. Học sinh phát biểu trong tổ, nhóm khoảng 20 phút.

2. Một số học sinh phát biểu trước lớp ; thầy, cô giáo nhận xét, đánh giá.

Yêu cầu : Phát biểu rõ ràng, mạch lạc, giọng nói có cảm xúc, tự nhiên.

LÀM THƠ LỤC BÁT

I – LUẬT THƠ LỤC BÁT

1. Đọc kĩ câu ca dao

Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.

2. Trả lời câu hỏi

a) Cặp câu thơ lục bát mỗi dòng có mấy tiếng ? Vì sao lại gọi là *lục bát* ?

b) Kẻ lại sơ đồ sau vào vở và điền các kí hiệu B, T, V ứng với mỗi tiếng của bài ca dao trên vào các ô.

Các tiếng có thanh huyền và thanh ngang (không dấu) gọi là tiếng *bằng*, kí hiệu là B.

Các tiếng có thanh sắc, hỏi, ngã, nặng là tiếng *trắc*, kí hiệu là T.

Vần kí hiệu là V.

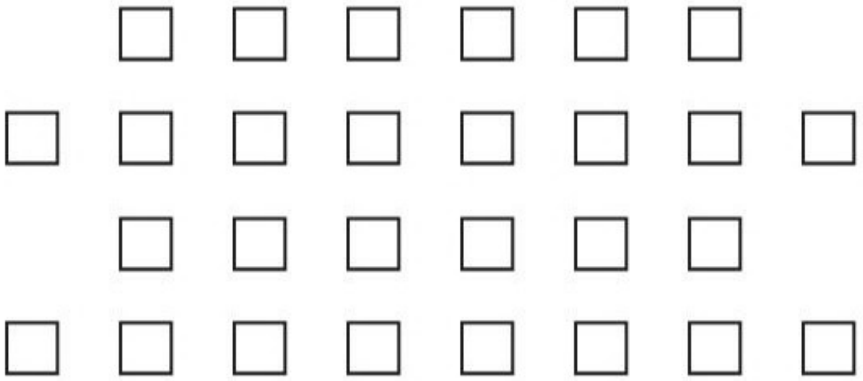

c) Hãy nhận xét tương quan thanh điệu giữa tiếng thứ sáu và tiếng thứ tám trong câu 8.

d) Nêu nhận xét về luật thơ lục bát (về số câu, số tiếng trong mỗi câu, số vần, vị trí vần, sự đổi thay các tiếng bằng, trắc, bổng, trầm và cách ngắt nhịp trong câu).

Ghi nhớ

- *Lục bát là thể thơ độc đáo của văn học Việt Nam.*
- *Luật thơ lục bát thể hiện tập trung ở khổ thơ lục bát gồm một câu sáu tiếng và một câu tám tiếng sắp xếp theo mô hình sau đây (B : bằng ; T : trắc ; V : vần ; chưa tính đến các dạng biến thể và ngoại lệ) :*

Tiếng / Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
6	–	B	–	T	–	BV		
8	–	B	–	T	–	BV	–	BV

Các tiếng ở vị trí 1, 3, 5, 7 không bắt buộc theo luật bằng trắc – trong bảng đánh dấu (–). Tiếng thứ hai thường là thanh bằng. Tiếng thứ tư thường là thanh trắc (nhưng có khi ngoại lệ tiếng thứ hai là thanh trắc thì tiếng thứ tư sẽ đổi thành thanh bằng). Trong câu 8, nếu tiếng thứ sáu là thanh ngang (bổng) thì tiếng thứ tám phải là thanh huyền (trầm). Ngược lại cũng vậy.

II – LUYỆN TẬP

1. Làm thơ lục bát theo mô hình ca dao. Điền nối tiếp cho thành bài và đúng luật. Cho biết vì sao em điền các từ đó (về ý và về vần).

– Em ơi đi học trường xa
Cố học cho giỏi ... mẹ mong.

– Anh ơi phấn đấu cho bền
Mỗi năm mỗi lớp ...

– Ngoài vườn ríu rít tiếng chim,
...

2. Cho biết các câu lục bát sau sai ở đâu và sửa lại cho đúng luật.

– Vườn em cây quý đủ loài
Có cam, có quýt, có bòng, có na.

– Thiếu nhi là tuổi học hành
Chúng em phấn đấu tiến lên hàng đầu.

3. Có thể tổ chức lớp thành hai đội, một đội xướng câu lục, đội kia làm câu bát. Đội nào không làm được là thua điểm. Đội thắng được quyền xướng câu lục. Thầy, cô giáo làm trọng tài.

4. Muốn làm thơ lục bát cho hay, vượt qua trình độ "vè", thì câu thơ phải có hình ảnh, có hồn.

BÀI THAM KHẢO

– Trúc xinh trúc mọc đầu đình
Em xinh em đứng một mình cũng xinh.

(Ca dao)

– Non cao, cao mấy từng mây,
Anh đi bên ấy bên này em trông
Bao giờ lúa chín đầy đồng
Anh về gặt hái gánh gồng đỡ em.

(Trần Tuấn Khải, *Phong dao*)

– Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai,
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.

(Tú Xương, *Sông Lấp*)

– Sương rơi trắng bạc đầu non
Bao nhiêu sông cái đổ dồn về khơi.
Ru con tròn giấc mẹ ngồi
Con lên mười tám, mẹ rời chiêm bao.

(Ngô Kha, *Chờ*)

– Ta về, mình có nhớ ta,
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi,
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng,
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách đổ vàng,
Nhớ cô em gái hái măng một mình.
Rừng thu trăng rọi hoà bình,
Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.

(Tố Hữu, *Việt Bắc*)

BÀI 14

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được phong vị đặc sắc, nét đẹp văn hoá trong một thứ quà độc đáo và giản dị của dân tộc : cốm.*
- *Bước đầu biết được thể văn* ***tuỳ bút****, thấy được sự tinh tế, nhẹ nhàng mà sâu sắc trong tuỳ bút của Thạch Lam.*
- *Nắm được khái niệm* ***chơi chữ*** *; bước đầu cảm thụ được cái hay cái đẹp của chơi chữ.*
- *Nắm được các yêu cầu trong việc* ***sử dụng từ****. Rèn luyện kĩ năng sử dụng từ đúng chuẩn mực.*
- *Ôn tập về văn biểu cảm.*

VĂN BẢN

MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON : CỐM

Cơn gió mùa hạ lướt qua vừng[1] sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã[2] và tinh khiết. Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không ? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.

Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta gặt mang về. Rồi đến một loạt cách chế biến, những cách thức làm truyền tự đời này sang đời khác, một sự bí mật trân trọng và khe khắt giữ gìn, cái cô gái Vòng[3] làm ra thứ cốm dẻo và thơm ấy. Tất nhiên là nhiều nơi cũng biết cách thức làm cốm, nhưng không có đâu làm được hạt cốm dẻo, thơm và ngon được bằng

ở làng Vòng, gần Hà Nội. Tiếng cốm Vòng đã lan khắp tất cả ba kì, và đến mùa cốm, các người của Hà Nội 36 phố phường vẫn thường ngóng trông cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn ghẽ, với cái dấu hiệu đặc biệt là cái đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng...

Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam(4). Ai đã nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà sêu tết(5). Không còn gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng(6), thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi... Và không bao giờ có hai màu lại hoà hợp hơn được nữa : màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch(7) quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu(8) già. Một thứ thanh đạm(9), một thứ ngọt sắc(10), hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền. (Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bảy hào nháng(11) và thô kệch bắt chước người ngoài : những kẻ mới giàu vô học có biết đâu mà thưởng thức được những vẻ cao quý kín đáo và nhũn nhặn(12) ?)

*

* *

Cốm không phải thức quà của người vội ; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ : trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc(13). Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một còn giữ lại cái ấm áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen. Khi các cô gái Vòng đỗ gánh, giở từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng *lá cốm*, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may một chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng ! Chớ có thọc tay hay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu(14) mà vuốt ve. Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố sức tiềm tàng(15) và nhẫn nại của thần Lúa(16). Sự thưởng thức của các bà sẽ được trang nhã(17) và đẹp đẽ hơn, và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm.

(Thạch Lam(★), trong *Hà Nội băm sáu phố phường*,
NXB Đời nay, Hà Nội, 1943)

Chú thích

(★) Thạch Lam (1910 – 1942) sinh tại Hà Nội, tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân, là nhà văn nổi tiếng, thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn trước Cách mạng tháng Tám 1945. Ông có sở trường về truyện ngắn, và là một cây bút tinh tế, nhạy cảm, đặc biệt trong việc khai thác thế giới cảm xúc, cảm giác của con người. Bài *Một thứ quà của lúa non : Cốm* rút từ tập *Hà Nội băm sáu phố phường* (1943), tập tuỳ bút viết về cảnh sắc và phong vị của Hà Nội, đặc biệt là những thứ quà, những món ăn thường ngày khá bình dị, không mấy cao sang nhưng lại đậm đà hương vị riêng, thể hiện sự tinh tế, khéo léo trong bản sắc văn hoá lâu đời của đất kinh kì. Bài này khi đưa vào sách giáo khoa có rút bớt một đoạn cuối.

Tuỳ bút là một thể văn. Tuy có chỗ gần với các thể bút kí, kí sự ở yếu tố miêu tả, ghi chép những hình ảnh, sự việc mà nhà văn quan sát, chứng kiến, nhưng tuỳ bút thiên về biểu cảm, chú trọng thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của đời sống. Ngôn ngữ tuỳ bút thường giàu hình ảnh và chất trữ tình.

(1) *Vừng* (cũng viết *vầng*) : từ chỉ đơn vị, dùng để gọi một cách trang trọng hay văn vẻ một vật thể có bề mặt được coi là rộng, hình tròn hoặc gần với hình tròn. Ví dụ : vầng dương, vầng trán.

(2) *Thanh nhã* : thanh tao và nhã nhặn, có tính chất lịch sự mà giản dị.

(3) *Vòng* : làng Vòng thuộc xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, nay thuộc quận Cầu Giấy. Làng Vòng từ lâu đã nổi tiếng về nghề làm cốm.

(4) *An Nam* : tên gọi cũ nước Việt Nam, dưới thời Bắc thuộc được dùng chính thức từ đời Đường và cũng còn dùng dưới thời thuộc Pháp.

(5) *Sêu tết* : nhà trai đưa lễ vật đến nhà gái trong dịp lễ, tết, khi chưa cưới.

(6) *Tơ hồng* : sợi chỉ đỏ biểu trưng cho tình duyên do trời định. Theo truyền thuyết Trung Quốc, ông Nguyệt Lão dùng sợi chỉ này buộc vào chân đôi nam nữ nào thì họ sẽ thành vợ chồng.

(7) *Ngọc thạch* : ngọc màu xanh nhạt, gần như trong suốt, dùng làm đồ trang trí, trang sức.

(8) *Ngọc lựu* : ngọc màu đỏ tươi, hơi trong, giống màu hạt quả lựu.

(9) *Thanh đạm* : ở đây chỉ món ăn, thức uống đơn giản, không cầu kì, không có những mùi vị nồng, đậm gây cảm giác mạnh. *Thanh đạm* còn chỉ cuộc sống giản dị, trong sạch.

(10) *Ngọt sắc* : vị ngọt đậm.

(11) *Hào nháng* (cũng viết *hào nhoáng*) : có vẻ đẹp phô trương bề ngoài.

(12) *Nhũn nhặn* : không phô trương, có vẻ khiêm tốn, nhún nhường.

(13) *Thảo mộc* : chỉ chung các loài thực vật (*thảo* : cỏ, *mộc* : cây thân gỗ).

(14) *Chút chiu* (từ ít dùng) : nâng niu, nhẹ nhàng.

(15) *Tiềm tàng* : giấu kín, chứa đựng ở bên trong không lộ ra (*tiềm* : chìm, ngầm, giấu, thầm ; *tàng* : giấu, ẩn kín, cất giữ).

(16) *Thần Lúa* : vị thần trông coi việc trồng lúa, theo truyền thuyết dân gian. Cũng có thể hiểu là việc tạo ra hạt lúa được xem như một điều kì diệu, bí ẩn của thần linh.

(17) *Trang nhã* : lịch sự và thanh nhã.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài tuỳ bút này nói về cái gì ? Để nói về đối tượng ấy, tác giả đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào (miêu tả, thuyết minh, biểu cảm, bình luận) ? Phương thức nào là chủ yếu ? Bài văn có mấy đoạn ? Nội dung chính của mỗi đoạn là gì ?

2. Đọc đoạn văn từ đầu đến "trong sạch của Trời" và cho biết :

– Tác giả đã mở đầu bài viết về *cốm* bằng những hình ảnh và chi tiết nào ?

– Những cảm giác, ấn tượng nào của tác giả đã tạo nên tính biểu cảm của đoạn văn ?

3. Tác giả đã nhận xét như thế nào về tục lệ dùng hồng, cốm làm đồ sêu tết của nhân dân ta ? Sự hoà hợp, tương xứng của hai thứ ấy đã được phân tích trên những phương diện nào ?

4. "Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam". Em cảm nhận như thế nào về nhận xét ấy của tác giả ?

5. Đoạn sau của bài văn (từ "Cốm không phải thức quà của người vội" đến hết) bàn về sự thưởng thức cốm. Sự tinh tế và thái độ trân trọng của tác giả đối với việc thưởng thức một món quà bình dị đã được thể hiện như thế nào ?

6.* Bài văn thể hiện nét đặc sắc của ngòi bút Thạch Lam là thiên về cảm giác tinh tế, nhẹ nhàng mà sâu sắc. Em hãy tìm và phân tích một số ví dụ cụ thể trong bài văn để chứng minh nhận xét đó.

Ghi nhớ

"Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ". Bằng ngòi bút tinh tế, nhạy cảm và tấm lòng trân trọng, tác giả đã phát hiện được nét đẹp văn hoá dân tộc trong thứ sản vật giản dị mà đặc sắc ấy.

LUYỆN TẬP

1. Chọn học thuộc một đoạn văn trong bài khoảng 5 – 6 dòng.

2. Sưu tầm và chép lại một số câu thơ, ca dao có nói đến *cốm*.

CHƠI CHỮ

I – THẾ NÀO LÀ CHƠI CHỮ ?

Đọc bài ca dao sau đây và trả lời câu hỏi.

Bà già đi chợ Cầu Đông,
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng ?
Thầy bói xem quẻ nói rằng :
Lợi thì có lợi nhưng răng không còn.

Câu hỏi :

1. Em có nhận xét gì về nghĩa của các từ *lợi* trong bài ca dao này ?

2. Việc sử dụng từ *lợi* ở câu cuối của bài ca dao là dựa vào hiện tượng gì của từ ngữ ?

3. Việc sử dụng từ *lợi* như trên có tác dụng gì ?

Ghi nhớ

Chơi chữ *là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,... làm câu văn hấp dẫn và thú vị.*

II – CÁC LỐI CHƠI CHỮ

Ngoài lối chơi chữ như đã dẫn ở mục I, còn những lối chơi chữ khác. Em hãy chỉ rõ lối chơi chữ trong các câu dưới đây :

(1) *Sánh với Na-va "ranh tướng" Pháp*
Tiếng tăm nồng nặc ở Đông Dương.

(Tú Mỡ)

(2) *Mênh mông muôn mẫu một màu mưa*
Mỏi mắt miên man mãi mịt mờ.

(Tú Mỡ)

(3) *Con cá đối bỏ trong cối đá,*
Con mèo cái nằm trên mái kèo,
Trách cha mẹ em nghèo, anh nỡ phụ duyên em.

(Ca dao)

(4) *Ngọt thơm sau lớp vỏ gai,*
Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng.
Mời cô mời bác ăn cùng,
Sầu riêng mà hoá vui chung trăm nhà.

(Phạm Hổ)

Ghi nhớ

• *Các lối chơi chữ thường gặp là :*

– Dùng từ ngữ đồng âm ;

– Dùng lối nói trại âm (gần âm) ;

– Dùng cách điệp âm ;

– Dùng lối nói lái ;

– Dùng từ ngữ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa.

• *Chơi chữ được sử dụng trong cuộc sống thường ngày, trong văn thơ, đặc biệt là trong thơ văn trào phúng, trong câu đối, câu đố,...*

III – LUYỆN TẬP

1. Đọc bài thơ dưới đây và cho biết tác giả đã dùng những từ ngữ nào để chơi chữ.

Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà,
Rắn đầu biếng học chẳng ai tha.
Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ,
Nay thét mai gầm rát cổ cha.
Ráo mép chỉ quen tuồng nói dối,
Lằn lưng cam chịu dấu roi tra.
Từ nay Trâu Lỗ (a) *chăm nghề học,*
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia.

(Lê Quý Đôn)

2. Mỗi câu sau đây có những tiếng nào chỉ các sự vật gần gũi nhau ? Cách nói này có phải là chơi chữ không ?

– Trời mưa đất thịt trơn như mỡ, dò đến hàng nem chả muốn ăn.

– Bà đồ Nứa, đi võng đòn tre, đến khóm trúc, thở dài hi hóp.

(a) *Trâu, Lỗ* là tên nước, quê hương của Mạnh Tử và Khổng Tử.

3. Sưu tầm một số cách chơi chữ trong sách báo (Báo *Hoa học trò, Thiếu niên Tiền phong, Văn nghệ,...*).

4.* Năm 1946, bà Hằng Phương biếu Bác Hồ một gói cam, Bác Hồ đã làm một bài thơ tỏ lòng cảm ơn như sau :

Cảm ơn bà biếu gói cam,
Nhận thì không đúng, từ làm sao đây ?
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai ?

Trong bài thơ này, Bác Hồ đã dùng lối chơi chữ như thế nào ?

ĐỌC THÊM

Một hôm Trạng Quỳnh dâng lên chúa Trịnh một lọ thức ăn, bên ngoài có ghi hai chữ đại phong. Chúa không hiểu là món gì, hỏi Quỳnh, Quỳnh trả lời :

– Bẩm, đại phong là gió to, gió to thì đổ chùa, đổ chùa thì tượng lo, tượng lo là lọ tương.

(Theo Lê Trung Hoa – Hồ Lê, Thú chơi chữ)

CHUẨN MỰC SỬ DỤNG TỪ

I – SỬ DỤNG TỪ ĐÚNG ÂM, ĐÚNG CHÍNH TẢ

Các từ in đậm trong những câu sau dùng sai như thế nào ?

– Một số người sau một thời gian dùi đầu vào làm ăn, nay đã khấm khá.

– Em bé đã tập tẹ biết nói.

– Đó là những khoảng khắc sung sướng nhất trong đời em.

II – SỬ DỤNG TỪ ĐÚNG NGHĨA

Các từ in đậm trong những câu sau đây dùng sai như thế nào ? Hãy thay những từ ấy bằng các từ thích hợp.

– Đất nước ta ngày càng sáng sủa.

– Ông cha ta đã để lại cho chúng ta những câu tục ng*ữ* ***cao cả*** *để chúng ta vận dụng trong thực tế.*

– *Con người phải* ***biết*** *lương tâm.*

III – SỬ DỤNG TỪ ĐÚNG TÍNH CHẤT NGỮ PHÁP CỦA TỪ

Các từ in đậm trong những câu sau đây dùng sai như thế nào ? Hãy tìm cách chữa lại cho đúng.

– *Nước sơn làm cho đồ vật thêm* ***hào quang***.

– ***Ăn mặc*** *của chị thật là giản dị.*

– *Bọn giặc đã chết với nhiều* ***thảm hại*** *: máu chảy thành sông ở Ninh Kiều, thây chất đầy nội ở Tuy Động, Trần Hiệp phải bêu đầu, Lí Khánh phải bỏ mạng.*

– *Đất nước phải giàu mạnh thực sự chứ không phải là sự* ***giả tạo phồn vinh***.

IV – SỬ DỤNG TỪ ĐÚNG SẮC THÁI BIỂU CẢM, HỢP PHONG CÁCH

Các từ in đậm trong những câu sau đây sai như thế nào ? Hãy tìm những từ thích hợp để thay thế các từ đó.

– *Quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị* ***lãnh đạo*** *sang xâm lược nước ta.*

– *Con hổ dùng những cái vuốt nhọn hoắt cấu vào người, vào mặt Viên* [...]. *Nhưng Viên vẫn rán sức quần nhau với* ***chú hổ.***

(*Dẫn theo* Nguyễn Đức Dân)

V – KHÔNG LẠM DỤNG TỪ ĐỊA PHƯƠNG, TỪ HÁN VIỆT

Trong trường hợp nào thì không nên dùng từ địa phương ? Tại sao không nên lạm dụng từ Hán Việt ?

Ghi nhớ

Khi sử dụng từ phải chú ý :

– Sử dụng từ đúng âm, đúng chính tả ;

– Sử dụng từ đúng nghĩa ;

– Sử dụng từ đúng tính chất ngữ pháp của từ ;

– Sử dụng từ đúng sắc thái biểu cảm, hợp với tình huống giao tiếp ;

– Không lạm dụng từ địa phương, từ Hán Việt.

ÔN TẬP VĂN BẢN BIỂU CẢM

1. Đọc lại đoạn văn về hoa hải đường (Bài 5), về An Giang (Bài 6), bài *Hoa học trò* (Bài 6), bài *Cây sấu Hà Nội* (Bài 7), các đoạn văn biểu cảm (Bài 9), bài *Cảm nghĩ về một bài ca dao* (Bài 12) và các văn bản trữ tình khác, hãy cho biết văn miêu tả và văn biểu cảm khác nhau như thế nào.

2. Đọc lại bài *Kẹo mầm* (Bài 11), hãy cho biết văn biểu cảm khác văn tự sự ở điểm nào.

3. Tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm đóng vai trò gì ? Chúng thực hiện nhiệm vụ biểu cảm như thế nào ? Nêu ví dụ.

4. Cho một đề bài biểu cảm, chẳng hạn : *Cảm nghĩ mùa xuân*, em sẽ thực hiện bài làm qua những bước nào ? Tìm ý và sắp xếp ý như thế nào ?

5. Bài văn biểu cảm thường sử dụng những biện pháp tu từ nào ? Người ta nói ngôn ngữ văn biểu cảm gần với thơ, em có đồng ý không ? Vì sao ?

BÀI 15

Kết quả cần đạt

- *Thấy được nét đẹp riêng của Sài Gòn với thiên nhiên, khí hậu nhiệt đới và nhất là phong cách con người Sài Gòn. Nắm được nghệ thuật biểu hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả trong bài* ***Sài Gòn tôi yêu****. Cảm nhận được nét riêng của cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân ở Hà Nội và miền Bắc, tình quê hương thắm thiết, sâu đậm và ngòi bút tài hoa, tinh tế của tác giả trong bài tuỳ bút* ***Mùa xuân của tôi****.*
- *Đánh giá được bài tập làm văn số 3 theo yêu cầu của bài văn biểu cảm.*
- *Rèn luyện kĩ năng* ***sử dụng từ đúng chuẩn mực****.*

VĂN BẢN

SÀI GÒN TÔI YÊU

Sài Gòn vẫn trẻ. Tôi thì đương già. Ba trăm năm[1] so với năm ngàn năm tuổi của Đất nước thì cái đô thị này còn xuân chán. Sài Gòn cứ trẻ hoài như một cây tơ đương độ nõn nà, trên đà thay da, đổi thịt, miễn là cư dân ngày

nay và cả ngày mai biết cách tưới tiêu, chăm bón, trân trọng giữ gìn cái đô thị ngọc ngà này.

Tôi yêu Sài Gòn da diết... Tôi yêu trong nắng sớm, một thứ nắng ngọt ngào, vào buổi chiều lộng gió nhớ thương, dưới những cây mưa[2] nhiệt đới bất ngờ. Tôi yêu thời tiết trái chứng với trời đang ui ui[3] buồn bã, bỗng nhiên trong vắt lại như thuỷ tinh. Tôi yêu cả đêm khuya thưa thớt tiếng ồn. Tôi yêu phố phường náo động, dập dìu xe cộ vào những giờ cao điểm. Yêu cả cái tĩnh lặng của buổi sáng tinh sương với làn không khí mát dịu, thanh sạch trên một số đường còn nhiều cây xanh che chở. Nếu cho là cường điệu, xin thưa :

Yêu nhau yêu cả đường đi
Ghét nhau ghét cả tông chi [4] *họ hàng.*

Ở trên đất này, không có người Bắc, không có người Trung, người Nam, người Hoa, người Khơ-me... mà chỉ toàn là người Sài Gòn cả. Sống lâu, sống quen một thời gian dài ở Sài Gòn, rồi cứ ngỡ là mình đã sinh ra ở đây và vô hình trung đã thừa nhận nơi đây là quê quán của mình. Sài Gòn bao giờ cũng dang hai cánh tay mở rộng mà đón nhiều người từ trăm nẻo đất nước kéo đến. Nếu siêng năng, chịu khó thì bạn sẽ được đãi ngộ thân tình như hàng triệu người khác.

Cách ngày nay gần năm mươi năm, vào đây được gần gũi với người Sài Gòn, tôi đã thấy phong cách bản địa(5) mang nhiều nét đặc trưng. Họ ăn nói tự nhiên, nhiều lúc hề hà(6), dễ dãi. Phần đông ít dàn dựng, tính toán. Người Sài Gòn cũng như phần lớn người Lục tỉnh rất chơn thành(7), bộc trực.

Các cô gái thị thiềng(8) lúc đó thì tóc buông thõng trên vai, trên lưng. Có khi tết bím. Đội nón vải(9) trắng, vành rộng, như nón Hướng đạo(10). Áo bà ba trắng, đính một túi nhỏ xíu duy nhất bên thân mặt áo. Quần đen rộng. Mang giày bố trắng (giày vải, giày ba-ta) hay xăng đan da. Có người đi guốc vông trơn(11) trắng nõn, quai da, dạng chiếc xuồng hay hình hộp cá mòi(12). Dáng đi khoẻ khoắn, mạnh dạn. Cái đẹp thật đơn sơ, đôn hậu. Cũng yểu điệu, thướt tha, nhưng theo cung cách Bến Nghé(13). Cũng e thẹn, ngượng nghịu như vừng trăng mới ló, còn ngập ngừng giấu nửa vành sau áng mây. Nụ cười thiệt tình, tươi tắn và ít nhiều thơ ngây.

Bấy giờ, khi chào người lớn, các cô ấy (trước 1945) cúi đầu, chắp hai bàn tay lại và xá(14). Gặp trang lứa bạn bè thì hơi cúi đầu và cười. Cười ngậm miệng, cười chúm chím, cười mủm mỉm, cười he hé, chỉ để lộ vài cái răng hay lộ cả hàm, tuỳ theo mức độ thân quen. Đặc biệt là cặp mắt sáng rỡ, nhí nhảnh, đôi lúc lại ánh lên vài tia hóm hỉnh.

Tuy phong cách tiếp cận người quen hay khách lạ có vẻ hơi "cổ xưa" nhưng lại rõ ràng dân chủ. Không có tư thế khúm núm hay màu mè. Không một chút mặc cảm(15), tự ti(16).

Tuy nhiên, đến những hồi nghiêm trọng và sôi sục nhứt của đất nước, thì các cô gái ấy cũng như các chàng trai và các giới đồng bào của Sài Gòn bất khuất, không chút do dự, dấn thân vào khó khăn, nguy hiểm và có khi hi sinh cả tánh mạng, xuyên suốt ba chục năm từ 1945 đến 1975.

Miền Nam là *đất lành* thì Sài Gòn, đứng ở góc độ nào đó mà xem xét, cũng là một *đô thị hiền hoà*. Sài Gòn ngày nay cũng rất ít chim. Đến mùa, một ít nhạn, én

bay về trú đóng, dưới các mái nhà cao tầng, mái đình, mái chùa. Thỉnh thoảng mới thấy vài chị quạ, chị sáo, vài chị vành khuyên, sắc ô[17], áo già[18]... Nhiều nhứt là họ hàng se sẻ mà bây giờ cũng thấy thưa thớt dần. Trước kia, rất nhiều, cả cò, cả vạc sống lồng trong Sở thú[19] bay ra làm tổ trên mấy ngọn cây dầu, cây sao cao ngất với các chị cu gáy, chị quạ, chị sáo. Những kẻ vô trách nhiệm với môi trường sống và chẳng thèm đếm xỉa đến luật bảo vệ thiên nhiên, với những nòng súng hơi ác độc, đang tay bắn giết chim và dơi của thành phố.

Thành phố hiếm hoi dần chim chóc. Thì đã có người. Sài Gòn rộng mở và hào phóng là nơi rất thuận lợi cho người tứ xứ [20] đến đây sinh sống. Ngày nay đã leo lên hơn năm triệu.

Vậy đó mà tôi yêu Sài Gòn và yêu cả con người ở đây. Một mối tình dai dẳng, bền chặt. Thương mến bao nhiêu cũng không uổng công, hoài của. Tôi ước mong mọi người nhất là các bạn trẻ, đều yêu Sài Gòn như tôi.

Xóm Chợ Đũi, cuối tháng 12 – 1990

(*Theo* Minh Hương, trong *Nhớ Sài Gòn*,
NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994)

Chú thích

(1) *Ba trăm năm* : tính từ thời điểm thành lập phủ Gia Định dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, năm 1697. Thành Gia Định sau trở thành thành phố Sài Gòn, thủ phủ của xứ Nam Kì. Từ sau tháng 4 năm 1975, Sài Gòn mang tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn nhất của cả nước.

(2) *Cây mưa* : trận mưa lớn, nhanh và không kéo dài.

(3) *Ui ui* (từ địa phương) : thời tiết không nắng hoặc nắng dịu, nhưng oi oi khó chịu.

(4) *Tông chi* : các chi trong một họ, cũng chỉ chung họ hàng.

(5) *Bản địa* : bản thân địa phương được nói đến.

(6) *Hề hà* (từ địa phương) : dễ dãi và vui vẻ.

(7) *Chơn thành* : chân thành.

(8) *Thị thiềng* : thị thành.

(9) *Nón vải* : mũ may bằng vải.

(10) *Hướng đạo* : một tổ chức tập hợp thiếu niên, thanh niên học sinh dưới thời thuộc Pháp để vui chơi và rèn luyện. Các hướng đạo sinh khi tham dự các hoạt động của đoàn hướng đạo phải mặc đồng phục có mũ vải mềm rộng vành.

(11) *Guốc vông trơn* : guốc đẽo bằng loại gỗ vông xốp và nhẹ, để mộc không sơn.

(12) *Cá mòi* : cá biển, nhỏ, thân dẹp. Cá mòi thường được đóng hộp làm thực phẩm, hộp cá mòi hình bầu dục và dẹt.

(13) *Bến Nghé* : tên gọi cũ sông Sài Gòn. Cũng dùng để gọi thành Gia Định xưa, hay vùng Sài Gòn.

(14) *Xá* : vái (chắp tay giơ lên hạ xuống, đồng thời cúi đầu, để tỏ lòng cung kính).

(15) *Mặc cảm* : thầm nghĩ rằng mình không bằng người và cảm thấy buồn.

(16) *Tự ti* : tự đánh giá mình thấp kém, thiếu tự tin.

(17) *Sắc ô* : loài chim có lông màu đen.

(18) *Áo già* : loài chim có lông màu nâu đậm.

(19) *Sở thú* : vườn bách thú ở Sài Gòn, còn gọi là thảo cầm viên.

(20) *Tứ xứ* : bốn phương, mọi nơi.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Tác giả đã cảm nhận Sài Gòn về những phương diện nào ? Dựa vào mạch cảm xúc và suy nghĩ của tác giả, hãy tìm bố cục của bài văn.

2. Trong đoạn 1 (từ đầu đến "tông chi họ hàng") tác giả đã bày tỏ lòng yêu mến của mình với Sài Gòn qua những cảm nhận chung về thiên nhiên và cuộc sống ở nơi ấy. Em hãy nêu lên :

a) Nét riêng biệt của thiên nhiên, khí hậu Sài Gòn qua sự cảm nhận khá tinh tế của tác giả.

b) Tình cảm của tác giả với Sài Gòn đã được thể hiện như thế nào ? Biện pháp nghệ thuật nào đã được sử dụng để biểu hiện tình cảm của tác giả ?

3. Trong đoạn 2 (từ "Ở trên đất này" đến "leo lên hơn năm triệu") tác giả tập trung nói về nét nổi bật trong phong cách của người Sài Gòn. Nét đặc trưng của phong cách ấy là gì ? Thái độ, tình cảm của tác giả đối với con người Sài Gòn được biểu hiện như thế nào ?

4. Hãy nêu lên vị trí và ý nghĩa của đoạn cuối trong việc thể hiện tình cảm của tác giả đối với Sài Gòn.

5. Hãy nêu lên những đặc điểm trong nghệ thuật biểu cảm của bài văn.

Ghi nhớ

Sài Gòn là thành phố trẻ trung, năng động, có nét hấp dẫn riêng về thiên nhiên và khí hậu. Người Sài Gòn có phong cách cởi mở, bộc trực, chân tình và trọng đạo nghĩa. Bài văn đã thể hiện tình cảm sâu đậm của tác giả với Sài Gòn qua sự gắn bó lâu bền, am hiểu tường tận và cảm nhận tinh tế.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy tìm những bài viết về vẻ đẹp và những đặc sắc của quê hương em.

2. Viết một đoạn văn ngắn nói về tình cảm của mình với quê hương hay một vùng mà mình đã từng gắn bó.

VĂN BẢN

MÙA XUÂN CỦA TÔI

Tự nhiên như thế : ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non[1] đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió ; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con ; ai cấm được cô gái còn son[2] nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.

Tôi yêu sông xanh, núi tím ; tôi yêu đôi mày ai như trăng mới in ngần[3] và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.

Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt[4], mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu[5], gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh[6], có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình[7] của cô gái đẹp như thơ mộng...

Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất mang mang[8] như vậy, khoác một cái áo lông, ngậm một ống điếu[9] mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ[10] êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng như lòng mình say sưa một cái gì đó – có lẽ là sự sống !

Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu căng lên trong lộc[11] của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trồi ra thành những cái lá nhỏ ti ti giơ tay vẫy những cặp uyên ương[12] đứng cạnh.

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, đường sá không còn lầy lội nữa mà là cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.

Y như những con vật nằm thu hình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng "sống" lại và thèm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.

Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ tổ tiên làm cho lòng anh ấm lạ ấm lùng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng(13) mở hội liên hoan.

Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhuỵ vẫn còn phong (14), cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác.

Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm(15), mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu pha lê (16)mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột.

Ấy là lúc thịt mỡ dưa hành đã hết, người ta bắt đầu trở về bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mát như quạt vào lòng. Cánh màn điều(17) treo ở đầu bàn thờ ông vải(18) đã hạ xuống từ hôm "hoá vàng"(19) và các trò vui ngày Tết cũng tạm thời kết thúc để nhường chỗ cho cuộc sống êm đềm thường nhật.

(Vũ Bằng(★), *Thương nhớ mười hai*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1993)

Chú thích

(★) Vũ Bằng (1913 – 1984) sinh tại Hà Nội, là nhà văn và nhà báo đã sáng tác từ trước Cách mạng tháng Tám 1945, có sở trường về truyện ngắn, tuỳ bút, bút kí. Sau năm 1954, ông vào Sài Gòn vừa viết văn, làm báo, vừa hoạt động cách mạng. Năm 2007, Vũ Bằng được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Bài văn này trích từ thiên tuỳ bút *Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt* trong tập tuỳ bút – bút kí *Thương nhớ mười hai* của Vũ Bằng. Tên bài do người soạn sách đặt. Tác phẩm được viết trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, tác giả sống trong vùng kiểm soát của Mĩ – nguỵ, xa cách quê hương đất Bắc. Nhà văn đã gửi vào những trang sách nỗi niềm thương nhớ da diết về quê hương, gia đình và lòng mong mỏi đất nước hoà bình, thống nhất. Những tình cảm ấy được thể hiện qua nỗi nhớ mọi cảnh sắc thiên nhiên, phố xá và cuộc sống hằng ngày của Hà Nội. Những cảnh vật ấy mang vẻ đẹp riêng biệt và bản sắc văn hoá tinh tế, độc đáo của một vùng đất nước và cũng là của dân tộc.

(1) *Non* : ở đây là núi (với nghĩa khái quát và ít khi đứng độc lập, thường xuất hiện trong các từ ghép : *núi non, non sông, non nước,...*).

(2) *Còn son* : còn trẻ, chưa có con cái, tuy đã lập gia đình.

(3) *Đôi mày ai như trăng mới in ngần* : lấy ý từ câu thơ của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* nói về vẻ đẹp thanh tân của người con gái (đôi lông mày thanh và cong như vầng trăng non đầu tháng).

(4) *Bắc Việt* : vùng Bắc Bộ Việt Nam. Cũng dùng để chỉ miền Bắc nước ta theo cách gọi ở miền Nam, trong thời kì đất nước tạm bị chia cắt (1954 – 1975).

(5) *Riêu riêu* (thường viết là *riu riu*) : lửa cháy rất nhỏ và đều. Ở đây tác giả dùng để nói về mưa : mưa phùn, hạt mưa nhỏ, đều và kéo dài.

(6) *Đêm xanh* : đêm có trăng và bầu trời trong sáng, không có mây.

(7) *Huê tình* (từ cũ, nay ít dùng) : tình yêu trai gái.

(8) *Mang mang* : rộng lớn, bao phủ khắp nơi.

(9) *Ống điếu* : tẩu hút thuốc lá rời.

(10) *Giang hồ* : chỉ cách sống xê dịch, nay đây mai đó một cách tự do.

(11) *Lộc* : ở đây là sừng non mới nhú ra.

(12) *Uyên ương* : loài chim cùng họ với vịt sống ở vùng nước, con đực và con cái không bao giờ rời nhau. Từ đó, "uyên ương" được dùng để ví với đôi lứa vợ chồng gắn bó, đẹp đôi.

(13) *Ra ràng* (thường chỉ dùng để nói về chim) : đủ lông cánh, bắt đầu có thể bay ra khỏi tổ. Ở đây tác giả dùng để nói về bướm, bướm non mới ra khỏi kén.

(14) *Nhuỵ vẫn còn phong* : nhuỵ hoa vẫn còn chụm lại, chưa tách nở ra (*phong* : gói, bọc).

(15) *Nồm* : trạng thái thời tiết ấm và ẩm ướt ở miền Bắc nước ta, vào dịp cuối đông đầu xuân.

(16) *Pha lê* : loại thuỷ tinh đặc biệt, trong suốt và nặng hơn thuỷ tinh thường.

(17) *Điều* : màu đỏ tươi, *màn điều* : tấm màn bằng vải đỏ tươi che trước bàn thờ.

(18) *Ông vải* : tổ tiên.

(19) *Hoá vàng* : đốt vàng mã. Theo tục lệ, ngày hoá vàng là ngày kết thúc việc cúng lễ trong dịp Tết, đem tất cả đồ vàng mã đã thờ ấy đi đốt.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài văn viết về cảnh sắc và không khí mùa xuân ở đâu ? Hoàn cảnh và tâm trạng của tác giả khi viết bài này ?

2. Bài văn có thể chia làm mấy đoạn ? Nêu nội dung chính của mỗi đoạn và sự liên kết giữa các đoạn.

3. Đọc lại đoạn văn từ "Tôi yêu sông xanh, núi tím" đến "mở hội liên hoan" và cho biết :

a) Cảnh sắc mùa xuân Hà Nội và miền Bắc đã được gợi tả như thế nào, qua những chi tiết nào ?

b) Mùa xuân đã khơi dậy sức sống trong thiên nhiên và con người như thế nào ? Những tình cảm gì trỗi dậy mạnh mẽ trong lòng tác giả khi mùa xuân đến ?

c) Em có nhận xét gì về giọng điệu và ngôn ngữ của đoạn văn này ?

4. Đọc lại đoạn văn từ "Đẹp quá đi" đến hết và tìm hiểu :

a) Không khí và cảnh sắc thiên nhiên từ sau ngày rằm tháng giêng qua sự miêu tả của tác giả.

b) Qua việc tái hiện những cảnh sắc và không khí ấy, tác giả đã thể hiện sự tinh tế, nhạy cảm trước thiên nhiên như thế nào ?

5.* Nêu cảm nhận của em về cảnh sắc mùa xuân miền Bắc qua ngòi bút tài hoa, tinh tế của tác giả.

Ghi nhớ

Cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân ở Hà Nội và miền Bắc được cảm nhận, tái hiện trong nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê. Bài tuỳ bút đã biểu lộ chân thực và cụ thể tình quê hương, đất nước, lòng yêu cuộc sống và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, ngòi bút tài hoa của tác giả.

LUYỆN TẬP

1. Tập đọc diễn cảm bài văn.

2. Sưu tầm và chép lại một số đoạn văn, câu thơ hay về mùa xuân.

3. Viết một đoạn văn diễn tả cảm xúc của em về một mùa trong năm ở quê hương hay nơi mình đang sống.

ĐỌC THÊM

XUÂN VỀ

Đã thấy xuân về với gió đông
Với trên màu má gái chưa chồng
Bên hiên hàng xóm cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn giời đôi mắt trong
Từng đàn con trẻ chạy xun xoe
Mưa tạnh giời quang nắng mới hoe
Lá nõn nhành non ai tráng bạc
Gió về từng trận gió bay đi

Thong thả dân gian nghỉ việc đồng
Lúa thì con gái mượt như nhung
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng

Trên đường cát mịn một đôi cô
Yếm đỏ khăn thâm trẩy hội chùa
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc
Tay lần tràng hạt miệng nam mô.

1937

(Nguyễn Bính, trong *Tuyển tập Nguyễn Bính*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1986)

LUYỆN TẬP SỬ DỤNG TỪ

1. Đọc các bài tập làm văn của em từ đầu năm đến nay. Ghi lại những từ em đã dùng sai (về âm, về chính tả, về nghĩa, về tính chất ngữ pháp và về sắc thái biểu cảm) và nêu cách sửa.

Mẫu :

Từ dùng sai âm, sai chính tả,...	Cách sửa
tre trở	*che chở*

2. Đọc bài tập làm văn của một bạn cùng lớp ; nhận xét về các trường hợp dùng từ không đúng nghĩa, không đúng tính chất ngữ pháp, không đúng sắc thái biểu cảm và không hợp với tình huống giao tiếp trong bài làm của bạn.

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3

Cần chú ý mấy điểm sau :

1. Em đã chọn để kể và miêu tả các chi tiết nào của người thân ? Những chi tiết đó có giàu sức biểu cảm không ?

2. Tự sự và miêu tả trong bài làm giúp cho việc biểu cảm có hiệu quả hay lấn át cảm xúc ?

3. Các đoạn Mở bài, Kết bài có phù hợp với yêu cầu của bài văn biểu cảm không ?

4. Em đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật biểu cảm trong bài như thế nào ?

5. Sửa lỗi chính tả, từ vựng, ngữ pháp.

BÀI 16

Kết quả cần đạt

- *Bước đầu nắm được khái niệm tác phẩm trữ tình, thơ trữ tình và một số đặc điểm nghệ thuật chủ yếu của thơ trữ tình.*
- *Củng cố những kiến thức cơ bản và một số kĩ năng đơn giản đã được cung cấp và rèn luyện qua việc học các bài ca dao trữ tình, thơ Đường, thơ trữ tình trung đại và hiện đại của Việt Nam.*
- ***Ôn lại** có hệ thống, có trọng điểm các **kiến thức phần Tiếng Việt**.*
- *Nắm vững các nội dung cơ bản của cả ba phần trong sách giáo khoa và biết vận dụng những kiến thức và kĩ năng ngữ văn đã học một cách tổng hợp, toàn diện theo nội dung và hình thức kiểm tra đánh giá mới.*

ÔN TẬP TÁC PHẨM TRỮ TÌNH

1. Hãy nêu tên tác giả của những tác phẩm sau : *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, Phò giá về kinh, Tiếng gà trưa, Cảnh khuya, Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê, Bạn đến chơi nhà, Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra, Bài ca nhà tranh bị gió thu phá.*

2. Hãy sắp xếp lại để tên tác phẩm khớp với nội dung tư tưởng, tình cảm được biểu hiện :

Tác phẩm	Nội dung tư tưởng, tình cảm được biểu hiện
Bài ca nhà tranh bị gió thu phá (Mao ốc vị thu phong sở phá ca)	Nhân cách thanh cao và sự giao hoà tuyệt đối với thiên nhiên
Qua Đèo Ngang	Tình yêu thiên nhiên, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung lạc quan
Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê (Hồi hương ngẫu thư)	Tình cảm quê hương sâu lắng trong khoảnh khắc đêm vắng

Sông núi nước Nam (Nam quốc sơn hà)	Tinh thần nhân đạo và lòng vị tha cao cả
Tiếng gà trưa	Nỗi nhớ thương quá khứ đi đôi với nỗi buồn đơn lẻ thầm lặng giữa núi đèo hoang sơ
Bài ca Côn Sơn (Côn Sơn ca)	Ý thức độc lập tự chủ và quyết tâm tiêu diệt địch
Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh (Tĩnh dạ tứ)	Tình cảm quê hương chân thành pha chút xót xa lúc mới trở về quê
Cảnh khuya	Tình cảm gia đình, quê hương qua những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ

3. Hãy sắp xếp lại để tên tác phẩm (hoặc đoạn trích) khớp với thể thơ :

Tác phẩm	**Thể thơ**
Sau phút chia li (trích dịch *Chinh phụ ngâm khúc*)	Lục bát
Qua Đèo Ngang	Tuyệt cú Đường luật
Bài ca Côn Sơn (Côn Sơn ca) (trích dịch thơ)	Song thất lục bát
Tiếng gà trưa	Bát cú Đường luật
Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh (Tĩnh dạ tứ)	Các thể thơ khác ngoài các loại trên
Sông núi nước Nam (Nam quốc sơn hà)	

4. Hãy tìm những ý kiến mà em cho là không chính xác :

a) Đã là thơ thì nhất thiết chỉ được dùng phương thức biểu cảm.

b) Thơ trữ tình là một kiểu văn bản biểu cảm.

c) Ca dao trữ tình là một kiểu văn bản biểu cảm.

d) Tuỳ bút cũng là một kiểu văn bản biểu cảm.

e) Thơ trữ tình chỉ được dùng lối nói trực tiếp để biểu hiện tình cảm, cảm xúc.

g) Thơ trữ tình có thể biểu hiện gián tiếp tình cảm, cảm xúc qua kể chuyện, miêu tả và lập luận,...

h) Ngôn ngữ thơ trữ tình cần cô đọng, giàu hình ảnh và gợi cảm.

i) Thơ trữ tình phải có một cốt truyện hay và một hệ thống nhân vật đa dạng.

k) Thơ trữ tình phải có một hệ thống lập luận chặt chẽ.

5. Điền vào chỗ trống trong những câu sau :

a) Khác với tác phẩm của các *cá nhân*, ca dao trữ tình (trước đây) là những bài thơ, câu thơ có tính chất ... và ...

b) Thể thơ được ca dao trữ tình sử dụng nhiều nhất là...

c) Một số thủ pháp nghệ thuật thường gặp trong ca dao trữ tình : ...

Ghi nhớ

- *Tác phẩm trữ tình là văn bản biểu hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả trước cuộc sống. Thơ là thể loại văn học phù hợp để biểu hiện tình cảm, cảm xúc, tuy nhiên cũng có thơ tự sự, truyện thơ. Văn xuôi phù hợp với kể chuyện, tuy nhiên cũng có những loại văn xuôi trữ tình hoặc mang nặng tính chất trữ tình như tuỳ bút.*
- *Ca dao trữ tình là loại thơ biểu hiện những tình cảm, nguyện vọng tha thiết và chính đáng, vốn được lưu hành trong dân gian. Thơ của thi nhân biểu hiện tình cảm cá nhân song ở những bài thơ có giá trị, tình cảm của tác giả bao giờ cũng có tính chất đại diện cho những tình cảm tiến bộ, mang màu sắc nhân bản đậm nét : tình yêu quê hương đất nước, tình cảm gia đình, tình bạn, tình yêu,...*
- *Tình cảm, cảm xúc có khi được biểu hiện một cách trực tiếp song thường được biểu hiện một cách gián tiếp. Phân tích, bình giá và thưởng thức thơ trữ tình không được thoát li văn bản song không thể chỉ dừng ở bề mặt của ngôn từ văn bản. Phải thông qua ngôn từ giàu tính chất khơi gợi, những cảnh vật, sự việc được miêu tả, tường thuật, đôi khi qua cả những lập luận, ... mà suy ngẫm mới đồng cảm được với tác giả và lĩnh hội được đúng và đầy đủ ý vị của bài thơ.*

ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT

1. Vẽ lại các sơ đồ dưới đây vào vở. Tìm ví dụ điền vào các ô trống.

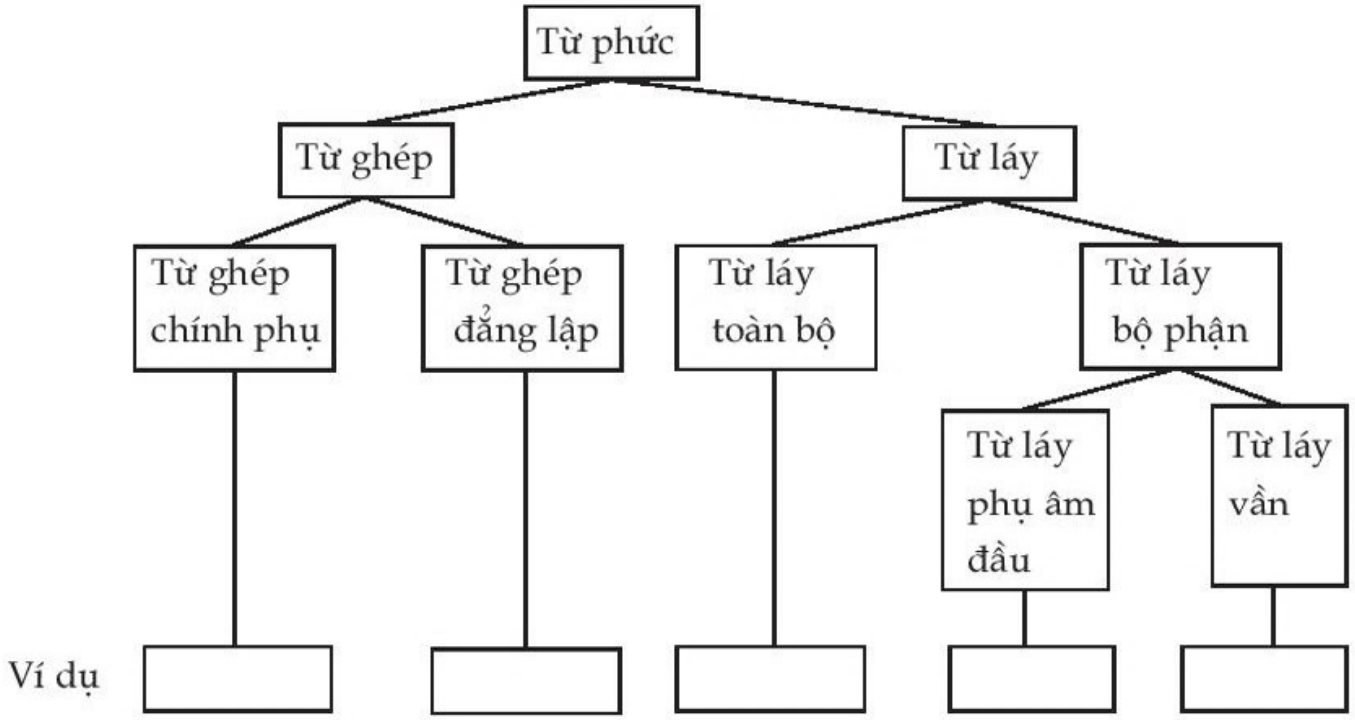

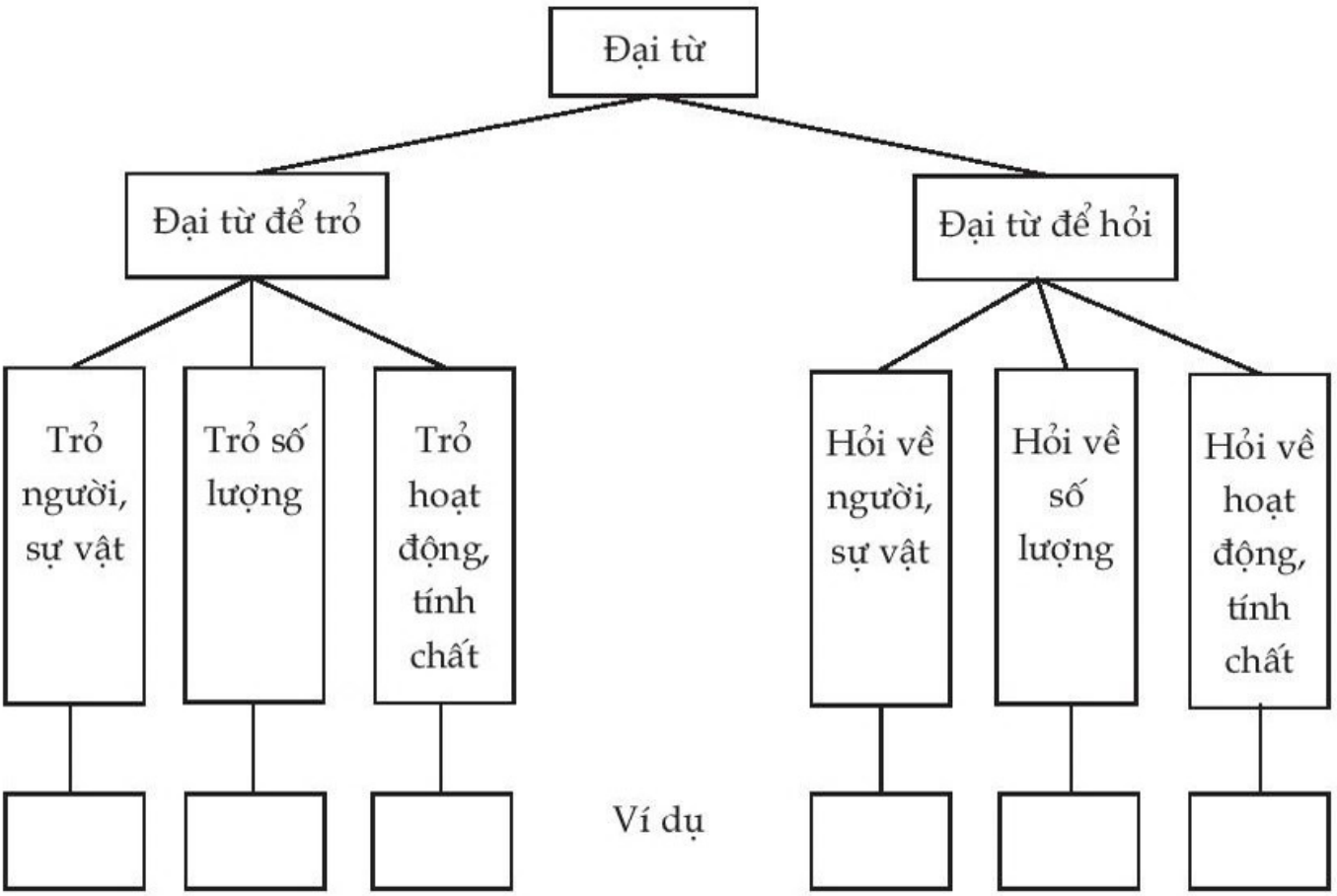

2. Lập bảng so sánh quan hệ từ với danh từ, động từ, tính từ về ý nghĩa và chức năng.

3. Giải nghĩa các yếu tố Hán Việt đã học :

bạch *(bạch cầu)*

bán *(bức tượng bán thân)*

cô *(cô độc)*

cư *(cư trú)*

cửu *(cửu chương)*

dạ *(dạ hương, dạ hội)*

đại *(đại lộ, đại thắng)*

điền *(điền chủ, công điền)*

hà *(sơn hà)*

hậu *(hậu vệ)*

hồi *(hồi hương, thu hồi)*

hữu *(hữu ích)*

lực *(nhân lực)*

mộc *(thảo mộc, mộc nhĩ)*

nguyệt *(nguyệt thực)*

nhật *(nhật kí)*

quốc *(quốc ca)*

tam *(tam giác)*

tâm *(yên tâm)*

thảo *(thảo nguyên)*

thiên *(thiên niên kỉ)*

thiết *(thiết giáp)*

thiếu *(thiếu niên, thiếu thời)*

thôn *(thôn xã, thôn nữ)*

thư *(thư viện)*

tiền *(tiền đạo)*

tiểu *(tiểu đội)*

tiếu *(tiếu lâm)*

vấn *(vấn đáp)*

KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI HỌC KÌ I

I – NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN CHÚ Ý

Bài kiểm tra cuối học kì I nhằm tập trung đánh giá một cách toàn diện những kiến thức và kĩ năng đã học trong *Ngữ văn 7*, tập một theo tinh thần tích hợp. Như thế học sinh cần chú ý ôn tập cả ba phần : Văn, Tiếng Việt và Tập làm văn để có thể vận dụng một cách tổng hợp trong một bài viết.

1. Về phần Văn

Trọng tâm chương trình Ngữ văn lớp 7 là đọc – hiểu *tác phẩm trữ tình* và *tác phẩm nghị luận* dưới các hình thức thể loại khác nhau. Chương trình học kì I tập trung đọc – hiểu các *tác phẩm trữ tình* bao gồm : thơ ca dân gian, thơ trữ tình trung đại, thơ Đường, thơ và tuỳ bút hiện đại. Khi ôn tập, học sinh cần chú ý một số nội dung cơ bản sau đây :

a) Nắm được đặc điểm thể loại của các tác phẩm trữ tình đã học, cụ thể là :

– Đặc điểm ca dao, dân ca Việt Nam.

– Đặc điểm thơ trữ tình trung đại Việt Nam.

– Đặc điểm thể tuỳ bút.

Để nắm được các nội dung trên, học sinh chú ý đọc kĩ phần chú thích (★) sau văn bản đầu tiên của mỗi thể loại, cụ thể là :

– Chú thích về ca dao, dân ca ở Bài 3.

– Chú thích về thơ trung đại ở Bài 5.

– Chú thích về tuỳ bút ở Bài 14.

...

b) Nắm được nội dung cụ thể và vẻ đẹp của các tác phẩm trữ tình đã học trong chương trình :

– Trước hết là nội dung của những bài ca dao theo bốn chủ đề chính :

+ Những câu ca dao về tình cảm gia đình ca ngợi công ơn sinh thành và nuôi dưỡng to lớn của cha mẹ.

+ Những câu ca dao về tình yêu quê hương, đất nước, con người, ca ngợi những danh lam thắng cảnh, những vẻ đẹp của giang sơn gấm vóc, của những di tích lịch sử gắn chặt với đời sống tinh thần dân tộc...

+ Những câu hát than thân bộc lộ những nỗi lòng tê tái, nỗi khốn khổ, đắng cay, tủi nhục,... của người dân lao động, đặc biệt là thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ.

+ Những câu hát châm biếm nhằm phê phán và chế giễu những thói hư tật xấu trong đời sống cộng đồng và gia đình bằng nghệ thuật trào lộng dân gian giản dị mà sâu sắc.

– Các bài thơ trữ tình trung đại Việt Nam có nội dung rất phong phú, nhưng vẫn tập trung vào hai chủ đề lớn là tinh thần yêu nước và tình cảm nhân đạo.

+ Tinh thần yêu nước chống xâm lăng, lòng tự hào dân tộc và tình yêu cuộc sống thanh bình được thể hiện rõ nét ở các bài thơ như *Sông núi nước Nam, Phò giá về kinh, Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra,...*

+ Tình cảm nhân đạo thể hiện ở tiếng nói phê phán chiến tranh phi nghĩa đã tạo nên các cuộc chia li đầy sầu hận *(Chinh phụ ngâm khúc)* ; ở tiếng lòng xót xa cho thân phận long đong "bảy nổi, ba chìm" mà vẫn trong trắng, sắt son của người phụ nữ *(Bánh trôi nước)* ; ở tâm trạng ngậm ngùi, da diết nhớ về một thuở vàng son đã mất của Bà Huyện Thanh Quan *(Qua Đèo Ngang),...*

– Các bài thơ trữ tình hiện đại như *Cảnh khuya, Rằm tháng giêng* (Hồ Chí Minh), *Tiếng gà trưa* (Xuân Quỳnh), bên cạnh các bài tuỳ bút giàu chất thơ như *Một thứ quà của lúa non : Cốm* (Thạch Lam), *Mùa xuân của tôi* (Vũ Bằng),... tuy mỗi bài mỗi vẻ nhưng đều có chung một điểm, đó là tình yêu quê hương, đất nước ; yêu cuộc sống bình thường, giản dị mà rất đỗi diệu kì.

– Ba tác giả thơ Đường được học trong *Ngữ văn 7*, tập một là Lí Bạch, Đỗ Phủ và Hạ Tri Chương. Những bài thơ của các tác giả này ca ngợi vẻ đẹp và tình yêu thiên nhiên *(Xa ngắm thác núi Lư)*, lòng yêu quê hương sâu đậm, da diết *(Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê)*, và tình cảm nhân ái, vị tha vì con người *(Bài ca nhà tranh bị gió thu phá)*.

c) Nắm được sự biểu hiện cụ thể của các đặc điểm thể loại ở các tác phẩm trữ tình đã học (cách thức trữ tình, vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca, vai trò và tác dụng của các biện pháp tu từ trong các tác phẩm trữ tình,...). Từ đó có thể phân biệt được ca dao và thơ lục bát, thơ Đường và thơ hiện đại, thơ Đường và thơ Đường luật, thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm qua một số tác phẩm đã học ; trả lời được tại sao tuỳ bút lại có thể coi là tác phẩm trữ tình...

d) Ngoài trọng tâm là các tác phẩm trữ tình đã nêu, cũng cần chú ý đọc – hiểu một vài văn bản nhật dụng ; nắm được nội dung và ý nghĩa của các văn bản này :

– Vai trò và tầm quan trọng của nhà trường qua văn bản *Cổng trường mở ra.*

– Tình cảm và tấm lòng người mẹ qua các văn bản *Cổng trường mở ra, Mẹ tôi.*

– Vấn đề quyền trẻ em qua văn bản *Cuộc chia tay của những con búp bê.*

2. Về phần Tiếng Việt

Phần Tiếng Việt ở *Ngữ văn 7,* tập một có mấy yêu cầu chính đối với học sinh như sau :

a) Nhận diện được :

– Từ ghép, từ láy, đại từ, từ Hán Việt, quan hệ từ, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm ;

– Thành ngữ ;

– Các biện pháp điệp ngữ, chơi chữ.

b) Biết vận dụng các kiến thức Tiếng Việt khi nói, viết và khi đọc – hiểu các văn bản chung ở phần Văn.

3. Về phần Tập làm văn

Trọng tâm của chương trình Tập làm văn trong *Ngữ văn 7,* tập một là *văn bản biểu cảm.* Học sinh cần chú ý để nắm được các nội dung chủ yếu sau đây :

a) Tìm hiểu chung về văn bản biểu cảm, cụ thể là :

– Thế nào là biểu cảm ? Nhu cầu và mục đích của biểu cảm.

– Đặc điểm của văn bản biểu cảm.

– Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản biểu cảm.

– Tình cảm trong văn bản biểu cảm.

b) Biết cách làm một bài văn biểu cảm :

– Các dạng lập ý cho bài văn biểu cảm.

– Cách làm văn bản biểu cảm.

– Viết bài biểu cảm về một sự vật, con người.

– Viết bài biểu cảm về một tác phẩm văn học.

II – VỀ CÁCH ÔN TẬP VÀ HƯỚNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Chương trình Ngữ văn được xây dựng theo tinh thần tích hợp, vì thế khi ôn tập, học sinh cần chú ý :

1. Các kiến thức về Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn đều dựa vào cùng một hệ thống văn bản chung để khai thác và hình thành. Khi học ôn cần liên hệ và gắn các kiến thức của mỗi phần với các văn bản chung có trong sách giáo khoa.

2. Do yêu cầu đổi mới đánh giá, bài kiểm tra áp dụng một phần hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận. Phần trắc nghiệm sẽ kiểm tra một cách tổng hợp trên một diện khá rộng các kiến thức đã học, vì thế không nên học tủ, học lệch mà phải học ôn toàn diện, đầy đủ.

3. Cấu trúc một bài kiểm tra thường gồm hai phần : phần trắc nghiệm chiếm 50% số điểm (khoảng 10 câu) nhằm kiểm tra các kiến thức về đọc – hiểu, về tiếng Việt ; phần tự luận chiếm 50% số điểm, nhằm kiểm tra kiến thức và kĩ năng tập làm văn qua việc thực hành viết một bài (đoạn) văn ngắn.

4. Học sinh có thể tham khảo đề kiểm tra sau đây :

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Thời gian làm bài : 90 phút (không kể thời gian chép hoặc giao đề)

Đề bài (gồm 2 phần)

Phần I : Trắc nghiệm (10 câu, mỗi câu đúng được 0,5 điểm, tổng số là 5 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn và các câu hỏi, sau đó trả lời bằng cách lựa chọn câu trả lời đúng nhất.

Mùa xuân của tôi

[...] *Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*

[...] *Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhuỵ vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác.* [...]

(*Ngữ văn 7*, tập một)

1. Đoạn văn *Mùa xuân của tôi* được viết theo ***phương thức biểu đạt chính*** nào ?

A – Miêu tả

B – Biểu cảm

C – Tự sự

D – Nghị luận

2. ***Tác giả*** đoạn văn *Mùa xuân của tôi* là ai ?

A – Vũ Bằng

B – Thạch Lam

C – Xuân Quỳnh

D – Nguyễn Tuân

3. Câu nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội ?

A – Mùa xuân của tôi [...] là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh [...].

B – Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến.

C – [...] Đào hơi phai nhưng nhuỵ vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng [...].

D – Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn [...].

4. Trong đoạn văn *Mùa xuân của tôi,* tác giả đã dùng mấy ***từ láy*** ?

A – Một

B – Hai

C – Ba

D – Bốn

5. Trong câu văn : "Đào hơi phai nhưng nhuỵ vẫn còn phong [...]", từ ***phong*** có nghĩa là gì ?

A – Đẹp đẽ

B – Cơn gió

C – Bọc kín

D – Oai phong

6. Trong các từ sau đây, từ nào đồng nghĩa với từ ***thương mến*** ?

A – *Kính trọng*

B – *Yêu quý*

C – *Gần gũi*

D – *Nhớ nhung*

7. Trong đoạn văn *Mùa xuân của tôi,* người viết sử dụng ***đại từ*** ngôi thứ mấy ?

A – Ngôi thứ ba

B – Ngôi thứ hai

C – Ngôi thứ nhất số ít

D – Ngôi thứ nhất số nhiều

8. Dòng nào dưới đây ***không phải là thành ngữ*** ?

A – Nhà rách vách nát

B – Nhai (Ăn) kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa

C – Lanh chanh như hành không muối

D – Ếch ngồi đáy giếng

9. Dòng nào dưới đây diễn đạt chính xác nội dung ***định nghĩa ca dao, dân ca*** ?

A – Đó là những tác phẩm văn học truyền miệng

B – Đó là những bài thơ được truyền tụng từ xưa đến nay

C – Đó là những bài thơ – bài hát trữ tình dân gian

D – Đó là những bản nhạc do nhân dân lao động sáng tạo nên

10. Nhận xét nào đúng với bài thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan ?

A – Đó là một bài thơ Đường

B – Đó là một bài thơ tứ tuyệt

C – Đó là một bài thơ nguyên văn bằng chữ Hán

D – Đó là một bài thơ làm theo thể Đường luật

Phần II : Tự luận (5 điểm)

Có thể chọn ***một*** trong các đề sau đây :

Đề 1 : Từ các bài thơ *Bài ca Côn Sơn, Cảnh khuya, Rằm tháng giêng, Xa ngắm thác núi Lư* trong *Ngữ văn 7*, tập một, hãy phát biểu những suy nghĩ và tình cảm của em về niềm vui sống giữa thiên nhiên.

Đề 2 : Từ các văn bản *Mẹ tôi, Những câu hát về tình cảm gia đình, Bạn đến chơi nhà* trong *Ngữ văn 7*, tập một, hãy phát biểu những suy nghĩ và tình cảm của em về hạnh phúc được sống giữa tình yêu của mọi người.

Đề 3 : Từ các văn bản *Cổng trường mở ra, Cuộc chia tay của những con búp bê* trong *Ngữ văn 7*, tập một, hãy tâm sự về niềm vui, nỗi buồn tuổi thơ hoặc tình cảm với một đồ chơi thuở nhỏ.

BÀI 17

Kết quả cần đạt

- *Củng cố những kiến thức cơ bản và một số kĩ năng đã được cung cấp và rèn luyện qua việc học các tác phẩm trữ tình nói chung.*
- *Ôn lại có hệ thống, có trọng điểm các kiến thức phần Tiếng Việt.*
- *Tiếp tục khắc phục những* ***lỗi chính tả*** *do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương tạo nên.*

ÔN TẬP TÁC PHẨM TRỮ TÌNH (tiếp theo)

LUYỆN TẬP

1. Nguyễn Trãi có những câu thơ như sau :

– *Suốt ngày ôm nỗi ưu tư* (a)
Đêm lạnh quàng chăn ngủ chẳng yên.

– *Bui* (b) *một tấc lòng ưu ái* (c) *cũ*
Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông(d).

Em hãy nói rõ nội dung trữ tình và hình thức thể hiện của những câu thơ đó.

2. So sánh tình huống thể hiện tình yêu quê hương và cách thể hiện tình cảm đó qua hai bài thơ *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* và *Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê.*

(a) *Ưu tư* : lo nghĩ (*ưu* : lo, buồn ; *tư* : lo nghĩ).

(b) *Bui* (từ cổ) : chỉ có, duy có.

(c) *Ưu ái* : lo lắng *(ưu)* và yêu thương *(ái)*. Ở đây có nghĩa là lo cho nước, thương yêu dân.

(d) *Nước triều đông* : nước thuỷ triều lên xuống ở biển Đông.

3.* So sánh bài *Đêm đỗ thuyền ở Phong Kiều* (phần Đọc thêm, Bài 9) với bài *Rằm tháng giêng* về hai vấn đề : cảnh vật được miêu tả và tình cảm được thể hiện.

4. Đọc kĩ lại ba bài tuỳ bút trong Bài 14, 15. Hãy lựa chọn những câu mà em cho là đúng :

a) Tuỳ bút có nhân vật và cốt truyện.

b) Tuỳ bút không có cốt truyện và có thể không có nhân vật.

c) Tuỳ bút sử dụng nhiều phương thức (tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, lập luận) nhưng biểu cảm là phương thức chủ yếu.

d) Tuỳ bút thuộc loại tự sự.

e) Tuỳ bút có những yếu tố gần với tự sự nhưng chủ yếu thuộc loại trữ tình.

ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT (tiếp theo)

1. Thế nào là từ đồng nghĩa ? Từ đồng nghĩa có mấy loại ? Tại sao lại có hiện tượng từ đồng nghĩa ?

2. Thế nào là từ trái nghĩa ?

3. Tìm một số từ đồng nghĩa và một số từ trái nghĩa với mỗi từ : *bé* (về mặt kích thước, khối lượng), *thắng, chăm chỉ.*

4. Thế nào là từ đồng âm ? Phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa.

5. Thế nào là thành ngữ ? Thành ngữ có thể giữ những chức vụ gì ở trong câu ?

6. Tìm thành ngữ thuần Việt đồng nghĩa với mỗi thành ngữ Hán Việt sau :

– *Bách chiến bách thắng*

– *Bán tín bán nghi*

– *Kim chi ngọc diệp*

– *Khẩu Phật tâm xà*

Mẫu :

Độc nhất vô nhị : có một không hai.

7. Hãy thay thế những từ ngữ in đậm trong các câu sau đây bằng những thành ngữ có ý nghĩa tương đương.

– *Bây giờ lão phải thẩn thơ giữa nơi* ***đồng ruộng mênh mông và vắng lặng*** *ngắm trăng suông, nhìn sương toả, nghe giun kêu dế khóc.*

– *Bác sĩ bảo bệnh tình của anh ấy nặng lắm. Nhưng* ***phải cố gắng đến cùng,*** *may có chút hi vọng.*

– *Thôi thì* ***làm cha làm mẹ phải chịu trách nhiệm về hành động sai trái của con cái,*** *tôi xin nhận lỗi với các bác vì đã không dạy bảo cháu đến nơi đến chốn.*

– *Ông ta* ***giàu có, nhiều tiền bạc, trong nhà không thiếu thứ gì*** *mà rất keo kiệt, chẳng giúp đỡ ai.*

(*Theo* Đỗ Hữu Châu (Chủ biên),
Giải bài tập Tiếng Việt 7, tập hai)

8. Thế nào là điệp ngữ ? Điệp ngữ có mấy dạng ?

9. Thế nào là chơi chữ ? Hãy tìm một số ví dụ về các lối chơi chữ.

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Tiếng Việt)

RÈN LUYỆN CHÍNH TẢ

I – NỘI DUNG LUYỆN TẬP

Tiếp tục làm các dạng bài tập khắc phục những lỗi chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương như ở lớp 6.

1. Đối với các tỉnh miền Bắc

Viết đúng tiếng có các phụ âm đầu dễ mắc lỗi, ví dụ : tr/ch ; s/x ; r/d/gi ; l/n.

2. Đối với các tỉnh miền Trung, miền Nam

a) Viết đúng tiếng có các phụ âm cuối dễ mắc lỗi, ví dụ : c/t ; n/ng.

b) Viết đúng tiếng có các dấu thanh dễ mắc lỗi, ví dụ : dấu hỏi/dấu ngã.

c) Viết đúng tiếng có các nguyên âm dễ mắc lỗi, ví dụ : i/iê ; o/ô.

d) Viết đúng tiếng có các phụ âm đầu dễ mắc lỗi, ví dụ : v/d.

II – MỘT SỐ HÌNH THỨC LUYỆN TẬP

1. Viết những đoạn, bài chứa các âm, dấu thanh dễ mắc lỗi

Các dạng bài viết :

a) Nghe – viết một đoạn (bài) thơ hoặc văn xuôi có độ dài khoảng 100 chữ.

b) Nhớ – viết một đoạn (bài) thơ hoặc văn xuôi có độ dài khoảng 100 chữ.

2. Làm các bài tập chính tả

a) Điền vào chỗ trống :

– Điền một chữ cái, một dấu thanh hoặc một vần vào chỗ trống, ví dụ :

+ Điền ***x*** hoặc ***s*** vào chỗ trống : *...ử lí, ...ử dụng, giả ...ử, xét ...ử.*

+ Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã trên những chữ được in đậm : ***tiêu*** *sử,* ***tiêu*** *trừ,* ***tiêu*** *thuyết, tuần* ***tiêu****.*

– Điền một tiếng hoặc một từ chứa âm, vần dễ mắc lỗi vào chỗ trống, ví dụ :

+ Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống : *(trung, chung) ... sức, ... thành, thuỷ ..., ... đại.*

+ Điền các tiếng *mãnh* hoặc *mảnh* vào chỗ thích hợp : *mỏng ..., dũng ..., ... liệt, ... trăng.*

b) Tìm từ theo yêu cầu :

– Tìm tên các sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất, ví dụ :

+ Tìm tên các loài cá bắt đầu bằng ***ch*** *(cá chép)* hoặc bắt đầu bằng ***tr*** *(cá trắm).*

+ Tìm các từ chỉ hoạt động, trạng thái chứa tiếng có thanh hỏi *(nghỉ ngơi)* hoặc thanh ngã *(suy nghĩ).*

– Tìm từ hoặc cụm từ dựa theo nghĩa và đặc điểm ngữ âm đã cho sẵn, ví dụ tìm những từ chứa tiếng bắt đầu bằng ***r, d*** hoặc ***gi***, có nghĩa như sau :

+ Không thật, vì được tạo ra một cách không tự nhiên.

+ Tàn ác, vô nhân đạo.

+ Dùng cử chỉ, ánh mắt làm dấu hiệu để báo cho người khác biết.

c) Đặt câu phân biệt các từ chứa những tiếng dễ lẫn, ví dụ :

+ Đặt câu với mỗi từ : *giành, dành.*

+ Đặt câu để phân biệt các từ : *tắt, tắc.*

3. Lập sổ tay chính tả

MỤC LỤC

Bài	Nội dung	Trang
1	*Lời nói đầu*	3
	• *Cổng trường mở ra*	5
	• *Mẹ tôi*	10
	• Từ ghép	13
	• Liên kết trong văn bản	17
2	• *Cuộc chia tay của những con búp bê*	21
	• Bố cục trong văn bản	28
	• Mạch lạc trong văn bản	31
3	• *Ca dao, dân ca* *Những câu hát về tình cảm gia đình*	35
	• *Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người*	37
	• Từ láy	41
	• Viết bài tập làm văn số 1 – Văn tự sự và miêu tả *(làm ở nhà)*	44
	• Quá trình tạo lập văn bản	45
4	• *Những câu hát than thân*	48
	• *Những câu hát châm biếm*	51
	• Đại từ	54
	• Luyện tập tạo lập văn bản	59
5	• *Sông núi nước Nam* (Nam quốc sơn hà)	62
	• *Phò giá về kinh* (Tụng giá hoàn kinh sư)	65
	• Từ Hán Việt	69
	• Trả bài tập làm văn số 1	71
	• Tìm hiểu chung về văn biểu cảm	71
6	• *Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra* (Thiên Trường văn vọng) (Tự học có hướng dẫn)	75
	• *Bài ca Côn Sơn* (Côn Sơn ca – trích)	78
	• Từ Hán Việt *(tiếp theo)*	81
	• Đặc điểm của văn bản biểu cảm	84
	• Đề văn biểu cảm và cách làm bài văn biểu cảm	87

7	• *Sau phút chia li* (trích *Chinh phụ ngâm khúc*) • *Bánh trôi nước* (tự học có hướng dẫn) • Quan hệ từ • Luyện tập cách làm văn bản biểu cảm	91 94 96 99
8	• *Qua Đèo Ngang* • *Bạn đến chơi nhà* • Chữa lỗi về quan hệ từ • Viết bài tập làm văn số 2 – Văn biểu cảm *(làm tại lớp)*	102 104 106 108
9	• *Xa ngắm thác núi Lư* (Vọng Lư sơn bộc bố) • Từ đồng nghĩa • Cách lập ý của bài văn biểu cảm	109 113 117
10	• *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* (Tĩnh dạ tứ) • *Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê* (Hồi hương ngẫu thư) • Từ trái nghĩa • Luyện nói : Văn biểu cảm về sự vật, con người	123 125 128 129
11	• *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá* (Mao ốc vị thu phong sở phá ca) • Từ đồng âm • Trả bài tập làm văn số 2 • Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản biểu cảm	131 135 137 137
12	• *Cảnh khuya* • *Rằm tháng giêng* (Nguyên tiêu) • Thành ngữ • Viết bài tập làm văn số 3 – Văn biểu cảm *(làm tại lớp)* • Cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học	140 140 143 145 146
13	• *Tiếng gà trưa* • Điệp ngữ • Luyện nói : Phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học • Làm thơ lục bát	148 152 154 155

14	• *Một thứ quà của lúa non : Cốm* • Chơi chữ • Chuẩn mực sử dụng từ • Ôn tập văn bản biểu cảm	159 163 166 168
15	• *Sài Gòn tôi yêu* • *Mùa xuân của tôi* • Luyện tập sử dụng từ • Trả bài tập làm văn số 3	168 173 179 179
16	• Ôn tập tác phẩm trữ tình • Ôn tập phần Tiếng Việt • Kiểm tra tổng hợp cuối học kì I	180 183 184
17	• Ôn tập tác phẩm trữ tình *(tiếp theo)* • Ôn tập phần Tiếng Việt *(tiếp theo)* • Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt)	192 193 194

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch Hội đồng Thành viên **NGUYỄN ĐỨC THÁI**
Tổng Giám đốc **HOÀNG LÊ BÁCH**
Chịu trách nhiệm nội dung : Tổng biên tập **PHAN XUÂN THÀNH**

Biên tập lần đầu : **ĐỖ KIM ANH – PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN HIỀN TRANG**
Biên tập tái bản : **NGUYỄN THỊ SÁNG**
Biên tập kĩ thuật và trình bày : **KIỀU NGUYỆT VIÊN – QUÁCH HỒNG NHUNG**
Trình bày bìa : **TRẦN TIỂU LÂM**
Sửa bản in : **NGUYỄN THỊ HOA DUNG**
Chế bản : **CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

NGỮ VĂN 7 – TẬP MỘT
Mã số : 2H708T0

In ..... cuốn (QĐ in số :...), khổ 17x24cm
Đơn vị in.....địa chỉ.....
Cơ sở in.....địa chỉ.....
Số ĐKXB : 01-2020/CXBIPH/294-869/GD
Số QĐXB : ..... ngày.....tháng....năm.....
In xong và nộp lưu chiểu Quý ..... năm ...
Mã số ISBN : Tập một : 978-604-0-18573-0
Tập hai : 978-604-0-18574-7